

Henri de Frondeville

Đức cha
PIERRE LAMBERT DE LA MOTTE
(1624-1679)

Nguyễn Xuân Hùng dịch thuật
Đào Quang Toàn giới thiệu

Lưu hành nội bộ
Tp. Hồ Chí Minh
- 2007 -

Lời Giới Thiệu

Chúng tôi hân hạnh gửi tới quý độc giả tập tiểu sử đức cha Lambert de la Motte do ông Henri de Frondeville thực hiện.

Tựa đề của bản gốc là :

Un prélat normand, évangéliste et précurseur de l'influence française en Extrême-Orient. - Pierre Lambert de la Motte, évêque de Béryte (1624-1679). – (Nhà xuất bản Spes, 17 Rue Soufflot, Paris. – Năm 1925 – gồm 94 trang).

Tập tiểu sử này được chia ra 7 chương, kể chuyện Đức cha Lambert từ khi ngài chào đời năm 1624 tại Lisieux tới khi ngài từ trần năm 1679 tại Xiêm La. Tuy chưa phải là một công trình nghiên cứu lớn lao, tác

phẩm này đã luôn luôn được các nhà viết sử về công cuộc truyền giáo tại Đông Nam Á, cách riêng về Việt Nam, tra cứu hay trích dẫn. Và đây là tác phẩm đầu tiên trên thế giới dành riêng để trình bày tiểu sử vị giám mục đã lập hàng giáo sĩ Việt Nam và là đáng sáng lập dòng nữ Mến Thánh Giá.

Tác giả là hầu tước Henri de Frondeville (1884-1971), thuộc dòng dõi của đức cha Lambert, tức dòng họ Lambert-Frondeville mà ngày nay vẫn còn tồn tại ở Pháp. Trước, ông là sĩ quan quân đội; rồi, sau Thế chiến Thứ nhất, ông từ chức về làm việc trong ngân hàng, và chuyên nghiên cứu lịch sử miền Normandie, trở thành một sử gia rất nổi tiếng trong lãnh vực này.

Chúng ta sẽ lưu ý rằng đây là cuốn sách do một người Pháp viết cho các người Pháp khác đọc, vào những năm 1925. Điều này có nghĩa là một số điểm trong sách không còn phù hợp với hiện trạng hoặc với tâm tình của người ngày hôm nay, nhất là của người Việt chúng ta nữa. Ví dụ, ngay phần khởi đầu nói về thành phố Lisieux : *« nhờ lòng sùng mộ mới khởi phát đối với chị chân phước Têrêxa (...) - Lisieux có con đường đáng cho thiên hạ tò mò lưu ý mang tên là “Rue aux Fèvres”. Con đường này thật cách biệt với nếp sống hiện đại (...) - Cận ngôi nhà thờ Thánh Giacôbê, hiện ra trước mắt chúng ta là những mặt tiền duyên dáng còn nguyên vẹn của nhiều ngôi nhà cổ thế kỷ XVI (...) »*. - Ngày nay, chân phước Têrêxa đã là nữ hiển thánh tiến

sĩ, và con đường xưa với những căn nhà thế kỷ XVI thì đã bị Thế chiến Thứ hai phá bình địa rồi.

Riêng những lời tác giả liên quan tới vấn đề chính trị thuộc địa thời năm 1925 thì hoàn toàn không còn hợp thời đối với chúng ta hôm nay nữa.

Ví dụ ở cuối chương thứ ba : « *Những hạt mầm mà các vị tiên phong của nền văn minh nước Pháp sắp gieo vãi rồi sẽ sinh hoa trái. Và ta có thể trân trọng gọi các vị tông đồ này của đức tin công giáo, danh hiệu xứng kỳ đức, là các vị tiên hô của một vùng đất thuộc địa quan trọng tại Á châu, mà ngày nay nước Pháp đang tự hào với danh hiệu ấy.* »

Hay một ví dụ khác ở cuối chương thứ bảy : « *Và nhìn theo quan điểm của người Pháp, làm sao không khỏi cảm thấy một tâm tình tri ân sâu sắc đối với các vị tiên phong phổ biến nền văn minh của chúng ta ? Các ngài đã làm cho các vua chúa và dân chúng các vương quốc xa xôi biết tới đất nước chúng ta. Nhờ tư cách cao cả, nhờ cá tính trỗi vượt lúc gian lao thử thách, nhờ tài khéo léo ngoại giao, các ngài đã bảo đảm uy tín cho thanh danh nước Pháp. Các ngài đã mở con đường sẽ sinh hoa sinh trái, trong tư cách là người dọn đường đích thực cho các kiều dân chúng ta thời thế kỷ XIX. Những con người ấy cốt yếu là tông đồ, và mọi ý tưởng xâm lăng chinh phục đều xa lạ với các ngài (...)* ».

Đó là hai ba điểm mà chúng tôi xin phép được lưu ý quý độc giả để cách đọc sách của chúng ta thêm trưởng thành, thêm cao thượng và thêm ích lợi.

Các « Chú thích » trong sách là của chính tác giả, được sắp lại vào trang cuối của mỗi chương. Và, các phần riêng do chúng tôi thêm vào thì sẽ được đặt trong dấu [...].

Chúng tôi chân thành cảm ơn anh Nguyễn Xuân Hùng đã vui lòng chuyển dịch tập tiểu sử tiếng Pháp này sang tiếng Việt, với mấy đoạn đã do anh Cao Kỳ Hương dịch thuật từ trước.

Rất mong ước rằng tập tiểu sử đây sẽ đem lại thêm cho quý độc giả chút hiểu biết thú vị và hữu ích !

Mùa xuân 2007.

Đào Quang Toàn

Chương Thứ Nhất

Gia đình. – Tuổi thơ. – Những biểu hiện đầu tiên của tính nết.

Lisieux là thành phố mà ngày xưa có toà giám mục và khá sinh động. Nhưng cho tới vài năm mới đây, thành phố chỉ linh hoạt được nhờ một nếp sống địa phương lúc bổng lúc trầm, và nhờ dăm ba du khách hiếm hoi ghé ngang. Ngày nay, Lisieux lại phồn thịnh và chứng kiến một phong trào có thể nói là duy nhất trong lịch sử thành phố. Được như vậy là nhờ du lịch hồi sinh với các thắng cảnh lâu đời vùng Normandie, nhất là với các bãi biển gần đó được người ta ưa chuộng, và nhờ lòng sùng mộ mới khởi phát đối với chị chân phước Têrêxa. Dân cư thành phố khôn ngoan ý tứ nên không bỏ quên các di sản yêu dấu của thời đã qua, nhất là vào lúc - như người ta nói - thị hiếu về « quá khứ » rất đổi phổ biến khiến các kẻ buôn bán đồ cổ được giàu có. Người dân có công lao giữ gìn, cho khỏi bị thời gian tàn phá, các công trình kiến trúc và thậm chí các ngôi nhà ở khiêm tốn nhất còn tồn tại, vượt lên sức soi mòn của thời gian sau nhiều thế kỷ và còn sót lại qua những trận hỏa hoạn do các cuộc nội chiến gây ra.

Lisieux có con đường đáng cho thiên hạ tò mò lưu ý mang tên là « Rue aux Fèvres ». Con đường này thật cách biệt với nếp sống hiện đại, cách biệt đến nỗi

những người dân ở con đường ấy trước đây trên ba trăm năm, nếu nay họ sống lại mà quay về thăm, thì họ sẽ dễ dàng nhận ra lại nó ngay. Và không xa con đường này bao nhiêu, cạnh ngôi nhà thờ Thánh Giacôbê (Saint-Jacques), hiện ra trước mắt chúng ta là những mặt tiền duyên dáng còn nguyên vẹn của nhiều ngôi nhà cổ thế kỷ XVI. Các ngôi nhà cổ ấy nay mang dáng vẻ ngã nghiêng, và dường như tựa sát vào nhau để tìm cách hợp sức tàn còn lại mà chống chỏi hùng dũng với tháng năm, bởi vì mỗi ngày chúng mỗi cảm thấy kém vững chắc hơn trên nền móng cổ xưa. Và giống như các bà già, theo tuổi đời, càng chăm sóc dáng vẻ bên ngoài, thì các ngôi nhà cổ ấy về mùa hè lại trang điểm với một điệu bộ mới, bằng các chùm hoa mỏ hạc xinh xắn, với các đốm sắc màu tươi sáng hòa hợp với màu sơn xanh lục nhạt của các ô cửa kính, xen lẫn màu sẫm của hàng cột kiến trúc nổi bật lên bên ngoài.

Trong một ngôi nhà như thế, đối diện với nhà thờ Thánh Giacôbê, không xa cổng phố Orbec, sáng ngày 16-01-1624, rộn lên âm thanh nao nhiệt khác thường. Người ta sắp đem đến nhà thờ một trẻ bé vừa mới chào đời ở đây để rửa tội cho em. Bà con thân thuộc, hàng xóm và bạn bè đang qui tụ quanh bà quý tộc nơi đó là « bà cố vấn Lambert », nhũ danh Mauduit. Bà đã cao niên và đi đứng khó khăn, nên chẳng mấy khi rời khỏi chiếc ghế bành, người ta vừa đem đến cho bà đứa cháu trai đã được chuẩn bị tươm tất cho nghi lễ rửa tội. Đó là đứa con thứ hai của người con trai thứ ba của bà : ông

Pierre Lambert, ngài quý tộc xứ La Motte, cố vấn hành chính và tư pháp tại thành phố Évreux, vợ ông là bà Catherine de Heudey de Pommainville (1). Cùng đi theo trẻ sơ sinh đến tận nhà thờ là bác trai trưởng, ông Jean Lambert, ngài quý tộc xứ Formentin và xứ Mesnil-Simon, tử tước miền Auge, là người cha đỡ đầu của em. Vợ đỡ đầu của em là bà Charlotte du Val, bà quý tộc đất Bocquency, vợ của ông cố vấn tại Nghị viện vùng Normandie, ông Nicolas de Heudey, ngài quý tộc đất Pommainville (2).

Trong khi chuông nhà thờ Thánh Giacôbê đổ ngân vang, đám rước rời căn nhà đi trên con đường « Rue de l'Ormerie » (3). Bà nội, vì tuổi già sức yếu, phải ở nhà. Chắc hẳn bà tưởng nghĩ đến tương lai vận mệnh của đứa cháu trai mà bà đang cầu xin Chúa che chở. Bà biết rằng sự che chở này là cần thiết dường nào, vì bản thân bà đã nếm trải biết bao thử thách vào thời xa xưa, khi có những cuộc chiến tranh tôn giáo. Căn nhà của bà ngày nay được trang hoàng tử tế, nhưng ngày xưa đã bị cướp phá và bị đốt cháy bởi các phần tử Liên Minh « La Ligue ». Chồng bà (4) đã yên nghỉ từ hồi đó đến giờ, đã gần 32 năm, dưới nền nhà nguyện Chúa Ba Ngôi trong nhà thờ Thánh Giacôbê. Và lần lượt, ba người con trai của bà đều phải rời xa bà, theo nhiệm vụ làm viên chức tư pháp trong các thành phố khác.

Trẻ sơ sinh được đặt tên Pierre, giống như ông nội và cha của em. Cùng với người chị đầu, Marie, em sẽ sống

ba hay bốn năm trong căn nhà Mauduit này, căn nhà đã chứng kiến em chào đời. Rồi sau đó, em đi sang ở một trong các căn nhà mà dòng họ Lambert đã sở hữu trên đường Bouteiller, ở mút cùng bên kia thành phố. Chắc hẳn mùa hè nào, em đều có đến trang ấp La Motte, cách Lisieux gần một dặm đường, và giữa vòng rào những cây táo bao quanh căn nhà cổ xưa của gia đình, trẻ thơ đã đùa giỡn với sáu chị em trai gái trong suốt những năm đầu thời niên thiếu. Rồi, đến lúc được đưa đi học, và thế là cậu bé đã đi thành phố Caen, nơi đó cậu đã theo học hết chương trình học vấn. Truyền thống dòng họ Lambert là bảo đảm cho các cậu con trai một căn bản vững chắc về ngành luật để chuẩn bị cho họ vào các chức vụ tư pháp, chức vụ mà họ phải cố giành cho được, và cậu thiếu niên Pierre cũng theo qui luật chung đó. Ngài đã chứng tỏ một khả năng nghiêm nghị trước tuổi, và nét nghiêm ấy càng tăng thêm khi người cha của ngài qua đời trong khi ông đang thi hành lệnh động viên tại miền Lorraine. Khi đó ngài mới 11 tuổi. Nơi ngài đã bắt đầu biểu hiện cá tính mà sau này khi ngài trưởng thành thì càng thấy rõ hơn. Với một lòng đạo đức sống động, một trí thông minh rất tháo vát, ngài tìm cách hoàn thiện linh hồn, không phải bằng sự tiến bộ thanh thần trên con đường thiện hảo, nhưng là bằng cách lắng nghe các tiếng gọi khẩn thiết của một tâm hồn nhiệt thành và bị hối thúc, khắc khoải. Ngài lánh xa các trò chơi vô tư của thiếu niên bè bạn, ngài ép mình làm việc liên tục nhắm đến sự trọn lành.

Cha Brisacier, người đầu tiên viết tiểu sử của ngài, ít năm sau khi ngài qua đời (5), đã cho chúng ta biết vài chi tiết đặc trưng của thời niên thiếu của ngài như sau :

« Một khi Thiên Chúa đã có những dự định lớn lao như thế đối với ngài thì đồng thời Người cũng phú ban những đức tính trời vượt cho ngài. Những ai từng may mắn lãnh trách nhiệm giáo dục cậu bé đều công nhận tuổi thơ ấu của ngài không có chút gì là ấu trĩ cả. Từ năm lên 8, ngài đã có tính cách chững chạc của một con người trưởng thành chín chắn. Và mặc dầu được Chúa ban nhiều ưu thế hơn các bạn đồng trang lứa, ngài không hề tỏ ra trịch thượng hoặc phô trương. Ngài biết kết hợp trí tuệ linh hoạt với óc phán đoán vững chắc, dung hợp tính hiếu học với trí nhớ dễ dàng, và đem sức mạnh của thiên tài hoà hợp với vẻ đẹp tự nhiên vừa hiền hoà vừa cương nghị.

Ngài chăm sóc thân thể cách vừa phải chứ không hề thích thú làm đẹp bản thân. Ngài tránh xa các cử chỉ sỗ sàng và cả các vuốt ve âu yếm hồn nhiên nhất, không phải với một cách hung hăng thù ghét chúng, nhưng bằng thái độ dè dặt với các cử chỉ đó. (...)

Ngài rất thương người nghèo, đến nỗi đôi lúc làm vị quản gia phải cáu gắt lên vì ngài cứ đòi người đưa cậu bánh mì để đem biếu tặng họ. Những lúc đó, ngài phải trở đủ mọi tài khéo léo để làm dịu cơn bực bội của người. Và khi được lòng người rồi, ngài mới thuyết phục người chiều theo ý ngài. Khi có được một ít tiền trong

túi, ngài vui sướng phân phát cho bất kỳ người cùng khốn nào ngài gặp, cho dầu vì vậy ngài không còn gì để vui chơi giải trí. Và nếu còn dư đôi chút, ngài thản nhiên đặt hết vào tay vị gia sư, xin ông ta cứ tiêu dùng tùy thích, bởi vì ngài không cần đến nó.

Ngài thường đặt câu hỏi hoặc trả lời những vấn đề đạo đức khiến mọi người kinh ngạc. Khi đi dạo về vùng quê, thay vì gắn bó theo đám bạn bè cùng nhóm, ngài tự ý đi dạo một mình để tránh không cho ai thấy mình tiếp xúc với những trẻ em dân quê. Ngài thường hỏi chúng về giáo lý, khuyến khích chúng sẵn lòng lắng nghe, hiểu biết và ghi nhớ những gì ngài nói với chúng. Đây là những thử nghiệm đầu tiên của một tâm hồn vô cùng nhiệt thành để sau này đem lại những hiệu quả thật tuyệt vời. »

Rất có lẽ trong suốt thời tuổi trẻ, Pierre Lambert cũng đã chịu ảnh hưởng của một người bà con ngài, cha Zacharie de Lisieux (6), tu dòng Ca-pu-xanh. Từng nổi tiếng hùng biện nơi triều đình vua Louis XIII cũng như tại các thành phố nơi ngài đã giảng thuyết, vị tu sĩ này dùng ngòi bút sắc bén để gây ý thức về các ngang trái của một xã hội đang công khai dãi bày các thứ vô trật tự, hùa theo rối loạn chính trị do bởi cuộc nổi dậy phản kháng « La Fronde » gây ra. Các sách ngài viết, như tác phẩm nổi tiếng « Gygès Gallus » và « Voyage au pays de Jansénie », hẳn nhiên đã đem lại thành công lớn ở

Pháp cũng như ở nước ngoài, ở đó người ta đã in lại các sách ấy nhiều lần.

Người ta có thể cho rằng Pierre Lambert, là con cháu và là người đương thời với vị tu sĩ ấy, đã tận dụng các lời khuyên của ngài và đã cầu xin ngài dẫn dắt mình đi con đường trọn lành, con đường mà chính Pierre Lambert đang bước đi với một lòng nhiệt thành rất đổi sốt sắng.

Các đấng hướng dẫn tự nhiên của ngài lần lượt mất đi. Ngài khoảng chừng 16 tuổi khi ngài mất mẹ. Bà nội Marie Mauduit đã mất năm 1638. Vậy là ngài sẽ lãnh nhận trách nhiệm chăm sóc các em trai và chị em gái còn rất trẻ. Ngay khi ngài đúng tuổi qui định, thì ngài được giao trách nhiệm giám hộ các chị em trai gái. Địa vị giàu sang, mặc dù có của cải dư dật, cũng không để lộn xộn bừa bãi được. Ngài đã theo học luật hầu có thể sắp đặt việc nhà cho có trật tự. Cái tính hay cãi lý vụn vặt gàn bướng là một tật xấu riêng của người Normandie, và tính xấu ấy bộc lộ khá rõ trong cái gia đình có nhiều nhân viên tư pháp này, vì họ đã quen lui tới các phòng xử án, và họ rất thành thạo việc đưa đẩy các tranh chấp từ phán quyết của tòa án này sang phán quyết của tòa án khác, từ thỏa hiệp này đến chuyển nhượng khác. Gần như không có lần chia phần thừa kế di sản nào mà lại chẳng gây ra chuyện tranh luận kiện tụng triền miên vô tận. Cha của Pierre Lambert đã không hề ngại những chuyện kiện cáo với mẹ và các

anh em mình ; và cái chết bất ngờ của ông đã để lại cho vợ góa, rồi cho con trai trưởng, cái công việc bực bẽo là phải giải quyết các khó khăn này.

Chắc hẳn những sự phản đối giận dữ trên sẽ vẫn cứ y nguyên, gần như không thể giải quyết được, nếu Pierre Lambert đã không cho họ gặp thấy nơi ngài cái cao thượng của một tính khí vượt mức tầm thường và một phán quyết rất ngay chính. Ngài đã nhanh chóng đạt được uy tín to lớn trên tất cả các bà con họ hàng của ngài ; và mặc dù không hề từ bỏ quyền lợi nào mà ngài có cùng với các chị em mình, ngài đã tìm ra được những công thức đúng phép công bình và đã tái lập bình an trong gia đình mình.

Trong số sáu người chị em cả trai lẫn gái của ngài, thì chỉ có ba người, hai gái một trai, là còn sống đến tuổi trưởng thành. Chị và em gái thì ngài lo chuyện hôn nhân cho họ với các vị quý tộc vùng Normandie (7), và ngài chăm sóc giáo dục em trai Nicolas, người mà chúng ta sẽ có dịp nhắc đến. Bản thân ngài, năm 1645, vừa tốt nghiệp đại học, ngài đã ghi danh, chen chân vào số các trạng sư của Nghị viện Paris và thế là lần đầu tiên ngài lưu trú ở kinh đô, chắc hẳn chỉ là một thời gian ngắn. Thật vậy, từ ngày 17-5-1646, ngài kiếm được một chỗ làm tư vấn tại Tòa án Thuế vụ vùng Normandie, và ngài định cư ở thành phố Rouen để chu toàn các bổn phận của viên chức tòa án.

&

Chú thích :

(1)- Ông Pierre Lambert [thân phụ của đức cha Lambert], ngài quý tộc đất La Motte, sinh khoảng năm 1580, là con trai của ông Pierre Lambert, tước vị công tử, ngài quý tộc đất La Motte và đất Formentin, tư vấn ở tòa án thành phố Évreux, và của bà Marie Mauduit. Từ năm 1618, ông là viên chức cảnh vệ cho pháp quan hạt Évreux tại tổng tư dinh vùng Normandie. Ông đã từ chức tháng 12 năm 1624 và sống ở Lisieux cho đến năm 1635. Bấy giờ theo lệnh động viên của vùng Normandie, ông đã đi Lorraine, và chết trong cùng năm ấy khi đang phục vụ nhà vua, và ông đã được an táng tại Nancy trong nhà thờ Thánh Sébastien. Năm 1622 ông đã cưới bà Catherine de Heudey de Pommainville, lúc đó là vợ góa của ông Jean le Mire, tước vị công tử, ngài quý tộc đất Nonantel, người được đề cử tại Lisieux. Bà này là con gái của ông Nicolas de Heudey, tước vị công tử xứ Pommainville, tư vấn tại Nghị viện Rouen, và của bà Charlotte du Val, bà quý tộc đất Bocquency. Ông Pierre Lambert và bà Catherine de Heudey sinh được bảy người con, không người con trai nào lấy vợ và như thế là tận tuyệt nhánh này của dòng họ Lambert.

Ông Pierre Lambert có hai anh em trai. Anh cả là Jean, tử tước xứ Auge, chết năm 1627, không kết hôn. Em trai là Robert, thừa kế chức tử tước xứ Auge, là vị tổ sinh các nhánh Formentin, Argence, Jeanville và nhánh Frondeville. Chỉ có nhánh cuối cùng này còn tồn tại đến ngày nay.

Đất đai La Motte, mà Pierre Lambert đứng tên, nằm về phía tây của Lisieux, trong hạt Saint-Pierre-des-Ifs. Dòng họ Lambert có đất đai ở đây ít ra từ giữa thế kỷ 15. Trang ấp của họ để lại dấu tích trong hồ sơ của tu viện Sainte-Barbe vùng Auge.

(2)- Người ta thấy có ghi chú lễ rửa tội này vào ngày 16-01-1624 trong sổ sách của nhà thờ Thánh Giacôbê của thành phố Lisieux

tại văn khố của thị sảnh thành phố này. Như vậy là do nhầm lẫn mà tất cả mọi người chép tiểu sử Đức cha Lambert de la Motte nói rằng ngài đã sinh tại La Boissière, ngày 18 hoặc ngày 24 tháng 01.

(3)- Ngày nay là đường « Rue au Char ».

(4)- Tư vấn của tòa án thành phố Évreux, ông Pierre Lambert, tước vị công tử, ngài quý tộc đất La Motte và đất Formentin, qua đời trong căn nhà này, gọi là « Nhà Mauduit » (Maison Mauduit), ngày 18-9-1592, và được an táng hai ngày hôm sau tại nhà thờ Thánh Giacôbê.

(5)- *Vie de Mgr Lambert de la Motte*, biên soạn bởi cha Brisacier, bề trên chủng viện Hội Truyền Giáo, vẫn là bản viết tay và còn tồn tại trong văn khố của chủng viện này, ở số 128 - rue du Bac, Paris. [viết tắt là : AMEP, tập số 122].

(6)- Cha Zacharie có tên là Ange Lambert. Ngài là con trai của ông Jean Lambert, tước vị công tử, ngài quý tộc đất Saint-Philbert, đất Formentin-Heudreville và của bà Marie de Cauvigny. Ngài vào nhà dòng năm 1618, ngài sớm tỏ ra là vị giảng thuyết hùng biện và có danh tiếng tại triều đình vua Louis XIII. Được mời qua nước Anh, ngài đã lưu trú nhiều năm tại nhà Thừa sai Công giáo của Luân Đôn. Sau đó ngài sống ở tu viện Ca-pu-xanh tại thành phố Havre, tại đó ngài đã viết phần lớn các tác phẩm của ngài và tại đó ngài qua đời năm 1661.

(7)- Người chị đầu kết hôn lần thứ nhất với ông Jacques de Grieu, tước vị công tử, ngài quý tộc đất Estimauville, ông này đã có con cháu lưu danh hậu thế đến ngày nay, và kết hôn lần sau với ông Jacques Crevin, tước vị công tử, ngài quý tộc đất Grandchamp. Người em gái út đã kết hôn với ông Jacques Costart, tước vị công tử, ngài quý tộc đất Douet và đất La Chapelle.



Chương Thứ Hai

Pierre Lambert, tư vấn tại Tòa án Thuế vụ tại Rouen. – Diễn biến đời sống nội tâm của ngài. – Ngài lãnh các chức thánh. – Các việc đạo đức và bác ái tại Normandie.

Trong suốt chín năm, từ 1646 đến 1655, với một lương tâm cảnh giác ngài khỏi vi phạm những điều bất công nhỏ nhất và với sự thâm hiểu các điều tinh vi sắc sảo về luật thuế của chế độ cũ, Pierre Lambert đã thi hành các chức vụ tinh tế của mình là tư vấn về các vấn đề thuế má. Bởi vì ngài chưa đủ tuổi qui định là 25 lúc ngài được bổ nhiệm, nên ngài đã phải viết thư xin miễn tuổi, và các thư chấp thuận được ban cho ngài ngày 30-6-1646. Nhờ có tinh thần mềm dẻo, ứng dụng linh động ngay giữa các vấn đề hầu như luôn rắc rối mà từ đó phát sinh sự phản kháng chuyện thuế má, và nhờ tính khí ngài trởi vượt hơn người phàm, nên ngài đã nhanh chóng có một vị thế đặc biệt so với hai mươi bảy vị tư vấn đang tại chức lúc bấy giờ. Tiếng tốt về ngài tại Rouen rất đáng kể. Trong suốt những năm ấy, thường xuyên các tư nhân đến giao phó cho ngài cứu xét các vụ án của họ khi chúng đặc biệt khó giải quyết. Ngài có tài khéo không ai sánh bằng để tưởng tượng ra các giải pháp sẽ làm thỏa mãn đối phương, và ngài có biệt tài thuyết phục để khiến họ chấp nhận các giải pháp này.

Ngài là người đức hạnh nên có uy tín. Ngài có sự khôn khéo giao tiếp đã hòa giải các vụ tranh chấp vốn từng chia rẽ bà con dòng họ ngài. Uy tín và sự khôn khéo trên góp phần làm lan rộng danh thơm tiếng tốt của ngài như con người hoàn toàn liêm khiết và công bình.

Đức tổng giám mục địa phận Rouen là đức cha François de Harlay và ông chủ tịch Nghị viện là ngài Faucon de Ris, cả hai đều rất quý mến kính trọng ngài. Các vị hay thử ngài về kiến thức luật pháp và sự tinh tế trí tuệ của ngài, và các vị ấy đều rất hài lòng về sự phân xử khéo léo của ngài.

Tuy nhiên ngài không chút khoe khoang về các thành công này. Thay vào đó, một ngày kia ngài đã tâm sự với một trong các vị thầy dạy học trước mà tình thân vẫn như bạn bè, rằng « ngài thấy chức vụ hiện tại quá nặng nề đối với một người trẻ tuổi như ngài. Và ngài xin thầy ấy hằng ngày luôn cầu nguyện Thiên Chúa ban ơn cho ngài đừng mắc sai lầm xử oan một người nào ».

(1)

Trong thực tế, chiều theo các ước nguyện thâm sâu của linh hồn ngài và theo lời khuyên của vị linh hướng ngài là cha Hayneuve dòng Tên, thì mỗi ngày qua đi, ngài càng thoát ly khỏi các lo lắng bận tâm về vật chất và càng tưởng nghĩ nhiều hơn đến chuyện sớm từ bỏ chức vụ để dâng trọn đời mình cho Chúa và chuyên làm các việc bác ái.

Rất nghiêm khắc với bản thân, và không ngừng thao thức muốn biết rõ Chúa chờ đợi ngài điều gì, ngài đã tự rèn luyện mình suốt nhiều năm trường. Không hề sờn chí, ngài bước đi trên một con đường với những gian nan trở ngại ngài tự nguyện tìm định lấy, hầu tiến đến lý tưởng hoàn toàn từ bỏ mà ngài đặt ra cho mình. Để chuẩn bị lãnh các chức thánh trong tâm tình khiêm nhường và sốt sắng mà ngài xét là rất cần thiết, ngài đã tự áp đặt nhiều thử thách mà cha Brisacier đã kể cho chúng ta biết qua nhiều chi tiết ý nhị. Việc đầu tiên, sau khi lấy ý kiến của cha Hayneuve, là ngài đi tĩnh tâm lâu ngày tại thành phố Caen. Vào dịp ấy, ngài đã tiếp xúc với các thành viên hội dòng Chúa Giêsu và Mẹ Maria do cha Eudes sáng lập ; và chắc hẳn, lần đầu tiên, ngài có ý tưởng rằng ngài có thể được kêu gọi ra đi rao giảng Tin Mừng đến các nước xa xôi. Đó là thời mà cha Laval, mà ngài có quen biết, nghĩ đến chuyện đi Canada. Pierre Lambert đã đi hành hương đến nhà thờ Notre Dame de la Délivrande để xin ơn hiểu thấu hơn chương trình mà Chúa dành cho ngài. Trở về, ngài được thêm kiên vững trong các quyết tâm hy sinh, và cùng với người bạn của ngài là ông Bernières, ngài lên đường đi Paris để tham khảo ý với nhóm người đạo đức đang quan tâm lo phát triển việc tông đồ công giáo tại Canada. Sự hợp tác của ngài vào sứ vụ này không thể được chấp nhận, nhưng ngài tranh thủ thời gian tạm trú ở kinh đô để đi quì gối nơi tất cả các điểm hành hương tại đây và vùng ngoại ô. Rồi ngài quyết định quay về

Caen, đến với các vị linh hướng, để tiếp tục việc chuẩn bị nhập vào hàng giáo sĩ, không lưu lại Rouen nơi ngài chỉ đi ngang qua mà thôi.

Người viết tiểu sử cuộc đời ngài cho chúng ta biết chi tiết tình trạng tâm hồn ngài, cho thấy sự từ bỏ đã dẫn đưa ngài đến đâu, và cho biết sự khinh thường nơi ngài đối với mọi cái trọng vọng của người thế gian.

« Suốt hành trình ngài giữ thình lặng, không chuyện trò với ai cả. Tại Rouen, ngài không muốn tìm gặp lại một bạn hữu nào. Ngài đi đường sông trên một con thuyền dành cho giới bình dân, chen chúc lẫn lộn với đủ mọi thứ người. Từ chối cưỡi ngựa tốt, ngài chọn ngựa thồ hoặc giống ngựa nhỏ và xấu. Như kỵ sĩ điều hành chiến thắng, ngài ngồi trên con ngựa mà chủ nó là một dân quê cầm dây cương dắt đi qua thành phố gần nhà nghỉ mát của ngài trước kia (2), đứng vào dịp chợ phiên và ngày tòa có án xử, trước mắt những người quý phái ngày xưa từng là hàng xóm của ngài, trước mắt cả những người quen biết cũ. Có những người sợ làm ngài khổ tâm nên không dám chào hỏi, giả vờ như không quen biết ngài. Có những người lại xấu hổ thay cho ngài, nên tiến lại đề nghị đổi ngựa cho ngài (...) ».

[(2bis)]

Nhưng ngài phải đi xa hơn trong việc tìm kiếm sự khiêm nhường, cho nên sau một kỳ tĩnh tâm ba mươi ngày khác tại Caen, ngài quyết làm một « chuyến đi chịu khổ nhục » vào mùa thu năm 1655, mà ngài xem

như là thử thách tối thượng trước khi lãnh các chức thánh :

« Sau 20 ngày quan sát kỹ lưỡng tác động ơn thánh trên tâm hồn ngài, vị hướng dẫn tĩnh tâm tuyên bố chấp thuận cho ngài thực hiện cuộc hành hương khổ nhục. Hai ngày sau ông chỉ định ngài đi thành phố Rennes. Lý do đặc biệt khiến ông chọn Rennes hơn Nantes hoặc Angers vì ở đó có mộ tu sĩ Jean de Saint-Samson. Trong các tu viện dòng nam Cát Minh ở thủ phủ vùng Bretagne này, người ta vẫn rất tôn kính tu sĩ Jean de Saint-Samson. Vị hướng dẫn tĩnh tâm cho rằng ngài nên lưu lại một thời gian bên mộ vị tu sĩ. Việc đó sẽ rất hữu ích cho ngài.

(...) Ngài đã mặc áo nhặm để dễ dàng điều khiển ngũ quan và thân xác. Ngày 25 tháng 7 kết thúc kỳ tĩnh tâm 30 ngày. Ngài bắt đầu đi bộ trong tình trạng chao động vì tận đáy lòng thì can đảm, nhưng trong cảm giác thì buồn sâu rã rời.

Càng đi gần tới Rennes lòng can đảm càng gia tăng với ước muốn thi hành tất cả những gì Chúa đã ra lệnh cho ngài. Nhưng khi đến nơi, nỗi buồn lại tăng lên. Khi nằm trần trọc trong căn chòi hoang, ngài chợt tỉnh giấc giữa đêm khuya, hoảng hốt sợ hãi vì nghĩ nếu mình chết vào lúc này thì chẳng được sự giúp đỡ cả tinh thần lẫn thể lý nào, và đáng sợ hơn nữa là có được cứu rỗi hay không. Ngài đã quá lo sợ đến mức nếu Chúa không giải thoát ngài khỏi chước ma quỷ cám dỗ, ngài có nguy cơ

roi vào nỗi tuyệt vọng. Trong tình trạng đó, ngài nhớ lại mình đang vâng theo Thánh ý Chúa, và đã phó thác cho Thánh ý để vượt qua tất cả những thử thách Chúa gửi đến. Nhờ đó ngài tìm lại được không những sự bình an mà còn tràn đầy vui mừng với niềm hy vọng là con đường phó thác cuối cùng sẽ dẫn đến sự kết hiệp hoàn toàn mà những nhà tu đức gọi là sự tan biến linh hồn trong Chúa, và Thiên Chúa ngự trị trong tâm hồn.

Để thi hành ý Chúa muốn ngài trở thành người nghèo khổ, bước đầu tiên là ngài cắt tóc thật ngắn. Việc này gây khổ tâm cho ngài hơn mức người ta tưởng, bởi vì ngài luôn cho rằng với kiểu dáng đó, ngài mang vẻ ngớ ngẩn quê mùa, việc này trước kia ngài rất khó chịu đựng nổi. Sau đó ngài khoác thêm bên ngoài y phục thường ngày một áo nịt bằng vải thô mà ngài đã cố tình tìm mua cho bằng được. Ngài vận quần cũng bằng vải thô như áo. Để đủ lễ bộ, ngài đội một chiếc mũ cũ kỹ, mang giày tồi tàn, thắt chặt lưng bằng sợi giây thường.

Với bộ dạng đó, ngài đi đến nhà thờ các cha dòng nam Cát Minh là nơi ngài cho là thuận tiện nhất để chuyên tâm nguyện ngắm. Ngài bắt đầu tuần cửu nhật bên mộ tu sĩ Jean de Saint-Samson với ước muốn nóng bỏng được tiến bộ trên con đường nội tâm, theo bước chân của vị tu sĩ đó. Mỗi khi xuất hiện trên đường phố, qua sự náo động của thiên hạ, ngài biết y phục của mình kỳ cục lắm, và mình là đối tượng cười nhạo của mọi người. Những người dè dặt thì cười đùa hỏi nhau :

“Ông này từ đâu ra vậy?”. Những người thô lỗ thì lại gần công khai chế nhạo ngài bằng những câu hỏi quá trớn. Những người khác lại đặt ra hàng ngàn ước đoán xấu xa dựa trên vẻ ngoài quái lạ của ngài. Và ngài lắng nghe họ muốn nói gì thì nói. Thậm chí các tu sĩ ở ngôi nhà ngài đến cầu nguyện cũng không giúp ngài thanh thản khi họ cứ lần lượt đến tra hỏi ngài về giai cấp xã hội ngài, quê hương ngài, các ý định và các lý do của cuộc hành hương.

Chỉ có cha phó bề trên giải tội cho ngài là người biết ngài đôi chút. Còn các tu sĩ khác đều ước đoán đây là một người công chính cải trang giấu mình vì nhân đức. Mặc dầu họ không tán thành bộ y phục đó, họ cũng không dám hoàn toàn kết án con người khoác nó. Cùng với cha bề trên nhà dòng, họ xét thấy cần cẩn thận, không nên cho con người sống nghèo khổ như thế trong nhà họ suốt tuần cửu nhật, mặc dầu ngài đã xin được trú ở dòng, để có dịp đàm đạo với những tu sĩ đạo đức nhất, vào những lúc rảnh rỗi còn sót lại sau khi đã nguyện gẫm 5 hoặc 6 giờ vào buổi sáng và cũng chừng ấy giờ sau khi ăn trưa.

Ngày ngày thứ hai cha bề trên nhà dòng còn cho ngài biết cả thành phố xem ngài như một tên gián điệp, hay ít ra như một kẻ cố chấp với những quan niệm bất thường, kẻ chưa được các đấng bề trên trong đạo thừa nhận mà đã thi hành một việc đền tội công khai cách quá đáng đến nỗi làm hỏng nó luôn. Ngay tối hôm đó,

khi ngài trở về căn chòi hoang nhỏ bé, một đám đông phụ nữ, trẻ em và thợ thuyền đi theo diễu cợt, chửi rủa ngài với ngôn từ hùng hổ của đám dân chúng hung hăng vì đã quen sử dụng qua các cuộc nội chiến liên miên thời đó. Một vài thanh niên học nghề chặn ngài lại vặn hỏi ngài là ai. Ngài trả lời ngài chỉ là một kẻ khó khăn. Câu trả lời đó làm họ an tâm. Một anh trong nhóm thò tay vào túi lấy tiền bố thí. Ngài ngửa mũ nhận lấy một đồng tiền và trân trọng giữ bên mình nhiều ngày tháng sau đó. (...)

Ngài quyết định trở về Caen bằng cách đi bộ, vai đeo bị, không quan tâm đến danh tiếng lẫn sức lực mình. Sau khi đi được hơn 5 dặm, với cái bụng rỗng, bỗng nhiên ngài thấy suy sụp vì yếu mệt. Ngài thấy cần phải ăn uống một chút. Nhưng Thiên Chúa đã an ủi ngài bằng ý nghĩ : đây chỉ là một chút nhỏ nhoi trong những gì Chúa Giêsu đã hứng chịu vì chúng ta (...).

Khi vào thành phố Avranches, ngài cứ ăn mặc như thế để ghé nhà một người quen xin nước uống, đồng thời ném luôn sự xấu hổ cũng như làm quen với cách sống thô lỗ quê mùa, ngược với tính tự nhiên của ngài. Đó là một cách chết đi với những thứ văn minh lịch sự thế gian.

Ngày hôm sau, ngài đến xin ngủ trọ nơi một cha xứ, nhưng cha xứ lại không có giường cho ngài. Bù lại, cha xứ cho ngài 2 xu, và ngài khiêm tốn ngửa tay nhận, để ngài đến quán trọ trong làng. Bà chủ quán muốn đón

nhận ngài vì lòng mến Chúa, nhưng chồng bà không chịu. Ngài phải qua đêm tại một quán trọ tồi tàn khác có dáng dấp khả nghi hơn. Người ta xếp ngài ngủ trên đồng rơm rạ ở căn gác áp sát mái nhà kín mít của một quán rượu. Sáng dậy, bà chủ quán tính tiền ngủ và bữa cơm tối hôm trước là 2 đồng xu, vừa đúng khít số tiền cha xứ cho ngài.

Ngài đã nghĩ đến việc không nên xuất đầu lộ diện ở thành phố Coutances, nhưng Thiên Chúa lại xếp đặt cách khác. Không hiểu thế nào mà một nhân vật vị vọng đã nhận ra ngài và mời ngài về trọ tại nhà ông ta. Ngài phải nhận lời mời trong bộ y phục hành hương như thế vì Thiên Chúa đã soi sáng cho ngài 2 lý do : một là để phơi bày mình ra cho mọi người nghiêm khắc xét đoán, hai là để làm trò cười cho toàn vùng, nơi ngài mong sự sỉ nhục nhỏ bé này sẽ như một việc đền tội công khai trước mặt Thiên Chúa và trước mọi người vì những gương xấu ngài đã phạm khi theo nghề xét xử, một nghề tuân thủ các quy luật khôn ngoan giả dối của trần gian.

Ngài lại từ bỏ đi theo khôn ngoan điên dại trần gian khi từ chối cưỡi ngựa đi về Caen cách tiện nghi thoải mái. Ngài đã xác định phải trở về Caen giữa ban ngày ban mặt, với bộ y phục kỳ dị mà ngài đã khoác vì lòng yêu quý sự bỏ mình. Ngài tin chắc là sự sỉ nhục cuối cùng này sẽ khó khăn hơn và càng làm đẹp lòng Chúa hơn những lần trước. Ngài càng kiên quyết từ nay sẽ

bước trên con đường cao quý của tự hạ một cách can đảm hơn, nhất định không lùi bước nào, không vị nể bất kỳ ai. » [(2ter)]

Cuối cùng, ngài xét thấy đã sẵn sàng. Dịp Bốn Mùa tháng 12 năm 1655, ngài đã lãnh các chức nhỏ, ngài chịu chức phụ phó tế ngày 21, và chịu chức linh mục ngày 27. Ngài dâng lễ mở tay tại Coutances, ngày 08-02-1656. Vài tuần sau, ngài lại đi Rouen là nơi các chức vụ mới và quan trọng một lần nữa kêu mời ngài đến.

Thật vậy, Pierre Lambert là một người rất hoạt động nên không chỉ tìm trong chiêm niệm và nguyện gẫm sự hoàn thiện của linh hồn mà ngài hướng đến. Theo gương của một người trong số các bạn, cựu tư vấn của Nghị viện, là ngài Damiens ở Rouen, thì ngài quyết định dành hết thời gian và phần lớn của cải để phục vụ người nghèo. Từ lâu, ngài đã chú ý đến tất cả các người nghèo về vật chất và tinh thần mà miền Normandie còn phải chịu, khi tỉnh này mới bắt đầu tái thiết sau hàng loạt các cuộc chiến tranh tôn giáo và rối loạn chính trị. Cho nên, từ năm 1650 đến 1658, ngài đã có nhiều cơ hội thi hành việc từ thiện. Việc từ thiện nhằm giúp khai sinh hoặc phát triển một số lớn công trình đạo đức hoặc bác ái.

Chúng ta còn nhớ rằng ngài có nhiều đất đai gần Lisieux. Đặc biệt, ngài là vị quý tộc của giáo xứ La Boissière nơi mà dòng họ Lambert đã tậu được nhiều của cải từ thời rất lâu về trước. (3)

Trong thời gian lưu trú ở đây, ngài đã kết bạn với một linh mục rất đạo đức, cha Dominique George, bấy giờ là cha sở của giáo xứ Pré-Auge kế bên, sau này làm bề trên tu viện Val-Richer. Hai ngài cùng quan tâm đến thân phận khốn khổ và dốt nát của hàng giáo sĩ địa phương vùng Hạ Normandie. Các ngài biết rằng từ hơn hai mươi năm nay cha Vincent de Paul đã khởi xướng những cuộc hội thảo cho các giáo sĩ và đã sinh ích lợi dường nào. Với sự giúp đỡ của cha bề trên La Place, năm 1650, các ngài đã đặt nền móng cho « Hội thảo Cambremer » nhằm tập hợp theo định kỳ, các linh mục những vùng xung quanh để nuôi dưỡng lòng nhiệt thành của các ngài, triển khai việc học hỏi và nâng đỡ các ngài khỏi cảnh thiếu thốn. Sáng kiến tốt lành này được đức giám mục Bayeux phê chuẩn, và chẳng mấy chốc, được các vị khác ở những vùng lân cận noi theo. Sinh hoạt ấy đã được vui mừng đón nhận ở các miền nông thôn là nơi mà đời sống đạo gần như không có chi cả. Pierre Lambert đã không ngừng quan tâm đến « Hội thảo Cambremer », và thậm chí khi các công việc tông đồ kêu gọi ngài đi xa tỉnh nhà, thì ngài vẫn chứng tỏ lòng trung thành nhớ về công việc này của thời trẻ, bằng cách từ xa xôi, đã gửi về những lời khuyên và những lời khích lệ. (4)

Chúng ta đã nói rằng vào đầu năm 1656, Pierre Lambert lên đường đi Rouen nơi đó các chức vụ mới vừa được ủy thác cho ngài. Thật vậy, ngài được mời đến để lãnh đạo nhà cứu tế của thành phố này mà thời đó

người ta còn gọi nó là « Phòng Người Nghèo Khỏe Mạnh ».

Việc quản trị cơ sở quan trọng này đòi hỏi, ngoài sự tận tâm vượt lên thử thách, còn phải có phẩm cách đặc biệt về trật tự kỷ luật và sáng suốt lo liệu.

Pierre Lambert đã ngần ngại một ít lâu trước khi chấp nhận nhiệm vụ như thế, nhưng ngài đã chứng tỏ năng lực suốt chín năm khi ngài làm việc tại Tòa án Thuế vụ, và ngài đã nhận lời yêu cầu nài xin của tất cả những ai tại Rouen, vì địa vị của họ hoặc vì tinh thần bác ái, đã quan tâm đến « Phòng Người Nghèo ». Nay thì ngài có thể hoàn toàn dấn thân vào nhiệm vụ mới, bởi vì ngài vừa mới nhượng bán chức vị của ngài [tại Tòa án Thuế vụ] cho ông Germain le Tellier, trạng sư tại Nghị viện Normandie. Ngài được vua ban cho chức tước « Cố vấn danh dự » [Tòa án Thuế vụ] kèm theo những lời tuyên phán trân trọng đáng được thuật lại sau đây :

« Louis, nhờ ơn Thiên Chúa, v.v....

Dựa theo những điều đã được trình bày cho Ta, thì Ngài Pierre Lambert, lãnh chúa và chủ quản xứ La Boissière, hiện giờ là linh mục, trước đây làm tư vấn tại Tòa án Thuế vụ, vì lòng đạo đức và vì muốn phục vụ Thiên Chúa một cách đặc biệt, đã sẵn lòng nhượng lại nhiệm vụ trên, sau khi đã thi hành suốt mười năm với tất cả sự thành thật và liêm khiết. Và, bởi vì Ngài Pierre

Damiens, tư vấn tại Nghị viện Rouen đã qua đời, nên Ngài được các ủy viên thường vụ tại “Phòng Người Nghèo Khỏe Mạnh” mời đến cư ngụ tại ngôi nhà của “Phòng” để lãnh đạo cách riêng những người nghèo ở tại đó, cũng như các vấn đề vật chất liên hệ, cùng với các ủy viên nói trên. Và để Ngài Pierre Lambert điều hành công việc này được kết quả và sinh ích lợi, điều quan trọng là phải ban cho Ngài được hưởng thêm mười năm công tác nữa. Bởi vì, cần hội đủ hai mươi năm thì hành bốn phần thì mới được hưởng các đặc ân và các quyền lợi dành cho những vị tư vấn danh dự của Tòa án Thuế vụ, mà nhờ đó có được tiếng nói quyết định trong các buổi họp của “Phòng” và có được chỗ đứng xứng đáng với công việc. Đây là điều sẽ không thể xảy tới được cho Ngài Pierre Lambert, nếu Ta không lo liệu cho Ngài. Vì các lý do đó, Ta đã và đang ban phép cho Ngài Pierre Lambert được phẩm cách là cố vấn tổng quyền của Ta tại Tòa án Thuế vụ thành phố Rouen, v.v....

Ban hành tại Paris ngày thứ 30 của tháng Sáu, năm hồng ân 1656. » (5)

« Phòng Người Nghèo Khỏe Mạnh » này là một tổ chức đã có lâu rồi ở Rouen, nơi có vô số những khốn khổ do chiến tranh và dịch bệnh gây ra, do đó tổ chức này trở nên rất cần thiết. Vì quan tâm đến trật tự xã hội cũng như vì tình bác ái, tổ chức này mở ra một nơi ăn chốn ở và đem lại sự trợ giúp cho người ăn xin và trẻ em bị bỏ rơi. Được thành phố tạo dựng nên với sự phê

chuẩn bằng sắc lệnh nhà vua và theo nghị quyết của Nghị viện, cho đến giữa thế kỷ XVII, tổ chức này đã trải qua những ngày khó khăn, do thiếu tiền bạc và thiếu những cơ sở vững chãi và thích hợp. Cuối cùng, từ năm 1602, tổ chức này có được nhà cửa cơ sở cho riêng mình (6) trong khu phố Maresquerie, gần cổng phố Saint-Hilaire. Nhưng tổ chức hoạt động này còn rất sơ đẳng cho đến năm 1651, khi vị tư vấn Nghị viện, ngài Damiens, bị thôi thúc bởi lòng thương xót người nghèo, đã từ bỏ chức vụ, đứng ra điều hành nhà cứu tế. Ngài đã bảo đảm cho công việc trôi chảy bằng cách dành trọn lợi tức từ tài sản cá nhân mình và thậm chí là ngài còn đến ở luôn nơi nhà ấy mà dành hết thời gian cho việc phục vụ. Suốt năm năm trời, ngài dần dần mở rộng các việc phục vụ của cơ sở này cho đến lúc đó vẫn còn thiếu thốn và ngài đã qua đời trong công việc vào năm 1656.

Pierre Lambert de la Motte bấy giờ được mời đến tiếp tục công việc của ngài Damiens. Vị tân giám đốc đã tỏ ra xứng đáng với vị tiền nhiệm và ngài đã tiêu hao sức lực không tính toán trong suốt hai năm. Không những ngài đã bảo đảm việc phân phối trợ cấp vật chất cho kẻ khốn khó lỡ đường, bảo đảm trật tự và vệ sinh nơi ở các người bệnh hoạn và các trẻ em, ngài xin các tặng phẩm đều đặn, tổ chức lạc quyên, và thu thuế dành để nuôi quỹ của nhà cứu tế, nhưng ngài còn quan tâm tìm nâng cao luân lý nơi những kẻ khốn khổ ấy nữa. Ngài lưu ý trước tiên đến các trẻ em bị bỏ rơi mà nhà

cứu tế tiếp nhận và dạy dỗ các điều sơ đẳng. « Niềm vui thích của ngài là được thấy các trẻ em giữ nét ngây thơ và được giáo dục kỹ lưỡng, được lần lượt chuẩn bị rước lễ lần đầu, trẻ em gái thì ham thích nguyện ngắm, để nhờ đó thán phục Thiên Chúa nhân từ đã dùng sự nghèo khổ của chúng để cho chúng tham dự vào kho tàng lớn lao mà chúng sẽ không bao giờ biết đến nếu chúng được sống trong những gia đình sung túc. » (7)

Không hạn chế vào việc chăm sóc nơi nhà cứu tế của ngài, ngài thường xuyên đi bộ đến thăm các khu phố nghèo trong thành phố. Ngài cũng trở nên trạng sư kẻ khốn khó, cầu xin cho họ nơi các kẻ quyền thế và giàu sang. Hai lần ngài đến Paris để thúc giục triều đình trợ giúp kẻ khốn khó. Như mẫu gương ngài bắt chước là thánh Vincent de Paul, không bao giờ ngài lùi bước, ngài trở nên kẻ khẩn cầu kiên quyết, ngài ngồi chờ nơi các phòng đợi, vận dụng những mối quan hệ gia đình của ngài với các Hội đồng và với Nghị viện, và ngài đã làm cho nữ công tước nhân hậu Aiguillon và nữ công tước Longueville quan tâm đến công việc bác ái của ngài. Công tước Longueville nay đã từ bỏ các xao động chính trị để dành thời gian cho công việc từ thiện. Nhờ thế ngài đã xin được các trợ giúp quan trọng về vật chất.

Tại Rouen, ngài đã tìm được các vị trợ tá quý báu, đều có tinh thần bác ái giống như ngài. Trong số họ phải kể ra các tư vấn của Nghị viện là những ông La

Haye-Auber và Le Cornu de Bimorel. Ngài đã có thể trút một phần gánh nặng nhiệm vụ của ngài lên họ, và họ sẽ tiếp nối ngài điều hành nhà cứu tế, khi ngài dứt khoát từ giã vùng Normandie, vào năm 1658, để theo sứ mạng truyền giáo đến các miền xa xôi.

Việc chăm sóc người nghèo đã không cản trở Pierre Lambert tiếp sức cho các công trình khác mà ngài xét là rất quan trọng. Xúc động vì thấy hàng giáo sĩ thiếu sự dạy dỗ, ngài đã đích thân can thiệp, với một năng lực rất đặc biệt, để tranh đấu vượt qua các trở ngại hầu xây một chủng viện theo tinh thần cha Eudes tại Rouen. Ngài rất thán phục cha Eudes là người đã hướng dẫn ngài lúc ngài chuẩn bị vào đời sống linh mục và là người vừa mới xây dựng rất thành công các chủng viện tại Caen, tại Lisieux và tại Coutances. Dù ảnh hưởng thật sự của mình đối với vị tổng giám mục địa phận Rouen, đức cha François de Harlay, và đối với cha tổng đại diện Mallet, Pierre Lambert de la Motte đã xin được chữ ký của các vị vào bản giao kèo ủng hộ việc xây một chủng viện mới trong thành phố này, bất chấp sự chống đối rất mạnh mẽ mà ngài phải hứng chịu từ phía công hội nhà dòng và từ một vài kẻ lớn tiếng phê bình cha Eudes. Để tránh sự bài bác về chuyện tiền bạc, ngài đã mua bằng tiền túi của ngài, giá 23.000 quan [livres], một căn nhà trong giáo xứ Saint-Vivien để thiết lập chủng viện tương lai ở đây.

Một bức thư ngài viết cho cha Eudes, đã được công bố (8), cho thấy rõ với năng lực thế nào, ngài đã chủ trì dự án này :

« Từ khi cha ra đi, đức giám mục Aulone và cha Dufour đã bàn bạc kỹ với đức tổng giám mục của chúng con về chuyện chủng viện dự tính mang tên Saint-Patrice. Bởi vì đáng bản quyền địa phận này không có ý nào khác ngoài việc giữ điều đã ký, ngài cho các người trong nhóm của cha biết ý kiến ấy ; ngài cho họ hiểu cần phải tiến hành công việc này cách rất kín đáo, và phải làm cho xong thật sớm những gì còn sót. Cho nên con gửi cho cha đây mẫu của các hồ sơ thư từ mà rồi cha sẽ gửi cho bào đệ của cha (là ông Mézeray), ngài ấy chắc chắn sẽ có đủ uy tín để đưa đi đóng dấu một cách khác với lệ thường. Cha hãy góp ý cho ngài rằng cần phải thông qua chữ ký của một quốc vụ khanh, trước khi gửi các hồ sơ thư từ ấy về đây. Cha sẽ suy tính xem, về chuyện này, có cần một bức thư của triều đình gửi cho ngài quận công Longueville không. Sẽ không có nguy hiểm nào nếu ngài Blouet thỉnh thoảng cứ đi thúc dục ngài Mézeray mau chóng gửi giấy tờ thư từ đi, trước khi người ta khám phá những điều kín đáo của chúng ta. Bởi vì nếu con không nhầm, sẽ có rất nhiều tiếng đồn ồn ào đó. Xin cha vui lòng đừng mất thời gian đến Paris làm chi, và xin cha hãy sẵn sàng đến đây mà chiến đấu trong ít lâu nữa thôi. Con xin tình nguyện phục vụ cha và mỗi lần gặp nhau, cha sẽ thấy con là ... ».

Đúng như Pierre Lambert đã báo, dự án này khi đến tai mọi người, đã gây nên cơn sóng gió phản đối từ phía những ai tưởng mình có độc quyền đào tạo giáo sĩ. Nhưng sự phản đối này đã được thấy trước nên chẳng làm xao xuyến đức tổng giám mục, ngài trung thành với lời hứa, quyết định tiến tới không lùi bước. Pierre Lambert sẽ rời khỏi Rouen mà không thấy dự án này được thực hiện, dự án mà ngài đã rất quảng đại dành công sức vào đó. Sau khi ngài đi khỏi ít lâu, thì dự án này thành tựu : thật vậy, chủng viện được khánh thành ngày 16-02-1659. Các tâm hồn đạo đức, trong số đó có Nicolas Lambert là em trai của ngài, có vị tư vấn Nghị viện là ông La Haye-Auber và các anh em nhà Le Cornu de Bimorel, họ đều quan tâm và tạo điều kiện dễ dàng cho việc tổ chức chủng viện.

Tại Rouen, Pierre Lambert đã bắt tay dựng nên một nhà dung thân cho các thiếu nữ sám hối hoàn lương. Và nhờ có lần đi ngang qua thành phố Dijon, ngài xin người ta gửi nhiều nữ tu đến Rouen để điều hành nhà dung thân này. Vì mục tiêu ấy, ngài đã ký một giao kèo với các nữ tu vào ngày 20-9-1657. Đức tổng giám mục địa phận Rouen đã phê nhận giao kèo trên vào ngày 22-10 sau đó ; và trong cùng tháng ấy, các sắc chỉ nhà vua công khai ban cho nhà dung thân mới lập này các quyền lợi giống như quyền lợi các cơ sở từ thiện khác của thành phố. (9)

Sau cùng Pierre Lambert đi tới thành phố Havre năm 1658 để xin nữ công tước Aiguillon quan tâm đến việc mở một nhà tĩnh tâm. Và rồi nhà tĩnh tâm được lập nên sau đó ít lâu, tại Montauve, gần Louviers.

Tuy nhiên hoạt động bác ái trên không đủ để xoa dịu tâm hồn luôn làm việc của Pierre Lambert. Trong khi ngài tiêu hao sức lực vì người nghèo, thì dự định ngài đã từng có mà tạm thời phải gác qua một bên, là dự định dẫn thân rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc xa xôi, lại bừng lên mạnh mẽ nơi ngài. Những công việc phục vụ lớn lao mà ngài làm cho dân chúng ở Rouen, cũng như tình trạng sức khỏe ngài bắt đầu có biến đổi, và tình cảm của những người thân ngài, không có gì có thể lay chuyển quyết tâm của ngài. Các trở ngại từng có chỉ làm cho ngài thêm kiên vững trong quyết tâm. Thiên Chúa đang kêu gọi ngài vào làm việc tông đồ cho lương dân, điều mà ngài ao ước hết lòng, thế là trong suốt hai năm cuối còn lưu lại Normandie, tất cả cố gắng của ngài, trước tiên còn bí mật, sau rồi đến công khai tuyên bố, đều hướng đến ước nguyện này. Bây giờ chúng tôi sẽ trình bày cho thấy bằng cách nào ngài đạt đến lời ước nguyện trên, khi ngài cố sức vượt thắng qua các khó khăn chống đối, kể từ vài ba năm rồi, trong việc tổ chức công cuộc truyền giáo của người Pháp cho vùng Viễn Đông.

&

Chú thích :

(1)- Brisacier, sách đã dẫn. [AMEP, tập 122, trang 4].

(2)- Tất nhiên là Lisieux.

[(2bis)- AMEP, tập 122, trang 14].

[(2ter)- AMEP, tập 122, trang 15-21].

(3)- Tên của ngài [Pierre Lambert] được nhắc đến nhiều lần trong các sổ bộ của giáo xứ này, phần ghi chú phép rửa tội các trẻ sinh tại phần đất của ngài, và ngài làm cha đỡ đầu.

(4)- Một bức thư của Pierre Lambert gửi cho Dominique George và gửi cho « các bạn tham gia Hội thảo Cambremer », đề ngày 19-9-1676, tìm thấy trong văn khố tỉnh Calvados, Série H. Bức thư đã được công bố bởi cha Simon, cha sở họ Montreuil, tháng 5-1918, trong báo *Semaine Religieuse de Bayeux*.

(5)- Văn khố của tỉnh Seine-Inférieur. Sổ bộ của Tòa án Thuế vụ.

(6)- Nhà cứu tế (hospice général) thành phố Rouen ngày nay vẫn còn ở địa điểm cũ.

(7)- Brisacier, sách đã dẫn. [AMEP, tập 122, trang 39-40].

(8)- Martine và Lecomte, *Vie du R.P. Jean Eudes*, Caen, 1880, tập II, trang 16.

(9)- Duplessis, *Description géographique et historique de la Haute Normandie*, Paris, 1760, tập II, trang 93.



Chương Thứ Ba

Nguồn gốc việc truyền giáo của Pháp tại Viễn Đông. – Pierre Lambert de la Motte can thiệp với Roma để vượt qua những trở ngại chống đối sự thành lập việc truyền giáo này. – Ngài được chọn làm giám mục Beryte và làm đại diện tông toà tại vùng Đàng Trong.

Khi đã biết tâm hồn của Pierre Lambert rồi, người ta không ngạc nhiên thấy ngài lôi cuốn người em trai tên Nicolas theo ngài mà dấn thân phục vụ Chúa, người em mà chính ngài đã phải chăm sóc sự giáo dục. Năm 1655, khi ngài quyết định từ giã nhiệm vụ tư vấn ở Tòa án Thuế vụ và quyết định chuẩn bị tâm hồn lãnh các chức thánh, ngài chuyển nhượng quyền sử dụng tài sản, động sản và bất động sản, cho em trai lúc đó 14 tuổi [*sic*]. Nhưng người em trai, với cá tính cũng cao thượng như anh cả, lại cảm nhận theo tấm gương hy sinh cao đẹp nơi anh mình hơn là mối lợi vật chất qua sự sở hữu một di sản to lớn. Lúc 18 tuổi [*sic*], khi người đang đi học, thì ở trọ tại Paris, nơi con đường Saint-Dominique, với một nhóm vừa người trưởng thành vừa người trẻ tuổi. Được hướng dẫn bởi linh mục dòng Tên là cha Bagot, họ dành hết thời gian rảnh rỗi vào các việc đạo đức. Chính trong nhóm huynh đoàn ấy mà Pierre Lambert đến tá túc khi ngài có việc phải lo cho người nghèo tại Rouen của ngài. Ở đây, ngài nghe nói tới việc truyền giáo miền Viễn Đông mà các cha dòng Tên đang

tìm kiếm những ơn gọi. Còn ngài, chúng ta đã biết, ngài đã từng mơ đi Canada rao giảng Tin Mừng. Ngài không thể lắng nghe mà không náo nức quan tâm, khi người ta tường thuật các khó khăn xảy đến cho những ai đang mơ tạo lập việc truyền giáo của người Pháp tại Á châu.

Nhóm lại với nhau, trước tiên là có ý hướng đạo đức, nhưng không có mục tiêu truyền bá đức tin công giáo, cho đến một ngày kia vào năm 1653, các thành viên trong hiệp hội của cha Bagot đã tiếp đón một cha dòng Tên khác, cha De Rhodes. Sau nhiều năm làm việc tông đồ tại Viễn Đông, cha đến Paris, được Tòa Thánh giao nhiệm vụ tuyển mộ những người ưu tú mà Tòa Thánh sẽ đặt làm đại diện tông tòa, hầu lo tổ chức Giáo Hội tại miền đất xa xôi đó và lo thiết lập hàng giáo sĩ địa phương. Cha De Rhodes đã được họ tiếp đón nồng nhiệt. Và trong số các tâm hồn sẵn sàng hy sinh, cha De Rhodes dễ dàng tìm được ba người mà đức giáo hoàng yêu cầu. Ba vị linh mục được chọn là Pallu, Laval và Pique. Nhờ lòng quảng đại của nữ công tước từ tâm Aiguillon, đã có được khoản tiền 1.800 quan (livres), số tiền mà Tòa Thánh cho là cần thiết để chi dùng cho ba vị tân giám mục.

Như thế xem ra dự án quan trọng này sắp sửa được thực hiện, với sự trợ giúp của sứ thần Tòa Thánh tại Paris. Nhưng hai cường lực đáng sợ thời bấy giờ đã can thiệp với Roma và dùng ảnh hưởng của mình để buộc đức giáo hoàng từ bỏ dự án đó. Một đảng là vua nước

Bồ Đào Nha, ông thấy rằng trong việc tổ chức các công cuộc truyền giáo mới và rồi tổ chức thành lập một hàng giáo sĩ trực thuộc Tòa Thánh, có sự xâm hại đến quyền bảo trợ truyền giáo mà xưa kia đã được Tòa Thánh công nhận cho nước Bồ, quyền bảo trợ trên nửa phần thế giới. Đàng khác, có các hội dòng mà cho đến lúc đó vẫn đang được hưởng một quyền ưu tiên trong việc rao giảng Tin Mừng cho vùng Viễn Đông. Nước Pháp là một kẻ mới đến trong công cuộc truyền bá đức tin công giáo sang bên kia bờ các đại dương. Nước Pháp bước vào sân khấu, với sự nâng đỡ của đức giáo hoàng, thế là có những sự ghen tỵ.

Đã có những sự chống đối rất mạnh nhằm không cho bỏ nhiệm các vị đại diện tông tòa người Pháp, và ba ứng viên của cha De Rhodes đã phải từ bỏ sứ mạng của mình sau khi Đại hội nghị Giáo sĩ Pháp trình thỉnh nguyện, nhưng không thành, lên đức giáo hoàng Alexandre VII vào tháng tư năm 1655. Cha Pallu đã quay về thành phố Tours, nơi ngài đã từng làm kinh sĩ. Cha Laval thì lui về Caen, từ nơi đó ít lâu sau ngài sẽ phải đi Canada. Còn cha Pique thì nhận làm quản xứ một họ đạo tại Paris.

Vậy là công việc xem ra bị bỏ lỡ, hơn nữa người khởi xướng là cha De Rhodes lại được sai sang nước Ba Tư để điều hành công việc truyền giáo bên đó. Nhưng ý chí của một phụ nữ, bà công tước sốt mền Aiguillon mà chúng ta đã nói trên kia, thì mạnh hơn mọi trở ngại. Bà

không ngừng giao thiệp bằng thư từ với vị cựu sứ thần Tòa Thánh và với nhiều vị hồng y bên Roma. Khi biết rằng năm 1657, cha Pallu đến kinh thành này với hai linh mục bạn [*sic*], bà công tước đã nài xin ngài hãy quay lại dự án cũ và cố gắng đề xuất ý kiến với đức giáo hoàng Alexandre VII và gặp thánh bộ Truyền bá Đức tin. Cha Pallu không thể khước từ lời kêu gọi này. Ngài đã xin và được bái yết đức giáo hoàng một lần. Và đức giáo hoàng đã tiếp đón ngài thân thiện ưu ái hơn là ngài tưởng. Một ủy ban gồm bốn vị hồng y được chỉ định để nghiên cứu tổ chức sắp đặt các giáo phận tông tòa tại vùng Á châu. Tràn đầy hy vọng, cha Pallu để các bạn quay về Pháp, còn ngài thì ở lại Roma chờ kết quả các cuộc thương lượng mà ngài nghĩ rằng sẽ đạt tới đích cách mau lẹ làng.

Trong thời gian đó, Pierre Lambert lưu trú tại Paris và vừa làm việc phục vụ người nghèo của ngài tại Rouen, vừa liên lạc nhiều hơn với các vị tổ chức việc truyền giáo Viễn Đông. Như thế là ngài chuẩn bị cho mình vai trò một vị thừa sai, mà dường như Chúa đang kêu gọi ngài vào.

Để củng cố niềm xác tín vào ơn gọi đặc biệt này, ngài quyết định đi Roma. Dọc đường ngài dừng lại kính viếng các nơi hành hương của nước Pháp, miền Savoie và nước Italia, mà lòng sùng mộ thúc dục ngài đến viếng thăm. Ngài dùng ngựa mà đi đường với một người hầu mà thôi. Ngài đi qua ngã Dijon, tại đó ngài giải

quyết công việc xin giúp cho nhà dung thân tại Rouen mà chúng ta đã nói trước đây. Ngài đến Beaune để quì gối nơi mộ nữ tu Marguerite du Saint-Sacrement. Đến Lyon, ngài đã quì cầu nguyện trước trái tim của thánh Phanxicô de Sales. Rồi ngài đến Grande-Chartreuse, đến Notre-Dame de Myans, đến Annecy, và đến Genève. Chính khi dừng chân tạm trú ở miền Savoie mà ngài đã nhận được thư của người bạn ngài [*sic*] là cha François Pallu. Cha Pallu, vẫn còn ở Roma, bắt đầu lo lắng vì ủy ban các hồng y tỏ ra chậm chạp giải quyết công việc mà ngài đang hết lòng gắn bó. Ngài xin Pierre Lambert hãy mau đến với ngài và hãy trợ giúp ngài bằng chính kinh nghiệm đã từng giải quyết các vụ việc. Thế là Pierre Lambert vội vã đi Marseille, và từ đó đi Toulon, rồi xuống tàu sang Livourne. Ngài đến Roma ngày 18-11-1657 và được người bạn thông báo cho biết các khó khăn nảy sinh mỗi ngày dưới chân mình. Để giải quyết nhanh các ý kiến bác bỏ do thánh bộ Truyền bá Đức tin đưa ra về chuyện nguồn tài chính dành để bảo đảm đời sống các vị đại diện tông tòa, thì lập tức ngài dâng tặng tất cả tài sản còn lại của ngài để bảo lãnh các chi phí đòi hỏi. Một khi đã vượt qua khó khăn này rồi, ngài bắt tay đóng vai trò cá nhân ngài trong việc thương thuyết :

« Cùng với cha Pallu, ngài đi thăm nhiều vị hồng y. Một vị hồng y cho biết rằng các trở ngại sẽ được san bằng hoặc ít ra sẽ được tháo gỡ, nếu hai cha thuyết phục

được vị thư ký bộ Truyền bá Đức tin là đức hồng y Mario Alberici.

Trong những tập hồi ký có nhiều chuyện thi vị của ngài, cha Bénigne Vachet kể rằng Lambert de la Motte, vì không thể xin được báí yết vị hồng y này, nên quyết định là sẽ thường xuyên gặp mặt ngài trên đường ngài đi. » (1)

« Cứ sáng sáng ngài đứng ở cửa dinh thự của đức hồng y Slusius, và khi ông lên xe ngựa, ngài gặp người vái chào. Đức hồng y thư ký gặp ngài khắp nơi, khi thì ở cửa các nhà thờ lúc vào cũng như lúc ra, khi thì ở cửa dinh thự lúc đi cũng như lúc về, khi nào ngài cũng tỏ lòng tôn kính cách khiêm tốn làm ai cũng vui thích, trừ đức hồng y Slusius (2). Nghi thức chào hỏi đã diễn ra được 8 ngày, và vẫn tiếp tục cho đến một lúc, chiếc xe ngựa của đức hồng y Slusius dừng lại trên phố để đức hồng y trao đổi chuyện trò với một quý bà sang trọng và nổi tiếng. Cha Lambert tiến lại gần cửa và vái chào sâu như mọi hôm. Vị thư ký không thể thấy ngài vì ông đứng quay lưng lại với ngài, nhưng bà quý phái nhìn thấy và nói với đức hồng y :

- Thưa đức hồng y, có một cha muốn thưa chuyện gì với đức hồng y thì phải.

Khi quay lại, đức hồng y Slusius thấy cha Lambert đang vái chào thêm lần thứ hai. Đức hồng y nói :

- Thưa bà, vị giáo sĩ này chỉ muốn ám sát tôi bằng các vái chào cung kính và đức khiêm tốn của ông ta đấy mà.

Bà kia đáp lời :

- Thế ạ, vậy thì đức hồng y hãy ban cho người ấy một cơ hội diện kiến đi.

Vì lời thỉnh cầu của bà ta, đức hồng y Slusius xuống xe, đi vào một lối đi nhỏ và với cha Lambert đến. Khuôn mặt tỏ vẻ giận dữ, đức hồng y vẫn tắt hỏi :

- Thưa cha, tôi phải làm gì để thoát khỏi những quấy rầy của cha đây ?

Cha Lambert trả lời :

- Con chỉ xin đức hồng y thuận cho con được bái yết một lần thôi, rồi sau đó đức hồng y sẽ không còn thấy mặt con nữa.

Đức hồng y Slusius nói :

- Tôi đồng ý. Tám giờ sáng mai cha đến tư dinh gặp tôi.

Câu trả lời này an ủi cha Lambert vô cùng. Ngài đến đúng giờ. Vị thư ký biết ngài đang chờ ở phòng khách nên cho mời vào phòng riêng, và cả 2 người ở với nhau cho đến 7 giờ tối, vì đức hồng y Slusius cho người đem bữa ăn trưa lên tận phòng riêng. Đó là một cuộc thương nghị tốt lành vì nó đã hoàn toàn hoán cải con tim của đức hồng y Slusius. Từ đó trở đi, đức hồng y kết bạn với

cha Lambert, một tình bạn keo sơn gắn bó đến mức không gì có thể phá hỏng nó được, một tình bạn kéo dài cho đến hơi thở cuối cùng của đức hồng y. Vị thư ký này tự đảm nhiệm vai trò bảo trợ đặc biệt và vô tư cho sứ vụ của các giám mục đại diện tông tòa người Pháp. Năm nào đức hồng y Slusius cũng đều đặn viết thư cho người bạn giám mục Béryte của mình. » (3)

« Từ bấy giờ mọi chuyện diễn ra mau lẹ. Ủy ban đặc biệt, gồm bốn vị hồng y, trước tiên đã cho ý kiến chấp thuận và yêu cầu là ba vị giáo sĩ, trong tư cách giám mục, sẽ được sai đi làm đại diện tông tòa.

Tiếp đến, trong hội nghị ngày 13-5-1658, bộ Truyền bá Đức tin đề nghị bổ nhiệm cha Pallu và cha De la Motte làm đại diện tông tòa tại xứ truyền giáo Trung Hoa và các nước lân cận ; đức giáo hoàng phê chuẩn sự chọn lựa này, ngày 8 tháng sáu. Và ngày 17 tháng tám kế đó, ngài ban sắc chỉ bổ nhiệm cha François Pallu làm giám mục hiệu tòa Héliopolis và cha Pierre de la Motte Lambert làm giám mục hiệu tòa Béryte, cả hai vị « *in partibus infidelium* » (4)

Khi đã nắm được kết quả các cuộc thương lượng này rồi, thì ngay tức khắc Pierre Lambert lên đường về Pháp, mà không chờ đợi các sắc chỉ công khai tuyên bố sự bổ nhiệm các giám mục. Ngài về Pháp để, cùng với các bạn ở Paris, tổ chức chuyến đi cho ba vị đại diện tông tòa, để bảo đảm dứt khoát là có sự liên tục trong

hoạt động của các ngài tại Viễn Đông. Và để chuẩn bị thường xuyên gửi các vị thừa sai đến giúp các ngài.

Mặc dù vội vàng quay về Paris, ngài không đi đường cũ, nhưng quay về hướng Nancy để đến cầu nguyện trước mộ thân phụ, đã mất hơn hai mươi năm, trong quân đội tại Lorraine, và được an táng trong nhà thờ Saint-Sébastien.

Làm xong bốn phận hiếu thảo rồi, đức cha Lambert dành toàn tâm trí cho công việc của ngài. Khi đã thỏa thuận với đức cha Laval, vị này sắp sửa xuống tàu đi Canada, và nhất trí với cha François Pallu rồi, thì ngài xin phép bộ Truyền bá Đức tin cho xây tại Paris một chủng viện nhằm tuyển mộ các vị thừa sai. Khi yêu cầu này đã được chấp thuận, thì đến lúc phải đặt nền móng cho cơ sở này.

Đồng thời, với sự giúp đỡ hào hiệp của nữ công tước Aiguillon, cuối cùng thì đức cha Lambert cũng có được số tiền dâng tặng cần thiết cho việc sắp đặt hành trình của ba vị giám mục. Số tiền ấn định là 600 quan (livres) cho mỗi vị.

Vào đầu năm 1659, đức cha Pallu được phong giám mục hiệu tòa Héliopolis. Nghi lễ diễn ra tại Tòa Thánh Roma, do đức hồng y Barberini chủ tọa, phí tổn do bộ Truyền bá Đức tin đề xuất. Sau đó đức cha Pallu đi gặp đức cha Lambert tại Paris, rồi ít lâu sau, hai vị nhận được các sắc chỉ nói rõ sự bổ nhiệm, thẩm quyền của

các ngài và vùng đất trên đó các ngài thi hành quyền để phong chức linh mục cho người bản xứ. Các vùng đất được giao cho thẩm quyền đức cha Lambert là xứ Đàng Trong, các tỉnh Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, đảo Hải Nam và các đảo khác lân cận. Nếu một trong hai vị đại diện tông tòa kia coi sóc vùng Đàng Ngoài và Nam Kinh, nếu lỡ ngài qua đời hoặc vắng mặt trống tòa, thì đức cha Lambert có năng quyền trên các vùng đất các vị ấy.

Đức cha Cotelendi, cho đến lúc đó là cha sở giáo xứ Sainte Madeleine, tại Aix-en-Provence, được chọn và được nhận làm vị đại diện tông tòa thứ ba với hiệu tòa Métellopolis.

Đức cha Lambert đã ở lại Rouen vài tuần để can thiệp một lần nữa cho công việc bác ái mà chúng ta đã nói và để xin các ủy viên « Nhà Người Nghèo » đề xuất một vị tân giám đốc. Sau đó ngài đến Paris, và ngày 02-6-1660 [*sic*], ngài được tấn phong giám mục bởi đức cha Bouthillier, tổng giám mục địa phận Tours, trong nhà thờ tu viện đầu tiên của dòng Thăm Viếng tại Paris, đường Saint-Antoine. Chi phí tổ chức cuộc lễ được mang đến bởi một phụ nữ, bà con với đức cha Pallu, bà De Beauharnais de Miramion. Đại hội nghị của Giáo sĩ Pháp, lúc bấy giờ đang nhóm họp, đã cử hai giám mục đến phụ phong trong nghi lễ.

Bà Miramion một lần nữa đã chứng tỏ sự quan tâm gắn bó với công việc khai sinh chương trình truyền giáo,

bằng cách đem lâu đài « La Couharde » mà bà đã thừa kế từ người chồng cho các tân giám mục và các linh mục sử dụng vào việc huấn luyện làm công tác tông đồ. Lâu đài này, cách Paris mười dặm, trong giáo xứ La Queue-les-Yvelines, không xa Montfort-l'Amaury, là một nơi tĩnh tâm tuyệt vời và là một nơi ở rất quý báu. Và lại còn quý báu hơn nữa, bởi vì lúc đó rất khó cho các hiệp hội và các huynh đoàn, nay đã trở nên rất đông đảo, xin được phép tấc mà sống chung với nhau tại Paris. Đức cha Lambert đã sống suy niệm trong nơi cô tịch này suốt thời gian mà nội qui của công việc truyền giáo không đòi hỏi đến ngài.

Trong thời gian ấy, đức cha Pallu ra sức xây dựng chủng viện ; « hợp tác với đức cha De la Motte Lambert, ngài tìm và gặp được trong số các bạn giáo dân và giáo sĩ của ngài, các cựu thành viên của hiệp hội Đức Trinh Nữ, hiệp hội Thánh Thể, và các hiệp hội đạo đức khác, những người có khả năng xây dựng và điều hành ngôi nhà [chủng viện] này tại Paris. Ngôi nhà này rồi sẽ trở nên trung tâm liên lạc thư từ, đồng thời sẽ là chủng viện và nhà quản lý cho công cuộc truyền giáo.

Đối với những người đã nhận nhiệm vụ này, các đại diện tông tòa ủy quyền cho họ, bằng văn thư giao ký trước mặt các công chứng viên. Theo văn thư đầu tiên thuộc loại này, ghi ngày 14-6-1660, đức cha De la Motte Lambert đặt hai vị linh mục làm tổng quản lý đại diện của ngài là cha Vincent de Meur và cha Luc Fermanel

de Favery, cùng hai giáo dân là ông Garibal, bá tước đất Saint-Sulpice, viên chức hành pháp, và ông Voyer d'Argenson, công tước đất Rouffiac. Ngài ban cho họ quyền xin cho ngài, nhân danh ngài, các văn thư của nhà vua cho lập nên một ngôi nhà [chủng viện] nhằm chuẩn bị sẵn sàng những người thợ sẽ lo việc hoán cải các linh hồn nơi lương dân. [Ngài ban quyền cho họ] được giới thiệu lên sứ thần của đức giáo hoàng tất cả những ai mà họ xét có khả năng đi truyền giáo, quyền tiếp nhận cho ngài mọi cơ sở vật chất và của dâng cúng làm lợi ích cho công việc truyền giáo, quyền tiếp nhận các khoản lợi tức do tài sản cá nhân ngài và do từ tài sản của việc truyền giáo, quyền bổ nhiệm các vị quản lý đại diện khác nếu họ không muốn làm việc nữa hoặc giả có người trong số họ qua đời, sau cùng là quyền hành động như thể có ngài đích thân hiện diện.

Tài sản và lợi tức mà các vị được ủy quyền phải lo liệu quản lý thì bao gồm, ngoài tài sản cá nhân của các vị thừa sai, còn có tiền bạc người ta dâng cúng vì lòng bác ái. Tiền bạc là cái cốt lõi của mọi cuộc chiến tranh, chiến tranh chống ma quỷ và chiến tranh chống con người. Người công giáo hiểu điều này. Các ân nhân đầu tiên giúp việc truyền giáo đều là những tên tuổi hiển hách nhất nước Pháp. Vua Louis XIV ban cho mỗi vị đại diện tông tòa một khoản trợ cấp suốt đời là 1.000 quan (livres), rồi sau đó lên đến 3.000 quan (livres) (1). Bà d'Aiguillon, bà De Ris và Mazarin cho các ngài một số tiền 600 quan (francs). Quý bà Bouillon, Miramion,

Fouquet dâng cúng các ngài từ 3.000 đến 6.000 quan (livres). Tổng đại hội Giáo sĩ cấp cho các ngài 6.000 quan (francs), và các thành viên hiệp hội Thánh Thể trích ra số tiền to lớn thời bấy giờ là 120.000 quan (francs) ». (2)

Bấy giờ sự sinh tồn của cuộc truyền giáo nước Pháp đã được bảo đảm. Thành công của những cuộc thương lượng suốt ba năm rồi, qua bao trở ngại, do các giám mục hiệu tòa Béryste và Héliopolis tiến hành, có hiệu quả rất lớn, xét về quan điểm tôn giáo cũng như xét về quan điểm của nước Pháp. Sự rao giảng Tin Mừng cho các nước châu Á sắp sửa nhận thêm một nguồn năng động mới do việc lập nên hàng giáo sĩ địa phương. Ngoài ra, uy quyền của Tòa Thánh trên các Giáo Hội sơ sinh này từ đây trở về sau không tỏ ra quá xa lạ, bởi vì đức giáo hoàng đã gửi đến trung tâm của các xứ truyền giáo các vị đại diện tông tòa với uy quyền mà họ lãnh nhận trực tiếp từ chính ngài. Đàng khác, các giám mục đầu tiên mà vùng Viễn Đông sẽ gặp thấy là các vị giám mục người Pháp. Ảnh hưởng tinh thần do các ngài tạo ra sẽ đem lại cho đất nước chúng ta [nước Pháp] phương thế duy nhất để giới thiệu nước Pháp và để làm cho nước Pháp được quý mến, vào thời kỳ mà chiến tranh với Hòa Lan vốn là bá chủ biển cả, đang làm tê liệt gần như hoàn toàn nền thương mại đường biển của chúng ta. Những hạt mầm mà các vị tiên phong của nền văn minh nước Pháp sắp gieo vãi rồi sẽ sinh hoa trái. Và ta có thể trân trọng gọi các vị tông đồ này của đức tin công giáo,

danh hiệu xứng kỳ đức, là các vị tiền hô của một vùng đất thuộc địa quan trọng tại Á châu, mà ngày nay nước Pháp đang tự hào với danh hiệu ấy.

&

Chú thích :

(1)- A. Launay, *Histoire générale de la Société des Missions Étrangères*, Paris, Téqui, 1874, tập I, trang 33.

(2)- Cha Vachet gọi hồng y Alberici là như vậy.

(3)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Cochinchine. Documents historiques*, Paris, Téqui, 1923, tập I, trang 5.

(4)- A. Launay, *Histoire générale...* , sách đã dẫn, trang 34.

(5)- Số tiền của Đức cha Béryte được bảo lãnh dựa trên lợi tức của tu viện Saint-Étienne tại Caen.

(6)- A. Launay, *Histoire générale ...* , sách đã dẫn, trang 52.

<>

Chương Thứ Tư

*Chuyến lữ hành của đức giám mục Béryste từ Pháp đến Xiêm La
(1660-1662)*

Trong ba vị đại diện tông tòa, chính đức cha Lambert de la Motte là người khởi hành đầu tiên. Ngày 18-6-1660, ngài rời Paris để rồi không bao giờ quay về lại đó nữa. Có một linh mục đi theo ngài, là cha Jacques de Bourges. Vài năm sau cha Bourges này đã xuất bản một tường thuật chi tiết về chuyến lữ hành của các ngài đến Xiêm La (1). Tác phẩm quý giá này giúp chúng ta theo dõi đức giám mục Béryste qua các bước thăng trầm trên những đoạn đường đằng đẵng kéo dài trên hai năm trời. Để tuân theo các chỉ thị của bộ Truyền bá Đức tin đã dặn các vị đại diện tông tòa tránh xa các vùng thuộc quyền của vua Bồ Đào Nha, và để thăm dò các lộ trình mới có thể có, đức giám mục Béryste đã quyết định đi đường bộ bằng cách vượt qua nước Syrie, vùng Lưỡng Hà Địa, nước Ba Tư và nước Ấn Độ.

Ông Locard kể trong sách *Lịch sử Xây dựng Kitô giáo tại các miền Đông Ấn* rằng : « Không có gì đáng nêu gương tốt hơn là chuyến ra đi của ngài. Vị giám mục này, sinh ra trong một gia đình danh giá và đông người, ngài không thiếu tài sản không thiếu việc làm, và di sản giàu có của ngài đã chu cấp vốn ban đầu cho việc

truyền giáo. Vị giám mục này có đồng thân nhân bà con họ hàng mà ngài yêu quý và ngài có nhiều bạn hữu danh giá mà ngài rất thân thiết, thế mà một cách quảng đại ngài đoạn tuyệt mọi mối dây liên hệ từng gắn bó ngài với quê nhà. Và không nói lời tạm biệt với ai, ngài đã ra đi, một chuyến đi mà ngài sẽ chẳng bao giờ quay về. Chắc hẳn ngài đã trả giá nhiều lắm trong con tim của ngài, nhưng ngài muốn rằng bước đi đầu tiên, đi rao giảng Tin Mừng, là một hy sinh lớn. Để thực hành đức khiêm nhường một cách hoàn hảo, ngài không đeo dấu hiệu nào bên ngoài tỏ ra ngài là giám mục. » (2)

Vừa mới đến Lyon thì đức cha Béryste bị sốt dữ dội, khiến ngài phải nằm bệnh viện của thành phố này trong năm mươi hai ngày. Ngài bị đau nặng đến nỗi người bạn đồng hành, thấy ngài mê man bất tỉnh, đã ban các bí tích sau cùng cho ngài. Thậm chí ngày hôm đó, lúc cha Bourges chuẩn bị viết thư về Paris để báo tin ngài sắp chết, thì bệnh nhân chỗi dậy và nói : « Xin cha đừng báo động các bạn chúng ta, căn bệnh này sẽ không là gì đâu, và trong ba ngày nữa chúng ta sẽ tiếp tục lên đường. » [(3)]

Thật vậy, qua vài ngày, đức giám mục lành bệnh. Và không đợi cho sức khỏe phục hồi, ngài quyết định lên đường. Ngài đi thuyền trên sông Rhône, và sau khi xuôi dòng nước trên chiếc xà lan, ngài đến Marseille bằng một loại xe lửa kéo (litière). Ở đó ngài gặp một người bạn đồng hành mới là cha Deydier, đến từ Toulon để

nhập đoàn với ngài và theo ngài đi đến tận miền Viễn Đông. Ngày 27-11-1660, ba vị thừa sai đầu tiên của Hội Truyền Giáo Hải Ngoại rời cảng Marseille.

Sau khi một cơn bão mạnh trút xuống thuyền của các ngài trên bờ biển Sardaigne, các ngài cập bến Malta ngày 23-12 [*sic*]. Cha bề trên dòng Tên trên đảo ấy sai một tu sĩ quốc tịch Pháp đến trước vị giám mục để chào ngài và đưa ngài về nơi ở tạm. Đức giám mục đảo Malta và vị chủ nhân của xã hội dân sự đến thăm ngài và xin ngài truyền chức linh mục cho 70 ứng sinh. Đức cha Béryte rất được mọi người kính trọng và đối xử tốt, ngài ở lại trên đảo suốt mười tám ngày [*sic*], rồi những phát đại bác trên bến cảng chào tạm biệt, ngài xuống thuyền đi tới đảo Chypre. Sau một chuyến đi may mắn, thuyền đến neo đậu tại đây ngày 28-12 [*sic*]. Ngày 5 tháng 01.1661, đoàn người lại đi bằng đường biển đến Alexandrette ngày 11. Kể từ đó chuyến lữ hành sẽ phải là bằng đường bộ, bằng cách thận trọng cải trang cho có vẻ giống các thương nhân để tránh đụng chạm với dân chúng hồi giáo.

Mục tiêu đầu tiên mà các khách lữ hành nhắm đến là Alep, tới đó rồi phải tìm tới khu kiều dân có đạo và ông lãnh sự người Pháp. Không dừng chân ở Alexandrette là nơi có bệnh sốt đang hoành hành, các ngài đi Antioche, theo dòng sông Oronte, rồi lại theo sự hướng dẫn của một người lính Thổ. Sau một ngày dài đi bộ, người lính lạc đường và buộc các lữ khách cắm trại ngoài đồng.

Các vị thừa sai tin rằng mình gặp nguy hiểm, và mặc dầu trời lạnh, các vị không cho người hướng dẫn nhóm lửa. Theo lời cha Bourges nói, « đó là cách báo cho quân trộm cướp và bọn đồng lõa khám phá ra chúng tôi » [(4)]. Tuy nhiên không có một tai biến nào làm phiền các ngài ban đêm. Và sau hai chặng hành trình khác, đoàn người đến được Alep. Tại đây, ông lãnh sự nước Pháp, ngài Piquet, vốn là người có ảnh hưởng lớn trên các kitô hữu và người Thổ trong vùng, ông mở cửa nhà đón tiếp các thừa sai và ân cần thăm hỏi. Đồng thời ông đã quan tâm cho họ các ý kiến hữu ích về cách mà người « Tây » (Francs), tức là các kitô hữu gốc châu Âu, phải cư xử thế nào khi đi chung với các đoàn lữ hành. Chính ông đã quan tâm lập một giao kèo giữa các vị thừa sai và một trưởng đoàn lữ hành. Và ông khuyên họ tỏ ra bộ dạng người nghèo, để đừng khiêu dấy lòng tham sẵn có nơi dân du mục ăn cướp của các vùng ấy. Vả lại, các lữ khách đều đề phòng cẩn mật. Còn cha Bourges thì nói thẳng không quanh co gì hết :

« Nếu có một nơi nào trên thế gian này mà ta phải sống lạnh lợi, ăn uống độ chừng, tỉnh táo trông coi, ngủ nghỉ rất ít, mắt luôn luôn phải mở rộng và luôn luôn phải gan dạ, thì chính trong những khi đi với đoàn lữ hành này. Ở đây, mỗi người phải biết để ý bạn đường mình, coi như hấn là một tên trộm. Ở đây, cái khác biệt về tôn giáo, về phong hóa, về ngôn ngữ, về đất nước, sản xuất ra một thứ lo sợ bị lừa đảo không ngơi. » [(5)]

Đức cha Lambert de la Motte và các bạn đồng hành đều không ngần ngại mặc áo quần theo kiểu người Thổ và đội khăn trùm đầu đàn ông. « Cái loại khăn này chưa hẳn đã tiện lợi hơn mũ nón khi hành trình, song nó tỏ ra rất có duyên, nhất là khi loại khăn trùm đầu này là đất tiền. » [(6)]

Trên lưng lạc đà, giống như các nhà buôn bản xứ, các vị thừa sai của chúng ta rời Alep ngày 2-2, khởi hành bằng qua sa mạc. Tường thuật của cha Bourges đầy các chi tiết giai thoại về cuộc hành trình của đoàn và giai thoại về thói quen của các bạn đồng hành. Bấy giờ đang là giữa mùa đông. Và ban đêm thì rất lạnh. Ban ngày, thường phải đi dưới mưa.

« Người ta chống đỡ mưa và lạnh bằng vài thứ đồ len làm bên Ba Tư mà được đem đến bán mọi nơi bên Á châu cho khách du hành sử dụng. Suốt đêm, người ta trú ngụ trong những căn lều mà thường bị đóng băng và trở thành cứng ngắc vì tiết lạnh. Phải chờ nắng lên làm tan băng, chủ nhân mới có thể cuốn lều mình đem theo. » [(7)]

Nước dùng thì hiếm và độc. Các người hướng dẫn thường múc nước nơi các giếng nằm dọc theo đường đi.

« Bởi vì nước nơi các giếng này thường là có mùi và tù đọng. Để giải quyết cái trở ngại nó gây ra cho bao tử, người Thổ dùng một loại đồ uống mà họ gọi là “cà

phê”, mà ngày nay đã bắt đầu thấy xử dụng ở các thành phố Âu châu. » [(8)]

Ngày 14-2, đoàn lữ hành đến gần lâu đài và làng Dert, nơi đó đoàn sẽ vượt sông Euphrate. Người ta quyết định nghỉ ngơi vài ngày bên bờ sông, nhưng xem ra cha Bourges đặc biệt là không thích chỗ nghỉ chân ở đó :

« Đoàn hưởng được ba ngày bên dòng sông tuyệt đẹp này, nhưng lại ở một nơi xem ra là chốn ẩn náu của sư tử, lợn lòi và các thú rừng khác hơn là nơi con người an cư : người ta thấy dấu vết muôn thú khắp nơi. Chúng tôi lại càng sợ cơn điên của thú dữ vì chúng tôi chiếm mất chốn sinh hoạt chạy nhảy của chúng. Một người trong đoàn đi hơi xa chúng tôi đã gặp ngay bên cạnh mình một thú dữ đang gặm gừ vượt qua bụi rậm khiến ông phải hoảng sợ lên. Chuyện này giúp chúng tôi càng phải theo lời người ta đã khuyên là đừng bao giờ bỏ xa đoàn hành trình. » [(9)]

Sau đó lữ khách bước xuống dòng sông và ngày 4-3, họ đến Bagdad, nơi đó họ được tiếp đón tử tế nhờ sự che chở của một người công giáo gốc Venise, làm đội trưởng pháo binh của thành phố, ông này tỏ ra tự hào che chở các người Pháp. Đức cha Béryste cũng tìm được trong thành phố này một nhóm nhỏ kiều dân kitô hữu, sống bên cạnh ba hay bốn cha dòng Ca-pu-xanh. Người ta yêu cầu ngài ban phép thêm sức cho 120 người công

giáo. Và ngài ban phép thêm sức cho họ ngày 13 và ngày 14 tháng ba.

Ngày kế tiếp, các vị thừa sai lại lên đường hướng đến Bassora, bằng cách dùng một con thuyền người Thổ mà xuôi dòng sông Tigre. Ngày 29, họ đến cửa sông Euphrate. Và ngày 30, khi đến Bassora, các ngài được tiếp đón bởi một nhóm thừa sai tu sĩ dòng Cát Minh Đi Chân Không người quốc tịch Italia. Họ cho các ngài ở trọ.

Thời tiết lúc đó đã quá trễ, nên các vị thừa sai không thể đi đường biển mà đến Surate, bằng không thì có nguy cơ gặp bão lớn. Đức cha Lambert quyết định đi Ispahan, để tới đó thì hỏi xem liệu có thể đến Trung Hoa hoặc Ấn Độ bằng đường bộ. Ngài đã đi với các bạn đồng hành ngày 22 tháng tư . Ngài xuôi dòng sông Tigre suốt bốn ngày. Và sau một ngày băng qua chiều dài bờ vịnh Ba Tư, ngài rời khỏi thuyền tại Banderic (Bender-Rig). Cái ngày sau cùng đi thuyền này, đối với cha Jacques de Bourges, thật là không kém phần nguy hiểm :

« Gió mát thổi nhẹ đưa chúng tôi đến Banderic. Tôi nói tạ ơn Chúa, và nếu chúng ta luôn luôn phải tạ ơn Ngài thì đặc biệt là phải tạ ơn vào những lúc này : các con thuyền đã đưa chúng tôi đi, được đóng và được điều khiển một cách hết sức vụng về đến nỗi không bao giờ những kẻ thông thái hay yêu đời lại muốn đặt chân lên. Phải từ bỏ tư cách người thông thái cũng như cái tính

yêu đời thì mới dám dấn thân vào những hành trình như thế. Chắc chắn là khỏi phải suy tính tới những chuyện chúng ta phải làm trong những lúc ấy rồi, khi trước mắt ta là từng đáy lái buôn cùng theo chung một số mệnh. Những con đò ác nghiệt, nếu ta phải gọi chúng như thế, hay đúng hơn là những cánh gỗ, không có lấy một mái che. Bởi thế chỉ cần một cơn gió nhẹ nổi lên là đủ để cho con thuyền ngập tràn nước biển rồi. Chúng được dựng lên bằng những mảnh gỗ thô kệch cứng nhắc được gắn liền với nhau mà không có lấy một cái đinh hay một con chốt sắt, chỉ cột bó lại bằng mớ giấy sợi của một loại cây địa phương mà chỗ nào còn trống thì người ta dùng tới vài con chốt mộc. Đoàn thủy thủ thì cũng như thế thôi : thường thường là người Á Rập (Mores), dân nhút nhát nhất trần gian. Khi giông bão tới là họ khiếp vía cả lên, chui nấp tận đáy hầm con thuyền. Chẳng còn ai có thể kéo họ lên được dù có nạt nộ, đe dọa bắn chết đi nữa, họ vẫn cứ nằm lì dưới đó, ôm cứng lấy nhau mà chết giắc cả đám, chỉ còn biết khóc lóc than vãn. Ai cũng phải liều mạng nguy hiểm như vậy, ít ra là khi đi Bassora vào tháng chín. » [(10)]

Từ Banderric, một người ngồi trên lưng lừa dẫn các vị thừa sai qua một vùng hiểm trở. Và phải nghỉ qua đêm năm chặng dừng chân bởi vì trời nóng, cho đến khi tới Calzeron (Karzeroun), tức vùng Césarée cũ, hết thời huy hoàng quá khứ của nó rồi. Khi đến đất Ba Tư các vị thừa sai cảm thấy thư thái về phần xác lẫn tinh thần.

« Khí hậu tại Calzeron có phần dễ chịu hơn tại Bassora và tại Banderric, đến nỗi chúng tôi vui mừng đến được nơi đây. Và chúng tôi bắt đầu thở ra nhẹ nhàng, và bắt đầu quên các nỗi sợ thường xuyên, khỏi lo lộn xộn gây gổ và hết sợ bọn trộm cắp mà chúng tôi thường gặp trong đất nước Thổ Nhĩ Kỳ. Người châu Âu, mà dân bản xứ gọi chung là “người Tây” (Frances), thì rất được bình an và tự do trong xứ Ba Tư. » [(11)]

Rời khỏi Calzeron ngày 10 tháng năm, thì ngày 14 phái đoàn có mặt ở Schiras, tại đây vị bề trên dòng Cát Minh Đi Chân Không, vốn là người Pháp, đã tiếp đón phái đoàn. Đoàn đến Ispahan ngày 11 tháng sáu. Chỗ ở của vị giám mục thành Babylone được giao cho đức cha Béryte sử dụng. Tại đây ngài đã tiếp đón nhiều tu sĩ và thương gia người Pháp đến thăm. Trong suốt thời gian một tháng lưu lại thành phố này, đức cha dò hỏi các nhà lữ hành xem có thuận tiện không nếu đi ngang qua Tây Tạng mà vào Trung Quốc. Đức cha nghe họ nói là thuận tiện nên ngài quyết định sẽ đi con đường này. Chính khi đó, xảy ra một cuộc nổi loạn của người Tartares ở biên giới phía đông Ba Tư, vì vậy khiến ngài đành từ bỏ một cách thật may mắn dự tính không thể thực hiện được đó. Một viên chức người Anh, sắp đi Surate bằng đường biển và đề nghị các thừa sai nhập đoàn với ông ta, thế là nhờ đó mà đoạn hành trình này được suôn sẻ, hết khó khăn. Họ rời khỏi Ispahan trong tháng chín, đi bộ vào ban đêm, vì trời nóng. Họ băng qua Schiras ngày 8 tháng mười và đến Gomeron (Bender-Abbas) ngày 30.

Tại đây họ tìm được một chiếc thuyền đưa họ đến Surate. Và họ tá túc tại tu viện Ca-pu-xanh người Pháp trong thành phố này. Ngay sau đó họ chuẩn bị chuyển đi bằng qua miền Ấn Độ giáo.

Có một tin dữ đang chờ đón đức cha Béryte tại Surate. Ngài đã từng liên lụy quá nhiều vào các cuộc thương lượng ở Roma, trước khi khai sinh được thể chế các đại diện tông tòa. Cho nên, không đáng ngạc nhiên về điều này, nhưng từ bấy giờ ngài đã phải thấy trước một cách rõ ràng các cuộc tranh đấu dành cho ngài trong tương lai.

« Chính vào lúc đó, đức cha Béryte nhận được tin từ Goa là Bồ Đào Nha đã ra lệnh cho các quan toàn quyền vùng Ấn Độ Dương phải chặn giữ ba giám mục người Pháp và giải các ngài về Lisbona ngay vào cơ hội đầu tiên. Tin này không hề làm xao xuyến tinh thần đức cha Béryte chút nào, phần vì ngài không hề cần phải đi qua các phần đất thuộc Bồ Đào Nha để tiếp tục con đường, phần vì ngài đã chuẩn bị sẵn cho các tai nạn có thể sẽ xảy đến cho ngài rồi. » [(12)]

Cần phải nhanh chân lên, bởi vì vào tháng ba là sắp bắt đầu mùa mưa. Mà trong mùa mưa thì không thể nào đi bằng qua bán đảo. Các vị thừa sai đã thuê bốn chiếc xe và thuê luôn hai người phục vụ và ba « người bảo vệ ». Họ biết rằng họ sẽ bị bắt buộc ngủ qua đêm trong xe kéo, « vì dân chúng tại đây không dám tiếp người kitô hữu trong nhà của họ sợ bị phạm thánh ». Chính

trong hoàn cảnh lữ hành như thế mà họ vượt qua các xứ sở của « Đế quốc Mogol vĩ đại », cẩn thận lưu ý tuân theo các thói tục địa phương mà không cảm thấy khó khăn đặc biệt nào. Ngày 6-3-1662, họ đã có mặt ở Masulipatam, ở đó có một cây cầu gỗ « dài đến cả một dặm » là điều khiến họ rất thán phục. Một y sĩ phẫu thuật người Pháp, làm việc cho Công Ty Ấn Độ của Hoà Lan, đã tiếp đón các ngài và giúp đỡ các ngài. Họ khuyên các ngài chờ đến tháng tám mới xuống thuyền đi Tenasserim, nhưng đức cha Béryste, vốn đã hành trình suốt hai năm rồi, ngài vội cho mau đến các xứ nhiệm sở của ngài. Ngày 26-3, ngài đi với hai bạn đồng hành trên một chiếc thuyền mà chủ nhân là một người hồi giáo. Sau 33 ngày lên đênh, thuyền thả neo đậu tại Merigui, hải cảng cách xa Tenasserim 15 dặm, mà cuối cùng thì hành khách lên bờ ngày 19 tháng năm. Một cha dòng Tên người Bồ Đào Nha đã tiếp đón các ngài và dành chỗ cho các ngài tạm trú. Và cha đã xin đức cha Béryste ban phép thêm sức cho một vài người trong số các tín hữu của cha.

Ngày 30-6, các vị thừa sai bắt đầu đoạn chót của hành trình dài, tức là hành trình đưa các ngài đến Xiêm La. Trước tiên các ngài phải dùng thuyền ngược dòng một con sông, nhưng con sông này bị cắt bởi các thác nước. Và các chiếc thuyền nhỏ chở các ngài chỉ là những khúc cây được đục khoét mà thành. Thiếu chút xíu nữa là đức cha Béryste bị nạn, bởi vì chiếc thuyền chở ngài đã lật úp và ngài thoát nạn được bằng cách

bám vào một thân cây đổ nằm ngang sông. Các tay lái thuyền đến cứu ngài và vớt các hành lý quý báu nhất lên khi các đồ vật đang chìm xuống đáy sông. Các vị thừa sai đã mất giấy thông hành. Cha Deydier phải quay trở lại Tenasserim để xin lại giấy mới, trong khi số còn lại trong nhóm đành dừng chân tìm cách tạm trú ở đó, chờ cha Deydier vài ngày sau mới trở về.

Các vị thừa sai còn phải đi bộ vài chặng đường nữa mới đến được thung lũng Ménam. Các chặng đường này khá vất vả, bởi vì trời mưa và động vật hoang dã, mà suốt đêm phải nghiêm ngặt tự vệ chống các thú dữ ấy.

« Để tự bảo vệ lấy, đêm nào chúng tôi cũng phải xây thành đắp đồn, cứ lấy các xe bò kéo ra mà quân vòng tròn hay vòng tam giác, rồi để bò kéo và hành lý vào giữa đó. Thường thì chúng tôi còn phải kiên thủ thêm thành lũy bằng vài hàng rào gai nữa. Chúng tôi chẳng muốn phải nghe tiếng thú dữ lượn vòng quanh chúng tôi : sư tử, lợn lòi, tê giác và nhất là bọn cọp độc ác. Các con cọp là bọn liều mình gây chiến ác liệt với các con bò kéo xe đến nỗi đám bò đáng thương hại ấy cứ khiếp vía cả lên mỗi lần có cọp đến. Chúng tôi phải nổ súng và phải đốt lửa suốt đêm mà xua đuổi bọn chúng. Mỗi người trong chúng tôi phải thay phiên nhau mà canh gác. Tuy vậy, chúng tôi vẫn ngủ nghê say sưa trong các quan tài nhỏ xíu đem theo mình (các cỗ xe nhỏ), chẳng chừa quỹ được nhiều vì không đủ chỗ. Dần dà rồi chúng tôi quen đi với những nhọc nhằn và những

bất tiện là những thứ gắn liền theo công việc của chúng tôi. » [(13)]

Cuối cùng, ngày 22-8-1662, sau khi dùng thuyền đi ngược sông Ménam, thì đức giám mục và hai linh mục và người hầu đã đến thủ đô của vương quốc Xiêm La, bấy giờ có tên là Juthia. Đã phải mất 21 tháng kể từ khi các ngài đáp thuyền từ bến cảng Marseille. Công việc tông đồ của các ngài sắp bắt đầu. Và từ trung tâm mà ngài đã chọn, đức cha Lambert sắp chủ trì công cuộc tổ chức các giáo phận tông tòa tại Viễn Đông, là mục tiêu chính của sứ mạng ngài. Chúng ta sẽ thấy ngài dành hết thời gian và trọn sức lực của ngài cho sứ mạng này trong suốt mười bảy năm còn lại của đời ngài.

&

Chú thích :

(1)- Jacques de Bourges, *Relation du voyage de Mgr l'évêque de Béryte, Vicaire apostolique du Royaume de la Cochinchine*, Paris, chez Denys Bechet, rue Saint-Jacques, au Compas d'Or et à l'Écu au Soleil, 1666.

(2)- Locard, *Histoire de l'établissement du christianisme dans les Indes Orientales*, Paris, chez Madame Devaux, 1803, trang 43.

[(3)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Cochinchine. Documents historiques*, sách đã dẫn, trang 7.

[(4)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 32.]

[(5)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 35.]

- [(6)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 37.]
[(7)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 39.]
[(8)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 40.]
[(9)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 43.]
[(10)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 64-65.]
[(11)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 68.]
[(12)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 99.]
[(13)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 135-136.]



Chương Thứ Năm

Đức giám mục Béryte, lần đầu tiên lưu trú tại Xiêm La. - Người Bồ Đào Nha hận thù. - Toan tính nhưng bất thành sự, để đến miền Nam Trung Hoa. - Quay trở lại Xiêm La và tổ chức một trạm lâm thời. - Người Bồ Đào Nha lại tấn công thêm những lần khác. - Cha Jacques de Bourges được sai về Roma. - Tính cương quyết và lòng đạo đức của đức giám mục Béryte. - Đức cha Pallu đến gặp đức cha Béryte, và sau khi xem xét tình thế, quyết định quay về Roma. - Tấm lòng hào hiệp của vua Xiêm La, Phra-Narai, đối với đức cha Lambert de la Motte. - Đức giám mục cố gắng khuyên vua hoán cải theo đạo. - Lập một chủng viện. - Gửi các vị thừa sai đến bán đảo Đông Dương. - Những kết quả thu được sau bảy năm làm việc.

Như vậy là cuối cùng đức cha Béryte bắt tay vào công việc. Cha Jacques de Bourges miêu tả cho chúng ta biết đức cha được tiếp đón tại Juthia như sau :

« Đức cha Beryte vừa đặt chân tới xứ Xiêm La thì tiếng đồn thổi đã vang khắp cả khu vực người kitô giáo rồi, điều ấy làm ngài phải đến chào hỏi ông cai trưởng khu người Bồ Đào Nha. Ông ta tiếp rước đức cha rất ân cần và sửa soạn ngay cho ngài một nơi cư trú cạnh nhà ông ta. Ông ta còn báo tin đức cha đến cho các linh mục và tu sĩ trong thành phố được hay, phần lớn các vị này đều tới kính viếng đức cha theo như thông lệ bản xứ.

Sau các phép tắc xã giao ấy, chúng tôi chỉ còn nghĩ tới việc phải lo nghĩ ngơi trong thời gian ở tại thành phố này. Đã hơn một năm nay, chúng tôi chỉ biết có đi mà

thôi, với thật nhiều mệt mỏi và xao lãng tinh thần. Bởi thế nên chúng tôi tin là phải tránh các cuộc chuyện trò qua lại và lo sống thanh vắng yên tịnh. Đức cha Béryte là người đầu tiên đã cho chúng tôi một gương sáng bằng một cuộc cấm phòng dài một tháng trời. Suốt thời gian ấy, ngài chuyên chú lo tiên liệu và sắp đặt mọi sự liên quan tới sứ vụ thừa sai mà ngài lãnh nhận trách nhiệm, sứ vụ mà ngài đang ở bên cạnh rồi. » (1)

Vương quốc Xiêm La không thuộc thẩm quyền trách nhiệm thiêng liêng của đức cha Béryte, cho nên ngài chỉ tính ở lại khoảng thời gian cần thiết để tổ chức việc tông đồ của ngài bằng cách tranh thủ sự khoan dung tôn giáo đang có ở vùng này. Được hưởng nhờ lòng khoan dung này, trong thành phố Juthia có mười một linh mục, đa số là người Bồ, và chừng hai ngàn người công giáo, gần như tất cả đều là người phương Tây hoặc người lai. Tình trạng tinh thần của Giáo Hội nhỏ bé này khá mong manh tạm bợ, mặc dù hưởng được bình an. Bởi vì các tu sĩ phật giáo tỏ ra đứng đưng đối với Giáo Hội nhỏ bé đó, và chính tôn giáo của các tu sĩ ấy (“talapoins”) không phải là đã thoát ra khỏi một tinh thần hoài nghi nào đó.

Nếu ta còn nhớ từ đâu mà có các khó khăn làm trì hoãn suốt nhiều năm việc cất đặt các đại diện tông tòa tại Viễn Đông, ta sẽ chẳng ngạc nhiên khi biết rằng các xung đột đầu tiên mà đức cha Béryte phải chịu, là không do từ phía chính quyền địa phương và người bản

xứ, nhưng là do các vị đại diện vua Bồ Đào Nha và đặc biệt là do vị tổng giám mục thành Goa, qua bản thân vị đại diện của ngài. Người ta phản đối quyền bính của người mới đến. Cha dòng Đa Minh tên là Fragozo, ủy viên tòa án pháp đình thành Goa, không ngại mời ngài ra tòa. Đức giám mục Béryste không muốn hầu tòa. Và ngài từ chối trả lời thư của vị đại diện tổng giám mục gọi ngài đến tòa. Ngài xét hợp lẽ rằng, vì mình không là thần dân của vua Bồ Đào Nha, không thuộc quyền tài phán của đức tổng giám mục, nên ngài không tuân phục sự xét xử của họ. Trong một tinh thần hòa giải và với tư cách cá nhân và bạn bè, ngài chỉ đồng ý thông truyền cho vị đại diện biết các sắc chỉ giáo hoàng ban các quyền cho ngài. Vì không thể chối bỏ các sắc chỉ ấy, những người Bồ tuyên bố rằng các sắc chỉ ấy là vô hiệu lực, bởi vì đã không có phép của nhà vua tại Lisbona cho thi hành. « Người ta trở nên nóng nảy quyết liệt và đức giám mục không ngạc nhiên khi hiểu rằng tính mạng ngài bị đe dọa » (1). Ngài phải lánh nạn nơi nhà một người chủ thương sở Hoà Lan theo đạo tin lành. Và chính ở nơi này, ngài mừng lễ Phục Sinh năm 1663. Suốt mấy tuần ở đó ngài cố gắng học tiếng Hoa và tiếng An Nam.

Rồi, vì muốn tuân theo chương trình rao giảng Phúc Âm mà Tòa Thánh đã vạch ra, ngày 16-7 ngài cùng với hai thừa sai [*sic*], xuống thuyền nan (jonque) đi Trung Hoa. Ta nên nhớ rằng một vài tỉnh của đế quốc này là thuộc giáo phận tông tòa của ngài. Nhưng một cơn bão

đã đưa các hành khách lên bờ biển Cam Bốt. Các ngài phải quyết định quay lại Juthia bằng đường bộ. Và ở đó chờ một cơ hội thuận tiện hơn để du hành. Bấy giờ đức cha xét thấy rằng lập ra một căn cứ tạm thời, gần Xiêm La, dành cho các việc truyền giáo của người Pháp, là việc hợp thời.

Đức cha Béryte vừa mới tái nhập cư vào vùng ven Juthia thì người Bồ lại tấn công ngài. Một viên sĩ quan đến yêu cầu ngài trình các giấy phép mà ngài đã phải xin nơi vua Bồ Đào Nha để được xâm nhập vào vùng thuộc Ấn Độ. Và ông đe dọa áp tải đưa ngài về châu Âu. Nhưng các các người dân An Nam, vốn sống trong làng đó và đã từng gắn bó với các linh mục người Pháp, đã chạy đến tiếp cứu các vị thừa sai. Các vị thừa sai phải nhọc nhằn lắm mới giúp tránh khỏi chuyện đổ máu. Các người Bồ, ngạc nhiên vì sự kháng cự bất ngờ này, đã không tiến tới thêm. Họ không ngớt nguyện rửa các vị đại diện Tòa Thánh, nhưng không hề dám tấn công các ngài một cách công khai nữa.

Tuy nhiên tình thế này rất đáng lo ngại đối với tương lai của việc truyền giáo, và đức cha Lambert de la Motte quyết định sai cha Jacques de Bourges về lại Roma để xin bộ Truyền bá Đức tin xác định rõ phạm vi quyền hạn của các vị đại diện tông tòa, và xin cho các ngài thẩm quyền trên vương quốc Xiêm La. Đồng thời, ngài xin với Tòa Thánh cho ngài từ chức trong trường hợp mà việc từ chức này tạo điều kiện dễ dàng giải

quyết các khó khăn. Sau cùng, đức giám mục tin rằng ngài phải kêu gọi đức giáo hoàng lưu ý đến một vài sai biệt về giáo lý và một số dung túng phạm giáo luật mà ngài đã nhận thấy nơi nhiều vị thừa sai dòng Tên. Ngài xét là cần phải chấm dứt ngay các sự lạm dụng này, vì chúng làm méo mó các giáo huấn đích thực của Giáo Hội.

Trong số các thư tín mà đức cha Béryste nhờ cha Jacques de Bourges đem về, có một lá thư ngài gửi cho em trai ngài là Nicolas Lambert. Người em này là linh mục trẻ trung, đang làm việc tại Paris nhằm soạn thảo hiến pháp chung cuộc cho Hội Truyền giáo Sai Hải Ngoại. Và đức giám mục muốn em trai ngài cộng tác vào các công việc của ngài. Lòng đạo đức của ngài, tư tưởng cao cả của ngài và các mối bận tâm luôn sát cánh bên ngài, được bày tỏ ra rất khéo léo trong lá thư này nên chúng tôi xin chép lại nguyên văn ra đây :

« Em rất yêu quý,

Ước mong Chúa Giêsu Kitô chịu đóng đinh là mục tiêu duy nhất mà linh hồn chúng ta nhìn ngắm.

Anh thú thật với em rằng anh rất vui mừng khi tin tưởng là Chúa nhân lành kêu gọi em vào đời sống hoàn thiện. Anh xét định điều đó nhờ các ý tưởng mạnh mẽ mà Chúa đã nhắc nhở cho anh nhiều lần, qua đó, anh biết rằng em có thể đến dâng hiến cuộc đời cùng anh trong sứ mạng của chúng ta, vì tình yêu Chúa Giêsu

Kitô và tha nhân. Bởi vì công việc là quan trọng tột cùng, nên em hãy xin ý kiến các bạn hữu rất thân tín của chúng ta và hãy nghe theo họ. Tuy nhiên, dầu Chúa Quan Phòng có sắp đặt cho em như thế nào chăng nữa, thì hãy học hỏi suốt đời em để hiểu biết các sự cao trọng của Thiên Chúa nơi chính ngài, hiểu biết lòng nhân từ của ngài đối với em và hiểu biết Chúa Giêsu Kitô bị đóng đinh, bởi vì đó là phương thế bảo đảm để biết được ngài và tình yêu của ngài, mà hạnh phúc của tạo vật thì tùy thuộc vào điều đó.

« Haec est vita aeterna ut cognoscant te solum Deum verum et quem misisti J.C. »

[Gioan 17, 3 : *« Mà sự sống đời đời đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến, là Giêsu Kitô. »*]

Em sẽ tìm được trong các suy niệm thần thánh này bao là khoa học, bao là giáo lý, bao là kỳ diệu, bao là lòng mến, đến nỗi em sẽ không có sức mạnh để chịu các ấn tượng ấy đâu. Nhất là em hãy tha thiết nhìn ngắm liên tục lên một vị Thiên-Chúa-Làm-Người đã đến trong thế gian này mà làm đấng sáng tạo ân sủng vào trong tâm hồn mọi người ; bằng không, chúng ta chắc sẽ chẳng được yêu mến Ngài trong cõi đời này và trong cõi đời vĩnh cửu. Tư tưởng ấy đối với anh, ôi rất là mạnh mẽ ! Thêm vào đó, nếu em nhận định về mọi phương tiện mà Chúa đã ban cho nhằm vào mục tiêu ấy, và đặc biệt nếu em chiêm ngắm Ngài trên giá gỗ

chết trước cái nhìn của toàn vũ trụ thiên nhiên, thì hẳn đã đủ cho ta mềm lòng quy ngã rồi. Nhưng chừng ấy thôi chưa đủ, sự hiểu biết ấy cần phải buộc chúng ta tuân giữ các lề luật thánh, bằng không chúng ta bị phỉnh gạt, chiếu xét theo ý kiến của người môn đệ yêu dấu :

« In hoc signus quoniam cognovimus eum si mandata ejus observamus. »

[1 Gioan 2, 3 : *« Căn cứ vào điều này, chúng ta nhận ra rằng chúng ta biết Thiên Chúa : đó là chúng ta tuân giữ các điều răn của Người. »*]

Kết luận đáng nhớ là người ta có thể nói chắc chắn rằng ai không tuân giữ mười điều răn, không theo những lời khuyên của Đấng Cứu Thế, thì không thể đạt đến sự hoàn thiện. Kẻ tin rằng mình biết Thiên Chúa mà không thực hành những điều ấy, thì là kẻ đã bị sai lầm. Anh còn có một tư tưởng đặc biệt hơn về ý nghĩa của điều hiển nhiên trên kia, đó là ngoài điều ấy ra, anh cho rằng các môn đệ của Chúa Giêsu Kitô phải tuân theo chính xác từng ly từng tý những tác động mà Chúa Thánh Thần thông ban vào trong tâm hồn. Những tác động ấy cần phải xem như những giới răn trong tình trạng thụ động.

Vậy, nếu em có dự định đến đây, thì anh hy vọng rằng từ Pháp em sẽ không ra đi một mình. Còn có cha Meurs để đến giúp chúng ta. Anh đã viết thư cho ông Tierlant [*sic*] rằng anh nghĩ rằng ông ấy có thể dẫn thân làm các việc của Chúa như vậy. Và anh không nghi ngờ

rằng Chúa sẽ còn gởi những người tốt lành tới cho chúng ta. Anh có yêu cầu với cô Douet rất quý mến của chúng ta rằng nếu có ai trong số các con của cô ấy mà có ân sủng đặc biệt, thì em sẽ đem cháu đến với chúng anh [(2bis)]. Nếu có được như vậy, em nên đưa cháu đến Paris, giúp cháu thực hành nguyện gẫm và giúp cháu học hành cho đến khi em lên đường. Việc em khởi hành không thể mau chóng đâu, bởi vì sẽ còn khối công việc cần thương lượng trước đó cho người mang thư từ của chúng anh về châu Âu [cha Bourges], trước khi ngài có thể nghĩ đến việc trở lại đây.

Anh tha thiết khuyên em rằng em hãy đi nhận phép lành và nhận sứ mạng truyền giáo của em trực tiếp từ Tòa Thánh và từ Thánh Bộ. Em sẽ dễ dàng làm việc đó, bằng cách dùng cơ hội của người sẽ đi Roma vì lợi ích chung của Giáo Hội và lợi ích việc truyền giáo của chúng ta. Xin em vui lòng giúp anh mà góp sức, theo chừng nào em có thể, vào việc xin bổ nhiệm một người khác thay vào chỗ của anh. Trong mục tiêu đó, anh gửi thư từ bỏ chức vị của anh. Có thể sẽ còn có chỗ khác phải lo tìm người hơn là chỗ của anh, nếu một trong các giám mục của chúng ta đã chết, như chúng anh đã nghe nói trong thành phố này. Sẽ có nhiều người trong số các bạn của chúng ta có thể được bổ nhiệm thế chỗ của anh. Trong số những người mà người ta có thể ghé mắt nhìn đến, người bạn đồng sự yêu dấu của chúng ta, cha Bourges, phải có phần tốt đẹp trong đó.

Anh không nói gì về chuyến lữ hành của chúng anh, bởi vì em sẽ biết rõ hơn qua miệng cha Bourges kể và nhờ bản ký sự tóm tắt mà anh đã viết ra. Em sẽ thấy nhiều điều không ngờ phản đối lại các vị dòng Tên thuộc các tỉnh dòng miền Ấn Độ và Nhật Bản. Anh chỉ viết các điều ấy ra sau khi đã cầu nguyện lâu dài và thành khẩn tha thiết nài xin Chúa ban ánh sáng cho anh về điều anh phải làm liên quan tới vấn đề quan trọng này. Câu trả lời mà Chúa đã ban cho anh là : đó là một trong các nguyên do chính của chuyến đi của chúng anh, và anh buộc lòng phải viết những sự anh biết về bên Âu châu. Qua đó, em thấy rõ là anh bị bó tay rồi và anh đã không thể bắt phục tùng vị Thầy rất kính mến của anh, vị Thầy mà các tu sĩ đã khinh để cùng sỉ nhục đến điểm tột cùng. Những kẻ khôn ngoan nhất tin rằng các lạm dụng phỉnh phờ không thể khoan dung mà chúng anh nói lên, sẽ khép cửa không cho chúng anh đến được những nơi truyền giáo của chúng ta và chúng anh phải trả giá bằng mạng sống của mình. Điều ấy rất là có nguy cơ xảy đến. Chúc tụng Chúa nhân lành đến muôn đời !

Ngài mai chúng anh lên thuyền đi, và nếu đẹp ý Chúa, thì đến được Quảng Đông, một tỉnh của nước Trung Hoa, thuộc thẩm quyền của anh, nơi đó anh hy vọng sẽ gặp mặt đức cha Deydier [*sic*], trong vòng một tháng tới. Anh rất tin tưởng rằng các anh sẽ gặp lại nhau trong Vương Quốc Thánh Giá đó, rằng các anh sẽ đoàn tụ lại ở đó và các anh sẽ được no thỏa, theo ý của anh,

bằng cách đón chịu một cái chết đau đớn vì Chúa Giêsu Kitô.

Anh xin em cầu nguyện với Chúa cho anh được hưởng lòng thương xót sau cùng ấy của Chúa, khi em dâng hy lễ và nguyện gẫm, để cho anh có thể giúp em, sự giúp đỡ mà anh phải làm đối với người em yêu quý của anh.

Người tôi tớ rất khiêm tốn và người anh của em. » (1)

Trong khi chờ kết quả mà cha Jacques de Bourges đang lo tiến hành từng bước, thì đức cha Lambert tiếp tục chuẩn bị công việc tông đồ của ngài mà không lo bị tấn công. Vả lại, ngài sắp có được một sự nâng đỡ quý giá. Thật vậy, ba tháng sau khi cha Jacques de Bourges đi rồi, thì ngày 27-1-1664, đến lượt đức cha Pallu tới Xiêm La cùng với ba vị thừa sai [*sic*]. Không chút ngạc nhiên, ngài nghe nói về các trở ngại mà đức cha De la Motte đã gặp, ngài đã chuẩn y các biện pháp mà đức cha De la Motte đã quyết, và ngài muốn đi với đức cha De la Motte đến Đàng Ngoài và Đàng Trong, không trì hoãn. Nhưng các giám mục được tin do các thừa sai báo về rằng cuộc bách hại tôn giáo đã gia tăng dữ dội trong các xứ này. Sự khôn ngoan buộc các ngài hoãn lại chuyến đi.

Trong khu vực người An Nam, nơi mà đức cha Lambert de la Motte đã sống từ vài tháng nay và đã đưa một số người trở lại đạo, lập được hai giáo xứ công giáo

[sic]. Một trường học và một nhà nguyện, cả hai để kính thánh Giuse, đã được xây lên. Vậy là từ từ thành hình cái ý tưởng chọn Xiêm La làm một cơ sở xuất phát cho các chuyến truyền giáo tương lai và khi rủi có bách đạo, thì cũng có được một nơi trú ẩn. Thật là hiệu quả, suốt ba mươi lăm năm, trạm Juthia này trở thành trung tâm điều hành các công cuộc truyền giáo của Hội Truyền giáo [Paris], và làm nơi tá túc tạm thời cho các vị thừa sai mới đang chuẩn bị cho sứ mạng của mình.

Học được qua kinh nghiệm về hàng ngàn nỗi khó khăn, khó khăn có thể đang chờ đón các linh mục mà ngôi chủng viện vừa mới được thành lập ở Paris sẽ gửi qua, hai vị đại diện tông tòa và các bạn đồng hành cùng nhau thảo ra các « Huấn Thị » dưới tiêu đề « Monita ad missionarios ». Sau này, các « Huấn Thị » ấy được Roma phê chuẩn và được bộ Truyền bá Đức tin trợ giúp cho in ra năm 1669.

« Từ thời kỳ đó trở đi, cùng với cuốn kinh nhật tụng, mỗi linh mục của Hội Truyền giáo Hải ngoại đều đem theo tập Huấn Thị này như là tác phẩm quan trọng nhất mà mình có, và là tác phẩm ích lợi nhất để hướng dẫn lòng nhiệt thành tông đồ. Có những hương vị phương Đông tỏa ra từ ánh lửa và ngào ngạt sức mạnh từ mùi thơm tho. Tập Huấn Thị ấy cũng thế, hương thơm thánh thiện của các bậc cha anh chúng ta tỏa sáng và tăng cường sinh lực cho linh hồn, cho tình cảm và cho trí tuệ. » (4)

Đồng thời hai vị đại diện tông tòa nhìn nhận rằng chính tại đất Xiêm La này, nơi mà người ta đang hưởng tự do tương đối, thì nên lập chủng viện dành cho việc đào tạo hàng giáo sĩ địa phương mà Roma đã khuyến dụ các ngài tuyển mộ.

Tuy nhiên, đức cha Pallu đã có thể nhận định là không gì quá đáng trong các bản tường thuật mà đức cha Béryste đã trình bày cho ngài, khi ngài mới đến đây, nói về sự hận thù của người Bồ Đào Nha. Đến lượt mình, đức cha Pallu xác tín rằng cần phải canh tân lại toàn bộ tổ chức công cuộc truyền giáo Pháp mà tương lai có vài nguy cơ bị thiệt hại. Vì lúc đó ngài tạm thời bị ngăn trở không thể thâm nhập vào được giáo phận tông tòa Đàng Ngoài của mình, với sự đồng ý của đức cha Béryste, ngài quyết định quay trở về Roma để trình bày hiện trạng cho bộ Truyền bá Đức tin và xin sự nâng đỡ của Thánh Bộ. Đồng thời ngài sẽ phải trình với Thánh Bộ một dự án về qui luật rất nghiêm mà đức cha Béryste đã dự thảo. Thật vậy, đức cha Béryste mong ước tập hợp các thừa sai của Hội thành một hội dòng thực sự, buộc họ có lời khấn và có một số việc thực hành lòng đạo đức hằng ngày. Mặc dù đức cha Pallu, với cá tính dịu dàng hơn và tinh thần ít tuyệt đối hơn, đã không khởi xướng ý kiến này, rốt cuộc ngài đã chịu theo trước nhân đức cao cả và trí tuệ siêu phàm của người bạn đồng nghiệp. Về sau ngài có phát biểu : « Đức cha Béryste có một ảnh hưởng rất lớn đối với những ai đến gần ngài và ngài thuyết phục được họ theo những gì ngài muốn. »

Đức cha Pallu đã truyền đạt một cách trung thành các ước muốn của bạn đồng nghiệp, nhưng giáo quyền đã không nghĩ là phải theo dự án này.

Trong thời gian đức giám mục Héliopolis có mặt ở Roma đóng vai trò bầu chừa cho việc truyền giáo, đức cha Lambert de la Motte lại một lần nữa đơn độc đứng đầu các giáo phận tông tòa vùng Viễn Đông. Ngài tin tưởng đảm nhận công việc duy trì và thậm chí còn phát triển công trình đã được thực hiện rồi, bằng các phương tiện bất toàn. Với nghị lực và đức tin mãnh liệt, sự quên mình hoàn toàn đã nâng đỡ ngài trải qua giai đoạn khó khăn này. Những cảm nghĩ nơi ngài được giải bày một cách đặc biệt cao đẹp trong một đoạn thư ngài viết cho đức cha Pallu vào thời đó :

« Mỗi ngày tôi cảm thấy bị thúc bách bởi ước muốn chu toàn các bổn phận của tôi. Nhưng khi xem xét đến tình trạng mà tôi đang sống, tình trạng khiến tôi phải dẫn thân nhắm đến sự hoàn thiện, thì tôi cảm nhận sự khiếm tốn sâu xa, thấy bên mình bốn phía đều có các cơ hội sa ngã bao vây. Nhưng, để nâng đỡ tinh thần của tôi và để thúc ép nó vâng phục, tôi đã nhờ làm cho tôi một quan tài đặt trong phòng của tôi, dùng vải đen che kín. Tôi thấy rằng cảnh tượng này có ích cho tôi : nó cảnh báo tôi rằng tôi phải chuyên cần hơn, rằng tôi chỉ còn ít thời gian còn lại, và rằng tôi phải đề phòng chớ yêu chiều thân xác này vì nó sắp bị chôn trong mồ, bị sâu bọ rúc rĩa và bị biến ra tro bụi. Như vậy, nhờ đi trước đến

nơi yên nghỉ sau cùng này, tôi dễ dàng thoát cạm bẫy phỉnh phờ của tình yêu sự vật hữu hình mà tôi xem như đã quá vãng rồi. Tôi cần được sự trợ giúp này. Cho nên, cuộc sống của một người tông đồ phải là một cái chết liên tục. » [(4bis)]

Một sự từ bỏ rất hoàn thiện như thế khiến cho giám mục Béryste có can đảm cần thiết để tranh đấu chống các đối thủ của ngài. Ngài chỉ nghĩ đến một chuyện là làm xong cho mau chóng sứ mệnh của ngài, và ngài cứ giữ thái độ hoàn toàn đứng vững thụ động mà đối lại với sự hận thù của các thần dân vua Bồ Đào Nha, dù họ là tu sĩ hay không tu sĩ.

Sự hận thù này đã không giải giới, mà trong suốt những năm sau đó, lại càng tăng cường hình thái bạo động hơn. « Năm 1666, cha Fragozo công bố một báo cáo chống lại đức cha Lambert de la Motte, quả quyết rằng đức cha không có quyền tài phán trên đất Xiêm La. Cha Fragozo cấm các kitô hữu không được có liên lạc nào với đức cha. Vào năm 1668, vị tu sĩ đó thêm vào bản báo cáo đầu tiên một bản báo cáo thứ hai, buộc tội giám mục Béryste lạm lấn quyền tài phán của các giám mục vùng Macao và vùng Malacca ; kết tội ngài không có quyền mà lại bắt các tu sĩ vâng phục quyền ngài ; tố cáo ngài truyền chức linh mục cho người bản xứ không xứng đáng, v.v. Nhằm công kích kịch liệt các vị đại diện tông tòa, cha Fragozo tán đồng nhiều ý kiến của nhà thần học Quintana Duénas, đặc biệt là ý kiến quả quyết

rằng các linh mục Bồ Đào Nha có quyền phong các chức nhỏ ; sau cùng, cha Fragoaso ra án phạt tuyệt thông đức giám mục, mà vị tu sĩ đó cho dán nơi cửa nhà thờ Thánh Đa Minh tại Juthia. Đến lượt mình, đức giám mục tuyệt thông vị tu sĩ ấy, đồng thời ngài giải bày cách hành xử của mình cho bộ Truyền bá Đức tin hay biết. Và Ngài chuyển giao các ý kiến của Quintana Duénas và của Fragoaso về cho bộ Giáo lý và Đức tin xét định. Thánh Bộ này trong phiên họp ngày 3-9 1671, đã phán rằng các ý kiến ấy là sai lầm và bừa bãi bất cần. » (5)

Đứng trước các chống đối nghiệt ngã này, đức giám mục xét cần phải có lòng hào hiệp của vua Xiêm La, Phra-Narai, mà người ta nói rằng vua tiếp đón các người ngoại quốc. Xét về quan điểm tôn giáo, ông vua này tự hào cho mình là không cuồng tín nên sẵn lòng nghe các vị thừa sai Tây phương đến giảng đạo trên đất nước của ông. Vậy là đức cha Béryste xin được nhà vua cho vào triều yết cùng hai người bạn đồng nghiệp một cách khá dễ dàng. Cuộc tiếp kiến rất lịch sự và gợi mở cho đức giám mục các hy vọng lớn cho tương lai.

« Các vị thừa sai (6) không sợ hãi tự giới thiệu trước mặt nhà vua rất quý mến và rất xứng đáng danh vị. Vua tiếp đón các ngài theo phép xã giao bình thường. Đức cha Béryste cảm ơn vua bằng một diễn văn ngắn, cảm ơn lòng nhân lành của vua cho phép các ngài được ở lại trong đất nước của vua, cảm ơn ân huệ mà vua ban cho là được tiếp kiến nhà vua. Vua hài lòng về bài diễn văn

của vị giám mục. Vua hỏi nhiều câu về diện tích nước Pháp, về thương mại nước Pháp, tài nguyên và binh lực nước Pháp, về đặc tính dân tộc Pháp và về quyền bính của nhà vua nước Pháp. Tiếp đến, cuộc đối thoại hướng về dự định đã đưa các ngài đến xứ sở các Ngẫu Tượng, vua nói với các ngài :

- Các người có nghĩ rằng tôn giáo mà các người đến rao giảng cho chúng tôi thì tốt hơn tôn giáo mà người Xiêm chúng tôi đang giữ không ?

Đức cha Béryte tận dụng cơ hội đó mà giải thích cho nhà vua các chân lý chính yếu của kitô giáo. Ngài chứng minh cho vua biết rằng có một Thiên Chúa duy nhất sáng tạo trời và đất, chỉ mình Chúa đáng được tôn thờ, đáng được yêu mến và đáng được mọi người phụng sự. Đức cha triển khai các lời dạy căn bản của luân lý kitô giáo, các phần thưởng mà Chúa hứa cho những ai thực hành luật Chúa, và các hình phạt đời đời mà Chúa dành cho những ai vi phạm luật của ngài.

Nhà vua nói tiếp :

- Nếu đúng là như thế, thì các người hãy cầu xin Chúa cho một trong các người em trai của ta được lành bệnh. Từ nhiều năm nay, người em trai của ta bị tê bại hai tay và hai chân. Nếu các người cho ta bằng chứng rõ ràng về chân lý này của tôn giáo các người, thì chúng ta sẵn lòng tin theo.

Đức giám mục Béryte khiêm tốn đáp lại :

- Chúng tôi không đủ sức thánh thiện để xứng đáng cho Chúa nhận lời cầu nguyện, nhưng thưa Bệ Hạ, bởi vì ngài hứa tin theo đạo kitô nếu bào đệ ngài được chữa lành, thì tôi với lòng tin tưởng khiêm hạ, tôi hy vọng Chúa Giêsu Kitô sẽ muốn thực hiện phép lạ cho nhà vua, phép lạ mà ngày xưa Chúa đã làm cho một người bại liệt ở Giêrusalem. Và tin tưởng vào lời Bệ Hạ hứa sẽ tin theo chân lý, chúng tôi cùng với các kitô hữu sẽ khởi sự cầu nguyện để xin ơn chữa lành mà Bệ Hạ mong chờ.

Cáo từ nhà vua ra về, đức giám mục tập hợp các tín hữu trong nhà nguyện, tuyên bố với giáo hữu nguyện ước và lời hứa của nhà vua. Yêu cầu các tín hữu hiệp ý với đức giám mục và với các vị thừa sai, hãy thức đêm, hãy cầu nguyện, hãy ăn chay, và suốt đêm ngày, hãy quì gối nơi chân Chúa Giêsu Kitô cho tới khi nào, nhờ cầu nguyện và khóc lóc, họ xin được cái ơn rất trọng đại cho sự phát triển của đức tin.

Sau lời khích lệ ngắn và tha thiết đó, Thánh Thể được đặt ra, đức giám mục và các nhà truyền giáo bắt đầu cầu nguyện. Các tín hữu, cảm động đến tận đáy lòng vì các lời vừa nghe nói, đều có lòng nhiệt thành sốt sắng lạ thường, dám nói được rằng lòng sốt sắng ấy từ Chúa mà đến. Người thì đưa hai tay lên trời, kẻ khác thì cứ quì úp mặt xuống đất. Những người này thì đấm ngực, những người khác lại nức nở tiếng rên rĩ than van. Tất cả đều dâng lời khẩn nguyện sốt sắng xin cho nhà

vua hối cải theo đạo và xin cho hoàng đệ được lành bệnh. Suốt ba ngày ba đêm, lời cầu nguyện cứ liên tục với một lòng nhiệt thành như thế. Các tín hữu chay tịnh nghiêm ngặt đến nỗi chỉ cho phép thay phiên nhau dùng một chút thức ăn cho khỏi ngất xỉu.

Đến cuối đêm thứ ba, các quan đi vào nhà nguyện, với điệu bộ hối hả cho thấy họ ngạc nhiên và vui mừng, họ thay mặt vua mà thưa với đức cha rằng hoàng thân cảm thấy khí lực trên cánh tay và bắp chân và cử động được rồi, điều mà suốt nhiều năm nay không hề có. Nghe tin mừng này, đức giám mục, các linh mục, và giáo dân lại quì gối để cảm tạ Thiên Chúa. Một vị thừa sai đã cất Thánh Thể. Và đức cha Béryste đáp lời các quan :

- Hãy thưa với nhà vua rằng nhờ lời cầu nguyện của Giáo Hội, Thiên Chúa đã ban cho vua một phần ân sủng mà vua xin. Mong vua hãy nhớ lời vua đã hứa. Nếu vua thi hành lời hứa, thì tôi không nghi ngờ rằng Thiên Chúa sẽ ban cho hoàng thân lành bệnh và sức khỏe dồi dào. Nhưng nếu vua sai lời hứa, thì vua sẽ chịu án công lý của Thiên Chúa toàn năng, tức là Ngài sẽ để mặc cho hoàng thân bệnh tật.

Các quan tưởng thuật cho nhà vua đúng y như lời của vị giám mục. Nhà vua cảm động và suốt nhiều ngày tỏ ra lo lắng không yên và rất mơ mộng. Đặc biệt là vua muốn gặp mặt đức cha Béryste nhiều lần. Vua muốn tỏ cho ngài thấy lòng yêu quý và tôn kính đối với kitô giáo

mà biến cố phép lạ đã tạo nên nơi nhà vua. Nhưng nhà vua đã nói thêm rằng trước khi theo đạo, cần phải có sự khôn ngoan và sắp đặt, rằng một chuyển biến rất đổi lạ thường như vậy sẽ có nguy cơ gây nên hậu quả phiền não và nguy cơ kích động rối loạn và gây ra cách mạng trong xứ sở. Như thế, chính trị đã lấn lướt niềm tin và đã đem nhà vua đã rời xa con đường sự thật và sự cứu rỗi. »

Ta chỉ nên ngạc nhiên một phần nào đó thôi trước thái độ không nhất quyết như vậy, đối với một vấn đề luân lý rất nghiêm trọng, nơi vị vua phương Đông vốn quen với các sự tinh tế trong lãnh vực trí tuệ, và quen bị gấn bó với ngàn mối dằn xếp trong lãnh vực chính trị. Tuy nhiên, nhờ ảnh hưởng của đức cha Lambert de la Motte đối với những ai gần gũi ngài, các mối tương giao đã kết rồi không phải là không có hiệu quả. Nhờ vậy, các thừa sai người Pháp được bảo đảm có nơi nương dựa ổn định nơi nhà vua .

Ngày 29-5-1665, tức là ít lâu sau lần tiếp kiến nhà vua mà chúng tôi vừa kể, vì muốn xúc tiến việc xây dựng chủng viện và có được mảnh đất riêng, đức giám mục Béryste đã viết gửi lên nhà vua một thư thỉnh nguyện. Vua ban nhượng cho mảnh đất, không chút khó khăn nào, và vua còn chứng tỏ lòng hào hiệp bằng cách ban cho các vật liệu xây dựng cần thiết. Chủng viện liền được xây lên mang tên gọi Chủng viện Thánh Giuse, tại ngôi làng Mahapram, cách Juthia một dặm

đường. Chính từ chủng viện này mà đức cha Béryte một mình giữ việc điều hành toàn thể các công cuộc truyền giáo của người Pháp.

Suốt bốn năm trời, ngài đã điều hành công việc các thừa sai mà ngài phái họ đi trước ngài vào các giáo phận tông toà : chủ yếu là cha Chevreuil đến Đàng Trong và Cam Bốt, cha Deydier đến Đàng Ngoài. Họ báo tin cho ngài biết về sự phát triển đức tin công giáo chậm chạp nơi các xứ này. Đức giám mục dẫn dắt họ, khích lệ họ, gửi các thư mục vụ cho các tín hữu mà ngài hy vọng sớm đến viếng thăm. Tại Xiêm La, ngài ân cần tiếp đón và sau khi yên tâm tin tưởng công trạng của nhiều người bản xứ mà hai vị thừa sai trên đã dạy dỗ và gửi gắm ngài, thì ngài truyền chức linh mục cho họ.

Năm 1669, bảy năm sau khi đức cha Béryte đến Xiêm La, việc xây dựng các cơ sở mà ngài có sứ mạng phải làm, giờ thì đã khởi công lộ dạng. Trong khi ở Paris, Hội Truyền giáo Hải ngoại đã được thành lập cách ổn định và đang chuẩn bị để sẽ thường xuyên sai gửi các thừa sai do Hội quan tâm tuyển mộ và đào tạo sang Xiêm La, vì một cơ sở tổng quản lý việc truyền giáo và một chủng viện đã được xây dựng.

Nhờ vào lòng kiên nhẫn của đức cha Lambert de la Motte và nhờ vào nghị lực của đức cha Pallu, các khó khăn phát sinh từ sự chống đối của các viên chức và các tu sĩ người Bồ Đào Nha, đã không thể bóp ngạt được hoạt động của các đức cha. Trái lại, những bước thương

lượng của các đại diện tông toà nơi Tòa Thánh đã đưa đến kết quả là phạm vi hoạt động của các ngài được mở rộng hơn.

Cha Jacques de Bourges, từ châu Âu trở lại, đem theo sắc chỉ giáo hoàng xác nhận quyền bính các ngài và đặt vương quốc Xiêm La dưới thẩm quyền trách nhiệm của các ngài, và đức cha Pallu lại sắp xin được nhiều hơn thế nữa. Cuối cùng, các thừa sai Pháp đang chiếu sáng hoạt động trên bán đảo Đông Dương, sau những bước đầu khó khăn, đã gửi về các báo cáo nhiều an ủi, nhiều phấn khởi hơn.

Nay dường như đã đến lúc để đức cha Lambert de la Motte khởi sự đi kinh ký trong các giáo phận tông toà Đàng Ngoài và Đàng Trong. Không đợi đức cha Pallu quay về vì ngài còn thương lượng tại Roma, đức cha Lambert đã rời Xiêm La ngày 23-7-1669, cùng với cha Jacques de Bourges và một thừa sai khác có tên là Bouchard đi kèm. Một thương gia gốc miền Bourgogne, tên Junet, đã đưa các ngài xuống thuyền và cam kết đưa các ngài đến cửa sông Hồng.

&

Chú thích :

(1)- Jacques de Bourges, sách đã dẫn, trang 185.

(2)- A. Launay, *Histoire générale ...* , sách đã dẫn, trang 93.

[(2bis)- Bà cô Douet là em gái Marie của đức cha Lambert, là chị của cha Nicolas Lambert, lấy chồng tên Douet.]

(3)- AMEP, tập 121, trang 545.

(4)- A. Launay, *Histoire générale ...* , sách đã dẫn, trang 108.

[(4bis)- xem AMEP, tập 858, trang 127; hay, xem *Relation Abregée des Missions et des Voyages des Evesques François, envoyez aux Royaumes de la Chine, Cochinchine, Tonquin, & Siam. Par Messire François Pallu, Evesque d'Heliopolis.* À Paris, chez Denys Bechet, M.DC.LXVIII, trang 131-132.]

(5)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Siam : 1662-1811*, Paris, Téqui, 1920, trang 10.

(6)- Locard, sách đã dẫn, tập I, trang 232.



CHƯƠNG THỨ SÁU

Những chuyến đi kinh lý của đức giám mục đến Đàng Ngoài và đến Đàng Trong (1669- 1672)

Năm 1666, khi cha Deydier đi thuyền từ Xiêm La đến Đàng Ngoài, thì ngài thấy công cuộc tông đồ bị suy thoái rõ nét vì các cuộc bách hại dữ dội theo lệnh vua. Ngài viết thư cho đức cha Pallu rằng : « Trong số mười ngàn người theo đạo trước đây trong tỉnh Nghệ An, nay chỉ có chưa tới hai ngàn người là còn kiên vững đức tin. » Đó là hậu quả không tránh khỏi do bởi vắng bóng hàng giáo sĩ, vì tất cả các thừa sai châu Âu đều bị đuổi đi hết.

Cha Deydier lôi kéo đến được với mình một số các thầy giảng bản xứ, ngài xóa tan các thành kiến mà các thừa sai Bồ Đào Nha đã gieo vào lòng người dân xui họ chống lại các vị đại diện tông tòa do Tòa Thánh gửi đến. Và cha Deydier đã thành công trong việc khơi dậy đức tin còn yếu nơi họ. Ngài cất đặt nhiều chức vụ mới cho phần đông trong số họ. Và ngài đem một vài người theo ngài, gận gũi bên ngài để chuẩn bị cho họ lãnh chức linh mục. Các lần họp mặt các chủng sinh thuộc thế hệ mới này thường diễn ra bí mật trên một chiếc thuyền nan. Khi ngài thấy họ đã được giáo huấn đủ rồi, thì ngài đi kinh lý qua nhiều tỉnh khác nhau của Đàng

Ngoài, ngài khuyến khích các kitô hữu họp mặt với nhau và ngài ban phép rửa cho vài ngàn lương dân.

Các tin tức tốt lành này đã thúc đẩy đức cha Béryte thăm các giáo xứ ở Đàng Ngoài. Và như chúng ta đã nói, ngài vừa mới đến cửa sông Hồng. Ngài hay tin rằng tình thế đã thay đổi kể từ khi ngài khởi hành rời Xiêm La. Và có tin là các kitô hữu lại bị truy nã một lần nữa. Các người ngoại quốc bị nhìn với con mắt nghi ngờ. Hai người lính gác đã lên chiếc thuyền người Pháp có chỗ vị giám mục, là để cấm thuyền bốc dỡ hàng hóa trước khi các quan lục soát.

Đức cha Béryte sợ rằng mình có mặt ở đây sẽ gây thêm bách hại, nhưng chủ thuyền, ông Junet, biết cách làm cho lính gác uống rượu say, rồi trong khi bọn lính đang ngủ, ông bí mật cho chuyển lên bờ các đồ thờ phượng vốn có thể gây nghi ngờ. Trong khi [các quan] thăm viếng, vị giám mục đóng vai tuyên úy của phái đoàn thương nhân Pháp được sai đến Đàng Ngoài do một công ty mới nhằm thiết lập quan hệ trực tiếp với xứ sở này. Vua hài lòng, đã ra lệnh để đức cha Lambert được bình an, trong khi có các tu sĩ Bồ Đào Nha nhận ra ngài và họ đã tố giác ngài. Người ta lại khám xét tử mả con thuyền một lần nữa. Một viên chức của nhà vua đã ngược đãi đức cha Lambert [*sic*], còn ông Junet và cha Bourges thì bị dọa giết chết. Nhưng người ta đã không tìm ra một đồ vật nào liên can, cảnh sát xứ Đàng Ngoài

chỉ phải giới hạn vào việc giám sát chặt chẽ quanh thuyền mà thôi.

Theo lời khuyên của các kitô hữu, đức cha Béryste gửi đến nhà vua các quà tặng và xin nhà vua cho phép tự do đi lại. Đồng thời, một người có đạo, bạn của cha Deydier, hứa dùng uy tín của mình mà giải thích cho vua biết nước Pháp lớn lao như thế nào, giao thương nước Pháp hùng mạnh thế nào và ích lợi thế nào nếu bắt liên lạc với xứ sở giàu có này. Tài ngoại giao đã có kết quả mỹ mãn. Họ được phép xuống thuyền lên bờ. Và trong khi nhà vua bận tiếp đón phái đoàn thuyền buôn với đội quân danh dự, thì vị giám mục tập hợp các thầy giảng ra xa xa khỏi đó và truyền chức cho một số người.

Thế rồi, không chậm trễ, đức cha hội ý với các thừa sai xem bằng cách nào thích hợp để tổ chức các giáo xứ đang hình thành. Ngày 14-2-1670, tại Dinh Hiến, trong tỉnh Nam Định, đức cha triệu tập công đồng đầu tiên của xứ Đàng Ngoài, trong đó, có nhiều quyết định quan trọng : xứ Đàng Ngoài được chia ra mười chín giáo hạt (districts religieux), theo nguyên tắc là hằng năm có họp công đồng một lần, những huấn thị tóm lược tập « Monita ad missionarios » được viết ra và lưu lại cho hàng giáo sĩ bản xứ cùng các thầy giảng. Tất cả các quyết định này đều được Tòa Thánh phê chuẩn. Đức giáo hoàng Clément X đã chuẩn y các quyết định này ngày 23 tháng 12 năm 1673.

Sau khi hoàn tất công việc cốt yếu đó rồi, đức giám mục Béryste, vì ao ước tôn vinh những nhân đức tinh tế nhất giữa số dân chúng có đạo, nên ngài đã lập nên một cộng đoàn các nữ tu. Chính ngài ban cho các nữ tu một qui luật sống và gọi tên là các chị « Mến Thánh Giá ».

Khoảng cuối tháng hai năm 1670 khi đức cha Lambert đã làm xong chương trình của ngài và kẻ vạch nên cái khung tổ chức cho những người kitô hữu ở Đàng Ngoài rồi, thì ngài xuống thuyền ra khơi và trở về sống tại Xiêm La những tháng sau đó. Tại Xiêm La, ngài đau buồn được tin là hai thừa sai ở vùng Đàng Trong là cha Hainques và cha Brindeau bị gia nhân đầu độc chết, có thể là do người Bồ Đào Nha xúi dục. Các người thợ tốt lành của Chúa Kitô chết giữa mùa gặt hái : các ngài đã có thể ban phép rửa tội cho nhiều ngàn người dân An Nam và phong trào trở lại đạo đang hồi phát triển. Không nên bỏ hoang mảnh đất màu mỡ. Đức cha Béryste quyết định đi Đàng Trong ngay với hai tân thừa sai, cha Mahot và cha Vachet.

Rút kinh nghiệm về những khó khăn lần trước lúc ngài đến Đàng Ngoài đột ngột, lần này, ngài nhờ một thừa sai tên là Guiart, cải trang y sĩ, báo tin ngài sắp đến. Còn ngài thì bí mật ra đi, ngày 20-7-1671, trên một chiếc thuyền nhỏ đã từ Đàng Trong sang. Đi loại thuyền kiểu đó là hơi khinh suất đối với một chuyến đi quan trọng. Và một cơn giông bão đã nổi lên trong khi các thừa sai lênh đênh trên biển, lo âu khiếp sợ trong lòng

các hành khách. Bình thản, vị giám mục ngừng đọc kinh nhật tụng, ngược nhìn thấy họ lo âu hoảng hốt, từ tốn nói : « Chúng ta gặp cảnh này là do bởi việc hiến thân [cho Chúa] của chúng ta. Tất cả những gì đáng bận tâm, đó là chúng ta đang ở trong trật tự mà Chúa sắp đặt. » Sự bình thản của ngài đã khiến các hành khách lấy lại tin tưởng và khơi dậy lòng can đảm giúp họ chiến đấu vượt qua cơn sóng gió. Sau cùng họ đã vào được bờ, sửa lại thuyền mà bão đã làm hư hại, rồi họ lại ra khơi khi trời lặng gió. Có nhiều lần họ suýt bị hải tặc người Hoa chặn bắt, nhưng họ đã thoát được. Cuối cùng, sau hai tháng đi thuyền nguy hiểm, đức giám mục đã cập bến Nhat Lang [Nha Trang], tại Đàng Trong, cẩn thận để khỏi gây sự chú ý.

« Để khỏi bị phát hiện, một trong các linh mục người An Nam đã đi báo tin cho các kitô hữu của vùng kế cận biết đức giám mục đã đến và đến địa điểm nào. Hôm sau, linh mục ấy quay trở lại, đi kèm với hai thầy giảng và hai bốn đạo của làng bên cạnh. Lúc đêm xuống, vài người bốn đạo khác, theo lệnh của các thầy giảng, dùng ghe nhỏ cập sát thuyền chở đức cha Béryte. Người thì bốc dỡ hành lý của ngài và họ dễ dàng tở bộ như các ngư phủ đi câu về. Kẻ khác thì rước đức cha Béryte đi trong chiếc võng có màn che kín, tức là những thứ kiệu dùng trong xứ này. Các cha Mahot và Vachet mặc y phục Đàng Trong đi theo ngài. Hóa trang như thế, họ đi một dặm đường không gặp cản trở chi. Cuối cùng thì đến nhà một người bốn đạo nhiệt thành, nơi đó có số

đông tín hữu đã qui tụ lại. Vào căn phòng được dùng làm nhà nguyện, đức cha Béryte mặc phẩm phục giám mục của ngài, và sau một lời nguyện ngắn, khuyến dụ họ bằng tiếng Bồ Đào Nha mà linh mục Joseph dịch sang tiếng của người Đàng Trong, ban phép lành cho cộng đoàn rồi giải tán họ. Ta có thể xét thấy dân chúng hiền lành ở đây đã được vui mừng và an ủi dường nào, bởi vì họ chưa bao giờ thấy một vị giám mục và bởi vì họ không còn có chủ chăn từ khi hai cha Hainques và Brindeau qua đời. » (1)

Khi đức cha Lambert de la Motte đến thăm quan tổng trấn, quan có yêu cầu các tín hữu nên thận trọng, quan hứa bảo đảm che chở đức cha. Sau đó, cùng với cha Vachet, ngài đi đến tỉnh Phú Yên. Quan tỉnh ở đó là người có đạo, nhưng vẫn cứ sống như người ngoại giáo với nhiều bà vợ. Quan tiếp đón đức giám mục và mời ngài đến dâng lễ tại dinh của quan.

Cha Bénigne Vachet kể lại :

« Đức cha Béryte xin kiếu từ, lấy tình bác ái chỉ cho quan thấy rằng tình cảnh đáng ưu phiền mà quan đang sống không cho phép ngài nhận lời quan. Đức cha dạy bảo rằng nếu quan muốn giải tán các nàng hầu và hứa sống đức tin một cách gương mẫu như quan đã hứa lúc chịu phép rửa tội, thì đức cha sẽ vui lòng cho phép xây một nhà nguyện trong dinh quan và sẽ cho một linh mục để phục vụ tại nhà nguyện đó. Kẻ phản bội ấy hứa nhiều điều tốt đẹp cho tương lai, viện cớ rằng mình bị

bắt buộc phải đề phòng nhiều thứ, sợ rằng việc mình thay đổi tới tai nhà vua. Ông biện hộ rằng đức cha từ chối đến nhà ông thì cũng đáng, ông không trách cứ, nhưng xin đức cha vì phép lịch sự mà đừng từ chối đến thăm ông, để cho các người có đạo qua đó thấy rằng đức cha và ông đã chia tay nhau như những người bạn tốt.

Buổi gặp mặt đã được dời vào năm giờ chiều ngày hôm sau. Tôi không biết linh tính thế nào mà đức cha Béryste không muốn tôi đi với ngài. Quan tổng trấn thấy ngài đến một mình, thì đã ra lệnh đặc biệt cho người đi, nhân danh đức giám mục, kêu gọi tôi. Đức giám mục ngạc nhiên thấy tôi có mặt bên cạnh quan. Chúng tôi đã chẳng tưởng tượng ra điều gì khác, nếu không nói đó là một cách biểu lộ lịch sự thái quá.

Chẳng ai có thể xử sự công việc tốt đẹp êm ả hơn nữa : những lời hứa cải tà quy chính được lập lại, cơ hội sắp tới chắc hẳn sẽ rất sớm sửa. Quan cho chúng tôi xem nơi ông muốn xây nhà thờ, quan nói về ngân quỹ có sẵn mà ông nhằm giúp cho vị thừa tác viên bàn thánh và giúp hai thầy giảng, quan hứa rằng từ rày về sau ông sẽ sống chuẩn mực mà làm gương cho các kẻ có đạo. Sau cùng chúng tôi bước vào phòng có đầy sẵn thức ăn, quan muốn tận tay phục vụ chúng tôi. Đầu tiên, trước mặt chúng tôi là hai tô sứ, quan đặt vào đó một quả táo Trung Hoa, đẹp và rim đường. Đó là loại mứt tuyệt vời nhất và mỹ vị nhất trong nước. Vị giám mục ăn quăng

phân nửa và cho tôi ăn phần còn lại. Như vậy là phần tôi ăn một trái rưỡi. Quan tổng trấn nài ép chúng tôi ngủ qua đêm tại nhà quan, nhưng quan đã không thể bắt chúng tôi nhất quyết được. Quan đã cho người tiễn đưa chúng tôi một cách trang trọng về nhà thờ nơi chúng tôi ở trọ. Hai giờ sau, chúng tôi quá sức buồn ngủ, chúng tôi đã nằm dài trên hai tấm ván có trải chiếu.

Khoảng nửa đêm, tôi thức dậy vì đau đầu dữ dội. Tôi cảm thấy lửa đốt trong bụng và tôi cảm thấy căn phòng như quay tròn, không trên không dưới. Tôi nghe tiếng đức cha Béryte như xa cách tôi, mặc dù chúng tôi kê cận bên nhau. Tôi cố gắng để thưa với ngài phải chăng ngài gọi tôi. « Đúng », ngài trả lời tôi và nói thêm nếu tôi có tỉnh táo thì lục trong ngăn kéo dưới cái rương của ngài, đem cho ngài cái lọ sành có mấy viên thuốc. Tôi tìm đúng y như thế. Ngài uống một viên và cho tôi uống hai viên. Một lúc sau chúng tôi ngủ tiếp. Và tôi ngủ suốt hai tiếng đồng hồ. Tôi chỉ thức dậy để lê gót ra sân, nơi đó tôi vừa thổ vừa tả, bài ra các thứ gớm ghiếc. May thay một người giúp việc của thầy giảng đi ngang qua đó nhận ra tôi. Tôi đã ngã xuống ngất xỉu. Người ta rửa ráy cho tôi, rồi đưa tôi nằm trong một nơi khác. Vị y sĩ, rất thân thiện, đã giúp tôi hồi tỉnh, nhưng đồng thời tôi bị sốt dữ dội kéo dài cả một ngày liên tục không dứt. Thể chất vốn mạnh mẽ của tôi đã giúp tôi lướt thắng tai biến. Tuy nhiên, tôi đã cảm thấy khó chịu suốt mười tám tháng vì tôi bị chảy máu và cảm thấy đau thận dữ dội, khi thì ban ngày khi thì ban đêm.

Về phần đức cha Béryte, cơn sốt không hành hạ ngài nhiều, nhưng sốt kéo dài hai mươi bốn ngày làm ngài mất sức dần dần. Chúng tôi đều bị rụng tóc và móng tay thì vàng như vàng ròng. Đang khi chúng tôi lâm vào hoàn cảnh đó thì cha Guyart và ông Maurillon đến với chúng tôi. Ông Maurillon đúng là dược sĩ, đã tặng cho đức cha Béryte mấy viên thuốc đã nói trước đây, cam đoan với chúng tôi rằng chúng tôi đã bị đầu độc, và các dấu vết tỏ ra bên ngoài là bằng cứ không thể chối cãi được. » (2)

Sau đó ít lâu, lửa bốc cháy nhà quan. Quan bị cháy phỏng nửa thân người, ông đã thú nhận tội ác của mình. Qua ngày hôm sau thì quan chết.

Tiếp sau đó đức cha Béryte đến tỉnh Quảng Ngãi, nơi đó ngài đã lập một nhà dòng Mến Thánh Giá mới. Ngài đến quì cầu nguyện nơi mộ của thừa sai Hainques, rồi ngài đến Hải Phố, nơi đây người ta buộc phải ẩn núp trên một hòn đảo nhỏ, kéo sợ người Bồ Đào Nha bị phiền lòng phật ý. Tuy nhiên, đức cha đã có thể tập hợp được các thầy giảng và các tín hữu mà nhờ sự dịu dàng và tiết độ, ngài đã xoa dịu các xung khắc chia rẽ giữa họ bởi vì họ đã nghe lời xúi dục của các linh mục người Bồ Đào Nha. Ngài đã trao cho các linh mục bản xứ và các thầy giảng một bản sao những điều nghị quyết của công đồng Đàng Ngoài [*sic*]. Như vậy, ngài đã chu toàn vai trò hướng dẫn và khích lệ các tín hữu, ngài cùng với cha Vachet trở về Xiêm La, nơi đó ngài hy vọng có tin

về đức cha Pallu từ châu Âu trở lại. Ngài rời xứ Đàng Trong ngày 29-3-1672, và sau chuyến đi bình yên dài hai mươi sáu ngày, ngài về lại chủng viện truyền giáo [Xiêm La], mà không gặp tai biến trầm trọng nào.

&

Chú thích :

(1)- Locard, sách đã dẫn, tập II, trang 96.

(2)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Cochinchine*, sách đã dẫn, tập I, trang 93.

<>

Chương Thứ Bảy

Tòa Thánh nâng đỡ các vị đại diện tông tòa. - Đức cha Pallu trở lại. - Thừa sai Laneau được chỉ định làm đại diện tông tòa tại Xiêm La và tại Nam Kinh, và được đức cha Lambert de la Motte tấn phong giám mục hiệu tòa Métellopolis. - Thiết lập quan hệ chính thức giữa Pháp và Xiêm La. - Triều yết trọng thể ngày 18 tháng mười 1673. - Các dự đồ chính trị và sự đứng vững về mặt tôn giáo của vua Phra-Narai. - Chuyến đi mới của đức cha Béryte đến xứ Đàng Trong. - Sự phát triển của đạo công giáo trong vương quốc này. - Tòa Thánh tổ chức lại các giáo phận tông tòa. - Những năm cuối đời đức cha Lambert de la Motte. - Đức cha qua đời ngày 15 tháng sáu 1679. - Lời khen ngợi của đức giáo hoàng và của đức cha Pallu. - Đặc điểm của công trình đức cha Lambert de la Motte.

Trở về trung tâm truyền giáo, đức cha Lambert de la Motte lại điều hành công việc tổng quát. Ngài vui vì hai tin mà ngài nhận được. Thứ nhất là Tòa Thánh đã hoàn toàn công nhận ngài có lý sau khi xem xét các vụ tranh chấp với pháp đình Goa. Thứ hai là đức cha Pallu mới tới Surate, chỉ còn chờ cơ hội thuận tiện là đến Xiêm La với ngài. Sắc chỉ của đức giáo hoàng lên án pháp đình Goa, hủy và tuyệt thông chống đức giám mục Béryte, và truyền công khai tuyên bố lệnh của Tòa Thánh nhằm phục hồi danh dự cho ngài. Sắc chỉ ấy còn kèm theo một bức thư thân ái của đức hồng y Barberini. Thư gửi đến vị giám mục kiên cường những lời khích lệ quý giá :

« Thừa đức cha đáng kính và hiền huynh, Thánh Bộ đã rất vui mừng nhận được các thư của đức cha đề tháng chín 1669. Đạo công giáo đã có tiến bộ ở Đàng Trong và ở Đàng Ngoài, số các linh mục bản xứ mà hiền huynh đã truyền chức, lòng nhiệt thành của họ, công việc của họ, nhân đức của họ thấy đều làm cho chúng tôi vui mừng quá đỗi.

Nhờ Chúa Giêsu Kitô, chúng tôi khuyến khích hiền huynh hãy gia tăng thêm chừng nào có thể, con số các người thợ rao giảng tin mừng, để cho vườn nho của Chúa, được trồng ở phương Đông với bao lao nhọc, thì được tăng triển bền vững. Xin hiền huynh hãy tin rằng các công việc của hiền huynh và của các thừa sai, sự chống đối mà hiền huynh chịu đựng, hoàn cảnh u buồn và các nỗi khốn cùng của các kitô hữu được giao cho các hiền huynh chăm sóc, đã gây xúc động sâu sa tâm hồn Đức Giáo Hoàng và tất cả các đáng thành viên của Thánh Bộ (...)

Để tạo điều kiện cho hiền huynh thi hành dễ dàng các mệnh lệnh của Tòa Thánh, xin hiền huynh hãy cho chúng tôi cơ hội thỉnh thoảng giúp việc phục vụ, để rồi chúng tôi có thể bày tỏ cho hiền huynh biết lòng quý mến và kính trọng dường nào của Đức Thánh Cha và Hồng Y đoàn đối với hiền huynh, đối với các thừa sai, và đối với các tín hữu đàn chiên của hiền huynh (...) Trong tâm tình này Đức Thánh Cha ban phép lành Tòa

Thánh cho hiền huynh. Và chúng tôi cầu chúc hiền huynh an khang và hạnh phúc. » (1).

Các quyết định thuận lợi này của Tòa Thánh được bổ sung bằng một loạt các đoản sắc bảo đảm sự độc lập hoàn toàn của các vị đại diện tông tòa đối với pháp đình tại Goa, và đối với các nhà cầm quyền Bồ Đào Nha.

Ngày 27-5-1673, đức cha Pallu đến Xiêm La, tức thì ngài hội ý với đức cha Lambert de la Motte để chọn lựa vị đại diện tông tòa thứ ba mà đức giáo hoàng cho phép hai vị chỉ định thay thế đức cha Cotelendi. Sau khi tham khảo ý kiến các linh mục có mặt trong chủng viện, hai giám mục quyết định thăng chức thừa sai Laneau lên hàng giám mục, với hiệu tòa Métellopolis. Và lễ tấn phong diễn ra ngày 25-3-1674 do đức cha Lambert de la Motte chủ sự. Ngài được giao nhiệm vụ đại diện tông tòa tại Xiêm La và Nam Kinh.

Cả ba vị giám mục tranh thủ cơ hội gặp mặt đầy đủ để thảo ra bản « Các ý kiến về điều hành chủng viện Xiêm La » (Avis pour le gouvernement du séminaire de Siam). Thật vậy, điều cần thiết là phải nói rõ vai trò và qui định chức năng của cơ sở này, vì nó là trung tâm của Hội Truyền giáo Hải ngoại tại Viễn Đông. Ngoài ra các ngài đã ký một thỏa ước theo đó thì ai trong các ngài thường trú ở Xiêm La sẽ có quyền để điều hành mọi công việc của Hội Thừa Sai liên can đến toàn bộ các giáo phận tông tòa. Trong thực tế, thì cho đến chết, đức cha Lambert de la Motte giữ vị trí đứng đầu việc truyền

giáo tại Xiêm La. Bởi lẽ, đức cha Pallu thường xuyên vắng mặt, còn đức cha Laneau thì luôn tôn kính vị nể đức cha Lambert.

Các vị đại diện tông tòa, trong khi áp dụng các biện pháp thích hợp để củng cố và mở rộng việc truyền giáo, thì vẫn không dừng đứng với lợi ích của nước Pháp tại Viễn Đông. Nhận thấy những thành quả buôn bán của người Hoà Lan và của người Bồ Đào Nha khi họ gia tăng số đại lý thương mại và làm ăn phát đạt, các thừa sai không bỏ lỡ cơ hội mà kêu gọi chính phủ của vua Louis XIV lưu ý tìm thị trường tiêu thụ mà nước chúng ta có thể gặp được trong những vùng này, là nơi các thương nhân của chúng ta chưa biết rõ lắm. Đồng thời, bên cạnh thế quyền Xiêm La, Đàng Trong và Đàng Ngoài, các giám mục tìm cách gia tăng uy tín của vua nước Pháp, trình bày cho các vua quan ấy biết nước Pháp là nước hùng mạnh giàu có ở Tây phương, và liên kết bang giao với nước Pháp sẽ là điều hữu ích.

Từ năm 1667, đức cha Lambert de la Motte đã gợi ý, trong một thư gửi đức cha Pallu, rằng nếu một sứ giả nước Pháp được gửi sang triều đình Xiêm La thì sẽ có những hậu quả may mắn rất tốt lành. Đức giám mục Héliopolis cũng có nhãn quan này, nên ngay khi ngài đến Paris, ngài trình với vua nước pháp, với các bộ trưởng, với các giám đốc Công Ty Đông Ấn, nhiều bản báo cáo trong đó ngài xác nhận các thành phố Viễn Đông nào là thích hợp nhất để thiết lập đại lý thương

mãi. Các dữ liệu quý giá này đã không có nguy cơ bị quên lãng. Ngài Colbert đã không có quan tâm hàng đầu là sự phát triển hàng hải và nền thương mại nước Pháp đó sao ? Năm 1669, đức cha Pallu đã xin được vua Louis XIV một lá thư và các quà tặng dành cho vua Xiêm La. Việc trao thư và quà là một cơ hội triều yết trọng thể, dành cho việc đi vào quan hệ chính thức, mà từ ngày đó các đức giám mục đã đặt nhiều hy vọng cho nước Pháp và cho việc truyền giáo.

Cuộc tiếp kiến này, diễn ra ngày 18-10-1673, được chuẩn bị chu đáo về mặt lễ nghi vốn là thông lệ ở Đông phương. Đã có những cuộc thương lượng tỉ mỉ với các viên quan của triều đình vua nước Xiêm La. Chính vua đã đích thân can thiệp. Thật vậy, thông lệ muốn rằng trong các trường hợp trang trọng này, các vị sứ thần phải quì, tháo giày khỏi chân, trán đụng đất, trước mặt nhà vua. Nhưng các giám mục xét rằng một thái độ như thế không tương xứng với chức vị giám mục, cũng không tương xứng với tước vị đại diện nhà vua Pháp. Các ngài xin vua Phra-Narai là người luôn sẵn lòng với các ngài, cho được phép vẫn mang giày, ngồi trước mặt vua trên một tấm thảm thêu sang trọng, và tỏ phép lịch sự theo cách châu Âu. Các lá thư [sic] của vua Louis XIV và các lá thư [sic] của đức giáo hoàng Clément X, vốn phải được chuyển giao đồng thời cho vua Xiêm La, thì được đặt trong chiếc giỏ bằng vàng tại cung điện, ngày hôm trước.

Cuộc tiếp kiến ngày 18-10 được thuật lại trên tờ báo *La Gazette de France*, xuất bản ngày 4-3-1676. Sau đây là các chi tiết thú vị mà báo đăng về nghi lễ này :

« Ngày hôm sau, tức là ngày ấn định lễ tiếp kiến, người ta đã phải đi theo thông tục của đất nước ấy, lúc năm giờ sáng, 5 con thuyền được chuẩn bị rất chu đáo : một thuyền có 50 mái chèo để đưa các giám mục đến cung điện và bốn chiếc thuyền kia dành cho các thừa sai, dành cho ông Hautmesnil và các người Pháp khác. Họ đến nơi lúc 8 giờ, tại sân thứ nhất, đó là sảnh đường của vua và các giám mục được dẫn đến nơi đó. Vị tể tướng và các quan chức thì có mặt trong một phòng khác gần phòng thứ nhất. Tại đây, người ta tuân giữ một vài nghi thức, cả bên này lẫn bên nọ, và tiếp đến hiệu lệnh ban triều yết được ban ra ba hồi bằng tiếng trống và tiếng kèn. Ngay tức khắc, hai vị quan cấp lớn đến báo cho hai vị giám mục và đức ngài Métellopolis. Các ngài bước vào sân thứ hai, nơi đây có các binh đội cầm khí giới và nhiều voi diển binh. Từ đó các ngài chuyển qua sân thứ ba, nơi đây có bảy hay tám ngàn binh, hàng ngũ rất đẹp mắt, tất cả đều nằm, chắp hai tay mặt úp xuống đất. Sau cùng các ngài đến sân thứ tư. Người ta thấy ở đây có một con voi trắng rất nổi tiếng và một con voi đen mà vua Xiêm La thường sử dụng : cả hai con voi đều được trang điểm rất sang trọng và đứng dưới cờ lọng.

Từ phía bên kia và dưới những cờ lọng khác, có bốn con ngựa thuần thực của ông hoàng này, trên các bộ yên cương đều có gắn những viên đá quý, và đứng xa đó vài khoảng cách là nhiều con voi khác nữa to lớn lạ lùng. Ngay chính giữa sân ấy, có hai cái phòng chật ních các quan lại. Đối diện với cửa lớn, là dãy nhà chính mạ vàng rực rỡ bên ngoài, nơi đó có một sảnh đường rộng rãi mà không một người nước ngoài nào được phép vào, và chỉ cho phép một ít kẻ thế giá của triều đình Xiêm La vào mà thôi, thế nên chẳng bao giờ có sứ thần nào được tiếp đón ở đó. Tuy nhiên, nhà vua muốn cho hai vị giám mục được triều yết tại đây. Các ngài được hai vị quan đến dẫn vào. Các ngài thấy phòng đầy các bậc vị vọng của đất nước đang quì úp mặt xuống đất, trên các tấm thảm xứ Ba Tư. Các vị giám mục đi hàng trước, tiến lên bằng một con đường dành riêng cho các ngài. Các giám mục đã nhận ra ông hoàng trên ngai cao uy nghi, đầu đội triều thiên, hoàng bào rực rỡ lấp lánh các viên đá quý. Các giám mục đến chỗ chỉ định và các ngài vái chào nhà vua ba lạy.

Lúc đó, vị tể tướng và các quan đại thần, người thì đội mũ cao, kẻ khác thì mang vòng vàng, tung các tràng hoa lên cao, ngẩng đầu lên, vẫn quì mà lạy ba lạy, hai bàn tay nâng cao chấp lại để trên đầu. Rồi họ làm lại như trước, úp mặt xuống đất, ngoài trừ quan tể tướng làm nhiệm vụ dẫn các vị giám mục sứ thần. Quan tể tướng nói vài lời với nhà vua và một quan khác đến

trước mặt các giám mục, lớn tiếng đọc các thư của đức giáo hoàng và của vua nước Pháp.

Bấy giờ ông hoàng này bày tỏ sự vui mừng và mãn nguyện, nên nói chuyện ân cần với các giám mục, đồng thời ngỏ lời với quan tể tướng, và quan giải thích diển văn của vua cho đức cha Métellopolis, rồi quan tiếp nhận các câu trả lời nhân danh các giám mục Héliopolis và Béryte. Quan lạy ba lạy thật sâu, hai tay đặt trên đầu, mỗi lần vua bắt đầu nói và mỗi lần quan giải thích cho vua điều mà các giám mục nói. Nhà vua hỏi thăm sức khỏe của đức giáo hoàng và sức khỏe của vua nước Pháp cùng tất cả các vị thân thuộc trong hoàng gia. Nhà vua muốn biết một vài đặc điểm về các cuộc chiến chinh của vua nước Pháp. Vua rất khen ngợi sự hào phóng và các nhân đức khác của vua nước Pháp, mà người ta đã kể.

Giữa buổi tiếp kiến, người ta đem đến theo lệnh nhà vua các trái cây gọi là trái cau (arreque), được quấn bên ngoài bằng lá cây gọi là lá trâu (bettile), đặt trong các bình bằng vàng. Đó là dấu tỏ ra ông hoàng quý mến các vị khách được đến thăm ông ta. Sự chiêu đãi được tiếp nối bằng quà tặng là hai bộ áo tím và một áo đen bằng vải lụa Trung Hoa, mà người ta mang tới trong một cái hộp: hai bộ áo đầu tiên là dành cho các giám mục Héliopolis và Béryte, và bộ áo kia là tặng cho giám mục Métellopolis, mà lúc đó ngài chưa được nhìn nhận

là giám mục. Các ngài đã nhận quà, đồng thời lạy nhà vua ba lạy.

Buổi nói chuyện kết thúc bằng những cam kết của vua rằng vua sẽ ban cho các ngài mọi thứ vua có thể. Vua truyền trách nhiệm cho quan tể tướng lắng nghe các ngài yêu cầu gì, rồi thông tin lại cho vua biết. Vua ngỏ lời đặc biệt với đức cha Béryte và xin đức cha hãy trình bày các phương thế nhằm duy trì tình thân hữu với vua nước Pháp, điều mà đức cha đã đem đến cho nhà vua. Ngay lúc đó, người ta nghe bên ngoài vang lên tiếng kèn, tiếng trống, và tiếng các nhạc cụ khác, tạo nên một hòa tấu dài chừng nửa khắc đồng hồ, trong lúc vua vẫn ở trên ngai và tất cả triều đình sụp lạy, trong yên lặng sâu thẳm. Kế đến, người ta kéo màn che khuất vua và hai người khác đứng hầu ngai vua. Rồi người ta lấy đi cái giỏ bằng vàng đựng các lá thư, đặt nằm trên bàn tròn, đem vào cung điện. Sau đó, có buổi nói chuyện giữa các giám mục và các quan, trong số này có vài vị rất trọng vọng và là bạn của giám mục Métellopolis. Họ đã hỏi ngài nhiều điều về nước Pháp. Cuối buổi nói chuyện này, các giám mục đã trở về đúng nơi chốn và đứng theo cách mà các ngài đã đến. Các ngài có lý mà tin rõ rằng nhà vua Xiêm La đã rất trân trọng đối với những lá thư người ta đem tới cũng như đối với các nhân vật lấy lòng đã viết những lá thư đó. »

Nhà vua tỏ ra lòng ưu ái nhân từ đặc biệt đối với các giám mục. Vua đã từng nói với đức cha Lambert de la

Motte một cách ý nhị trước khi bế mạc buổi triều yết : « Chính khanh đã khởi sự mối liên lạc đáng yêu này, thì chính khanh cũng sẽ tìm được phương thế duy trì mối liên lạc ấy. » Đức giám mục Béryte cẩn thận không quên lời mời gọi như thế. Vả lại, vua Xiêm La dường như đích thân hối thúc duy trì mối bang giao tốt đẹp này và ngài gia tăng các cơ hội bày tỏ lòng ưu ái mà ngài ban cho các giám mục Pháp. Buổi triều yết long trọng ngày 18-10 được tiếp nối bằng hai buổi khác. Trong suốt các buổi triều yết này, vua hỏi nhiều chi tiết về vua Louis XIV, hoàng gia vua Louis XIV, sức mạnh quân đội, những cuộc chiến mà vua Louis đánh quân Hoà Lan và tại xứ Ấn Độ. Ít lâu sau, nhà vua còn bày tỏ công khai lòng nhân từ.

« Vào tháng chạp, trong một ngày duy nhất nhà vua xuất hiện trước công chúng, trong một chuyến đi dạo long trọng trên sông Ménam, vua Phra-Narai, thay đổi hành trình thường lệ, đi ngang trước sở đất mà vua đã tặng các thừa sai. Vua thấy đất ấy quá nhỏ nên đã truyền ban thêm khu trại của người An Nam, người An Nam phải chuyển đi ở nơi khác mà ở. » (2).

Vua lập lại lời hứa xây một nhà nguyện tuyệt đẹp kế bên chủng viện. Đồng thời, vua tỏ lòng thiện cảm cá nhân của vua đối với đức cha Lambert de la Motte đang bị bệnh, bằng cách gửi hai y sĩ đến săn sóc đức cha.

Các giám mục hy vọng cải hóa được vào đức tin công giáo một ông hoàng đã biểu lộ tinh thần rất cởi mở và

tích cực quan tâm đến sứ mạng truyền giáo của các ngài. Thế nên, các ngài nhiều lần kín đáo kêu mời và vào các dịp gặp gỡ, đều kể cho nhà vua nghe câu chuyện theo đạo của vua Constantinô [*sic*], nhưng vua Xiêm La luôn tránh biểu lộ ra, dù chỉ là một ý hướng rất nhỏ mọn, là vua muốn theo đạo công giáo. Chắc chắn vua là người rất hoài nghi về vấn đề tôn giáo. Vua có hơi sợ sức mạnh của người Hoà Lan, nên vua nghĩ đến lợi ích quốc gia bằng cách bang giao với một ông vua tây phương có khả năng đánh bại người Hòa Lan này. Ngoài ra vua cảm mến giá trị luân lý của đạo công giáo, mà nhà vua đã yêu cầu trình bày tín điều của đạo cho vua nghe. Vua không bài bác chút nào các nỗ lực làm việc tông đồ của các thừa sai của đức cha, tuy rằng vua không gán vào đấy tầm quan trọng lớn lao nào. Ngay từ lúc ấy, vua chỉ nghĩ đến việc sai đi qua Pháp các vị sứ thần mà vua muốn mời đức cha Lambert de la Motte đi cùng. Đức cha thì quan tâm trước tiên đến thiên chức thừa sai của ngài, nên vận dụng tài khéo léo để tránh lời mời của nhà vua. Vả lại, cuộc chiến với nước Hòa Lan đã cho ngài một cái cơ trì hoãn chuyển đi của các sứ thần Xiêm La. Chỉ mãi sau này, vào năm 1686, mới có cuộc tiếp đón long trọng các sứ thần nước Xiêm la tại điện Versailles [bên Pháp]. Chúng ta biết là cuộc tiếp đón đó đã gây sự tò mò háo hức thật sống động nơi triều đình vua Louis XIV.

Như vậy, sau khi đã tranh thủ tình cảm của vua Xiêm La, để vừa bảo đảm tương lai của việc truyền giáo, vừa

nhằm khơi dậy quan hệ ngoại giao và thương mại với nước Pháp, đức cha Pallu và đức cha Lambert de la Motte vội lo ra đi đến các giáo phận tông toà của các ngài nhằm nâng đỡ khích lệ các cố gắng đã sinh hoa kết quả của các vị thừa sai. Tháng tám năm 1674, đức cha Pallu rời Xiêm La đi Đàng Ngoài, còn đức cha Lambert de la Motte thì phải khó nhọc đôi chút mới xin được phép vua cho đi Đàng Trong. Vua Phra-Narai không hiểu rõ mục tiêu của chuyến đi của đức cha, nên vua thường tự hỏi phải chăng vị giám mục sẽ đem tiết lộ cho vua xứ Đàng Trong các thông tin có thể gây phương hại cho đất nước của vua [*sic*]. Đức cha chỉ được cấp giấy thông hành sau khi đã giải bày, nhân một lần vua gặp đức cha Béryste, về mục tiêu của chuyến đi kinh lý mục vụ và nhà vua còn yêu cầu đức cha hứa trở về Xiêm La trong thời hạn trước một năm.

Đức cha Lambert de la Motte đi Hải Phố cuối tháng 5 năm 1676 [*sic*]. Ngài nhận thấy công cuộc truyền giáo tại Đàng Trong gặp hồi phát triển hơn là lúc ngài đi kinh lý năm 1671, số người được rửa tội đã gia tăng và được chính sách khoan dung cho phép tín hữu thực hành đạo mà không sợ bị bách hại. Không gặp khó khăn, đức giám mục Béryste xin được giấy phép tự do lưu thông trong vương quốc. Ngài được tiếp đón nồng nhiệt tại tất cả các nơi có người kitô hữu sinh sống, ngài thăm viếng họ, sự tiếp đón thật là êm dịu đối với trái tim tông đồ của ngài. Tại Huế, ngài ban phép thêm sức cho hơn 10.000 tân tòng. Khi ngài rảo qua các tỉnh phía Bắc

[kinh đô Huế], ngài thấy dân chúng nhiều làng công giáo toàn tòng chạy đến với ngài, ngài tiếp đón với lòng nhân từ và ngài khích lệ con chiên bốn đạo. Ngài đã có thể viết thư cho đức cha Pallu : « Chuyến viếng thăm của tôi đến Đàng Trong tràn đầy ơn phước lành. » Trong những bản báo cáo, các thừa sai đều đồng ý cho rằng thời kỳ này là một trong các thời kỳ hạnh phúc nhất của lịch sử truyền bá đạo công giáo trên đất Đàng Trong.

Trong các chuyến kinh lý của đức cha Béryste, đã xảy ra hai sự kiện được coi là phép lạ và tiếng đồn vang ra đã góp phần mở rộng phong trào trở lại đạo. Thừa sai Vachet, người chứng kiến sự kiện thứ nhất, đã kể lại trong hồi ký của ngài, với một văn phong vừa thân thiện vừa sống động vốn là đặc trưng các bài viết của ngài. Người ta đã đem đến cho vị thừa sai này một đứa trẻ mười tháng, nó không tỏ dấu hiệu gì là còn sống. Và cha mẹ đứa trẻ khẩn nài vị linh mục ấy cầu xin đức giám mục làm sao cho đứa trẻ khỏe lại.

« Tôi quan sát thật gần đứa bé nhưng nó có vẻ như đã chết vì tim đã ngừng đập, mạch đã hết nhảy, khuôn mặt nhợt nhạt, nói được là tôi không còn tìm thấy chút sinh khí nào nơi đứa bé. Tôi hỏi đôi vợ chồng :

- Các con tính sao ? Đứa bé này đã chết, không nên làm phiền thêm Đức Cha, vì ngài đang rất bận công chuyện.

Hai người đáng thương ấy quỳ xuống dưới chân tôi, khẩn khoản nài xin tôi cho phép họ hưởng niềm an ủi đó. Tâm hồn đau đớn của họ đã làm mềm trái tim tôi, tôi bảo họ :

- Các con chờ ở đây, trong chốc lát cha sẽ trở lại.

Tôi quay lại tường trình mọi việc không dấu giếm chút nào. Đức cha hỏi tôi :

- Thế cha có tin là đứa bé đã chết rồi không ?

Tôi trả lời là không phải chỉ mình tôi tin như thế, mà tất cả những ai có mặt khi tôi xem xét đứa bé họ đều cùng có ý nghĩ như tôi. Dựa trên cảm nghĩ đó, tôi muốn bảo họ ra về để họ khỏi quấy rầy thêm nữa, nhưng họ không muốn ra đi trước khi Đức Cha ban phép lành đặc biệt cho đứa bé. Lập tức Đức cha Béryte đứng lên. Cả nhóm người đang họp cùng theo ngài vào nhà nguyện. Ngài vừa đi vào vừa nói với tôi bằng một giọng mà bình thường tôi không bao giờ nghe ngài nói như thế :

- Cha hãy ẵm lấy đứa bé và trao cho tôi !

Tôi ẵm đứa trẻ từ tay mẹ nó và trao cho ngài. Ngài đặt nó nằm trên bàn thờ, còn ngài thì quỳ gối, đầu cúi xuống chạm vào cơ thể đứa bé. Tôi đứng gần ngài suốt mười lăm phút, chỉ nghe ngài thở dài đôi ba bận, và thấy ngài chảy nước mắt. Ngài nói mấy lời này :

- Lạy Thiên Chúa, con xin tạ ơn Ngài.

Đồng thời ngài ẵm lại đứa bé trao cho tôi và nói :

- Cha hãy trả đứa bé này lại cho mẹ nó.

Tôi ngạc nhiên vì đứa trẻ dương đôi mắt lấp lánh bé xíu nhìn tôi, miệng mỉm cười, và sắc hồng trở lại trên khuôn mặt, một sắc màu khác với màu da bình thường của dân xứ này. Tôi chưa kịp trao đứa trẻ cho mẹ nó thì nó đã nhào vào lòng mẹ để đòi bú như mọi hôm.

Đức cha trở về ngay lập tức với các cộng sự viên và bảo tôi cho đôi vợ chồng đó ra về, cấm họ loan tin đó ra ngoài. Nhưng người chủ nhà không đồng ý và muốn cho họ ăn uống. Chúng tôi muốn dấu tin này cũng không được, bởi vì ai nấy đều nôn nóng mời đến nhà họ khi thì người cha, khi thì người mẹ và đứa bé. » (3)

Một lần khác đức cha Béryste giải thoát một phụ nữ khỏi bị quỷ ám bằng cách gửi thánh giá mục tử của ngài đến. « Bởi vì thầy giảng mà ngài sai đi yêu cầu đức cha hãy đến, hoặc xin đức cha gọi kẻ bị quỷ ám ấy đến trước mặt ngài, đức cha dịu dàng từ chối mà nói rằng :

- Không có lẽ nào mà một tội tớ của Chúa Giêsu Kitô lại tuân theo luật lệ của ma quỷ, chính chúng ta phải bắt quỷ tuân phục. Quỷ sẽ xuất ra mà ta không cần đến đó ; hoặc là, thôi hãy đi đi, quỷ đã xuất khỏi rồi và người đàn bà ấy đã được giải thoát.

Thật vậy, vào chính lúc ấy, người đàn bà vốn đang ở trong một nhà xa cách đó, tỏ cho biết là quỷ đã rời khỏi bà. Và từ đó, bà được bình yên hoàn toàn. » (4)

Khi đức cha Béryte đã hoàn tất công việc thăm viếng các giáo xứ lớn thuộc giáo phận của ngài, đã khích lệ các thừa sai, và nhờ sự hiện diện của ngài mà khiến cho việc loan tin mừng có một năng động mới, thì ngài vội trở về Xiêm La, vừa để giữ lời hứa với vua Phra-Narai, vừa để trợ lực cho giám mục Métellopolis bấy giờ đang gặp khó khăn do người Bồ Đào Nha gây ra. Về phần mình, đức cha Pallu hay tin có sự hận thù dai dẳng đó, đã lên đường về lại châu Âu [*sic*], để làm trạng sư bên vực, lần thứ ba, cho việc truyền giáo Pháp bên cạnh Tòa Thánh. Nhưng các công trình đã thực hiện được từ mười lăm năm nay bởi các vị đại diện tông tòa là luận chứng tốt nhất. Do vậy, đức cha Pallu đã xin được Roma ban cho các quyết định hầu như vượt quá mục tiêu mà ngài mong ước. Không những Xiêm La, bao gồm cả khu trại người Bồ Đào Nha, là thuộc quyền tài phán của các vị đại diện tông tòa, mà ngay các tu sĩ thuộc mọi quốc tịch cư trú trong các giáo phận tông tòa của các ngài đều đã nhận lệnh phải tuyên thệ tuân phục các ngài. Tuy nhiên, chỉ thị sau cùng này gặp sự phản kháng, ngay trên đất Pháp, đến nỗi chỉ thị ấy nằm lại như một văn kiện chết (*lettre morte*). Việc tái tổ chức các giáo phận tông tòa mang một tầm mức thực tế rất lớn.

« Bởi một loạt các sắc lệnh, thánh bộ Truyền bá Đức tin phân chia các miền truyền giáo thành sáu giáo phận tông tòa lớn và chỉ định mỗi nơi một vị đại diện tông tòa. Thánh Bộ giao cho cha Grégoire Lopez, tu sĩ dòng Đa Minh người Trung hoa, giám mục hiệu tòa Basilée,

phụ trách vùng phía bắc Trung Hoa bao gồm sáu tỉnh ; giao cho đức cha Pallu phụ trách miền nam Trung Hoa gồm chín tỉnh và tất cả các đảo ; vương quốc Đàng Ngoài và Lào, giao cho các đức cha Deydier và Bourges ; các vương quốc Đàng Trong, Chàm và Xiêm La trao cho đức cha De la Motte ; Nhật Bản và các xứ kế cận, giao cho đức cha Laneau. » (5)

Thánh Bộ lập nên hai vị tổng giám quản : đức cha Pallu đứng đầu các xứ truyền giáo tại Trung Hoa và ngài có vị phụ tá là cha Bernadin, tu sĩ dòng Phan-xi-cô, giám mục hiệu tòa Argoli ; đức cha De la Motte được giao trách nhiệm các xứ khác với cha Mahot làm phụ tá (6). Việc lập nên sáu giáo phận tông tòa và sự bổ nhiệm tám giám mục trên là các biến cố thực sự đối với các Giáo Hội vùng Viễn Đông, trong khi đó việc chọn đặt ra hai vị tổng giám quản trực tiếp lệ thuộc Thánh Bộ lại thắt chặt mối dây liên kết giữa các ngài với Tòa Thánh Roma, thống nhất sự cai quản của các ngài và chuẩn bị cho việc thiết lập hàng giáo phẩm.

Nay đã đi xa rồi cái thời mà đức cha Pallu và đức cha Lambert vất vả ngược xuôi mới xin bổ nhiệm được ba vị đại diện tông tòa, xa rồi cái thời mà Hội Truyền giáo Hải ngoại buộc phải tranh đấu để cho hai trong số các giám mục của Hội được tiếp đón ở Viễn Đông, và để giải thoát các linh mục khỏi cái ách của người Bồ Đào Nha. Công trình mà Hội Truyền giáo đã bắt đầu xúc tiến hai mươi năm về trước, thì đang tiến triển, đang mở

rộng và trở nên mạnh mẽ hơn sau những loạt tấn công mà Hội Truyền giáo đã phải chịu, giống như những thân cây cứng rắn đương đầu với gió bão, và càng đâm rễ sâu hơn nữa theo từng đợt gió thổi qua như đe dọa bứng cả gốc rễ mang đi. » (7)

Trong khi đức giám mục Héliopolis đạt được các canh tân quan trọng này, thì tại Xiêm La, đức giám mục Béryste vẫn bình thản kiên trì với một cuộc chiến đấu mà chính ngài bị đối phương nhắm tới một cách đặc biệt. Ngài giao phó cho Tòa Thánh Roma xét xử mọi thứ lạm dụng quyền bính mà các tu sĩ Bồ Đào Nha đã vi phạm, và ra lệnh cấm những ai cho phép các việc đã bị kết án bởi kỷ luật của Giáo Hội. Sự cương quyết của Tòa Thánh, với các quyết định bênh vực một cách không lay chuyển lý lẽ của các giám mục người Pháp, khiến cho sự kháng cự phải dần dần lùi bước. Trước tiên là các tu sĩ dòng Đa Minh, sau là dòng Tên, rồi cuộc đấu cũi đầu tiên phục quyền bính mà họ không thể chống cự lâu hơn, với chút vẻ thành tâm thiện chí bề ngoài.

Nhưng các chức năng của vị tổng giám quản mà đức giáo hoàng vừa trao cho đức cha Lambert de la Motte qua các sắc lệnh ngày 17-7-1678 và ngày 01-4-1680 đã chẳng bao giờ được ngài thi hành. Sức khỏe của ngài, từ lâu đã chao đảo, nay sắp đến lúc suy tàn và cuộc đời ngài chỉ còn là một cuộc tử đạo dài (8). Các đau đớn làm cho tính khí ngài mất vui và càng lúc ngài càng

sống tách biệt, chỉ còn muốn gặp mặt các bạn đồng hành trung thành với công việc của ngài mà thôi. Suốt sáu tuần lễ, cơn sốt không rời xa ngài. Trong những cơn đau đớn và càng lúc càng thường xuyên hơn mà ngài phải chịu, thì ngài thốt ra những lời này mà thôi : « *Auge dolorem, auge patientiam* » (Lạy Chúa, hãy thêm nỗi đau đớn của con để thêm phần con vâng phục Chúa) [*sic*]. Sau cùng vào ngày 15-6-1679, lúc bốn giờ sáng, Chúa đã rủ lòng thương đến các nỗi đau đớn của ngài và gọi ngài về cùng Chúa. Ngài lúc đó là 55 tuổi. (9)

Đức giám mục Béryste mất đi, các công cuộc truyền giáo Pháp tại Viễn Đông thiếu mất một trong các nhà tiên phong hùng dũng nhất, mất một người khéo tổ chức đã vượt qua bao trở ngại mà thiết lập việc truyền giáo trên nền móng vững chắc trong những vương quốc Xiêm La, Đàng Trong và Đàng Ngoài. Chúng ta hiểu cảm xúc sâu xa dường nào xâm chiếm tâm hồn các thừa sai và người công giáo và tất cả những ai quan tâm đến việc mở mang cuộc truyền giáo của người Pháp, dù nhìn dưới góc độ nào, khi nghe tin đức giám mục qua đời. Nhân cách của ngài khiến mọi người nhất tề kính phục, vì khi họ trái ý ngài thì ngài vẫn nhẫn nhục kiên vững. Cho nên người ta thấy người công giáo, tin lành và lương dân qui tụ thành đoàn đông đảo quanh ngôi mộ của ngài để kính viếng lần cuối. Vua Xiêm La, tỏ lòng kính mến đặc biệt, đã sai các quan đại thần đến viếng tang lễ. Các bổn đạo ở Đàng Ngoài và Đàng Trong,

muốn tỏ lòng đau buồn thương tiếc, đã giữ chay chín ngày.

Một bức thư ngắn khen ngợi mà đức giáo hoàng Innocent XI đã gửi ngày 4-10 cho đức cha Lambert de la Motte, vì chưa biết tin ngài qua đời, nói theo lời cha Launay, thì thành ra như là « một vòng hoa đặt trên ngôi mộ người quá cố danh tiếng ấy ». Bản văn đoạn sắc đó như sau :

« Các bức thư mà đức cha đã viết cho ta từ Xiêm La làm cho ta vui mừng, và vui mừng hơn nữa vì phải mất thời gian dài thư mới đến được ta, nếu như gọi được là lâu thời gian mà thư đến từ chốn xa xôi ấy. Ngoài sự kính trọng mà đức cha đã biểu lộ ra đối với bản thân ta, không phải vì công trạng cá nhân của ta, song vì sự Chúa quan phòng đặt ta trên tòa này mà điều khiển Hội Thánh, ta rất hân hoan được hay tin mùa gặt phong phú, vào những ngày này, cho cánh đồng của Chúa được thêm bội phần nơi các vùng đất xa xôi đó. Tin tưởng rằng đức cha làm việc hăng say cho công trình đáng ca tụng ấy, và đức cha có nhiệt huyết truyền bá đức tin công giáo, với tình cảm thấm thiết nhất trong tình yêu thương của người cha, ta ôm hôn đức cha trong Chúa. Hãy tin rằng sự giúp đỡ của ta luôn luôn trợ lực những cố gắng đạo đức mà đức cha không ngừng thực hiện, hầu đạt tới mục đích sang trọng của đức cha và thu được phần thưởng dọn sẵn trên trời cho đức cha (...) Ta thân ái ban phép lành Tòa Thánh cho hiền đệ. » (10)

Các thư từ và các bản báo cáo do các đại diện tông tòa và do các thừa sai gửi về trụ sở Hội Truyền giáo Hải ngoại tại Paris vào lúc đức giám mục qua đời, thấy đều kết thành bó hoa cảm động thương tiếc và thán phục đối với vị giám mục không hề biết mỗi một này. Trong số các điều văn ấy, cha Launay đã trích dẫn hai điều văn tiêu biểu đặc biệt, mà sau cha, chúng tôi xin trích ra đây. Một bài của đức cha Pallu, mà chúng ta đã thấy ngài cộng tác tích cực biết bao trong các cuộc tranh đấu suốt 30 năm trường. Vị giám mục hiệu tòa Héliopolis, với cá tính khác hẳn cá tính của đức giám mục Béryste, và do đó, nhiều phen khác ý kiến khi lúc đầu mới xem xét các vấn đề mà các ngài phải cùng nhau giải quyết. Đức cha Pallu thường công nhận cách nhìn rất đúng của đức cố giám và nhiều phen ngài lại đứng vào quan điểm ấy. Lời tán dương mà đức cha Pallu dành cho vị cố giám mục mà chúng tôi trích dẫn là lời khen ngợi của một người đã quan sát cố giám mục nhiều năm. Các đặc điểm mà đức cha Pallu mô tả rõ ràng là những nét mà chúng ta đã thấy nổi bật trong cuộc đời rất tràn đầy của cố giám mục.

« Gặp ai khác thì chắc đã quy ngã trong nhiệm vụ, nhưng đức cha Béryste thì đã biết khéo léo dàn xếp những tâm trí và hòa giải mọi sự nhờ tính dịu dàng, kiên nhẫn và độ lượng của ngài, nhờ gương sáng một đời sống thánh thiện, luôn luôn mực thước, không bao giờ lay chuyển dưới cách thức nào đi chăng nữa, nhưng đặc biệt nhờ kinh nguyện khẩn thiết dâng về Thiên Chúa,

và sau hết ngài đã đem về tất cả mọi lòng trí xa cách lầm lạc. Ngài đã làm chủ mọi tình huống và sắp đặt tất cả theo như ngài muốn. Tất cả những ai biết đức cha Béryste đều hiểu rằng khó mà tìm được một người thích hợp hơn ngài vào nhiệm vụ mà ngài thực hiện.

Sau Thiên Chúa, chính nhờ đức cha mà người ta có được các công trình tại xiêm La, tại Đàng Trong và Đàng Ngoài. Giữa những công trình đó, ngài đã phải vượt qua nhiều khó khăn và chịu đựng các công kích rất kịch liệt. Ngài đã khéo léo lo liệu cho hai nơi truyền giáo sau chống lại sự chia rẽ nội bộ vốn đã mở ra công khai. Hai nơi ấy vẫn đứng vững cho đến hiện tại, lại được tăng cường thêm nhiều và phát triển mạnh, cho dù những kẻ cạnh tranh với chúng ta vẫn mang lòng ham muốn và gắng sức liên tục.

Thiên Chúa đã ban cho ngài một tinh thần dũng cảm, không hề biết đau hàng, cũng không hề nhu nhược, khi ngài thấy cái lý nằm phía bên ngài. Tuy nhiên, ngài biết nhượng bộ kịp thời khi cần, và cho đi sự gì đó để đạt được điều cơ bản.

Ngài đáng kính phục nhất là trong những phương pháp xử sự mà ngài không bao giờ thiếu. Sau hết, ở đây, không khi nào ngài thực hiện sự gì quan trọng mà ngài lại không đi tới cùng. Các đối thủ của ngài là những người Bồ Đào Nha, người Hòa Lan, người Anh và nhiều nhân vật thế giá khác, người Á Rập [Maures], người Trung Hoa, người Xiêm La. Ngài vượt thắng tất

cả và bó buộc họ phải nhượng bộ, mà không bao giờ làm họ bị tổn thương. Và tất cả những sự đó, ngài thực hiện mà không bao giờ ra khỏi căn phòng mình, hoặc có ra thì cũng cực kỳ họa hiếm, và có thể nói rằng chẳng bao giờ ngài xuất hiện mà vùng vẫy khuấy động. » (11)

Một trong các linh mục hoạt động tích cực nhất trong việc truyền giáo là cha Courtaulin đã tự viết ra rằng : « Đức cha Béryte là một chim phượng hoàng bay trên cao lướt trên mây. Sự nguyện gẫm và cô tịch nơi ngài là thường xuyên. Tuy thế, ngài có sự tỉnh thức rất đáng phục, không bao giờ bỏ qua một cơ hội nhỏ mọn nào mà không tìm ra sự thiện ích và thăng tiến cho các thừa sai theo khả năng của ngài. Ngài đã gặp những việc phiền hà và khó khăn đối đầu với người Bồ Đào Nha, người Á Rập, người Trung Hoa. Rốt cuộc thì ngài giải quyết tốt với họ khiến họ để cho ngài bình yên và họ không can thiệp vào công việc truyền giáo của ngài, và ngài làm được như thế mà không gây thù chuốc oán nào cả. » (12)

Các thế hệ tiếp sau đã chuẩn nhận những lời ca tụng của người thời đó, và nhất là Hội Truyền giáo Hải ngoại, với một lòng tôn kính đạo đức, luôn tưởng nhớ các vị đại diện tông tòa đầu tiên, vì các vị này suốt ba mươi năm cố gắng miệt mài đã đặt vững sự tồn tại cho Hội Truyền giáo.

Nhìn theo quan điểm công giáo, nếu chúng ta tự hỏi đã có kết quả nào do công trình của các vị sáng lập

những cuộc truyền giáo của Pháp tại vùng Viễn Đông, thì để có câu trả lời yên ủi nhất, chỉ cần giở từng trang cuốn biên niên sử Hội Truyền giáo Hải ngoại ở đường « rue du Bac ». Từ hơn 250 năm nay, Hội này không sồn chí hiện thực hoá mọi niềm hy vọng mà các vị sáng lập đã kỳ vọng gửi gắm nơi Hội.

Và nhìn theo quan điểm của người Pháp, làm sao không khỏi cảm thấy một tâm tình tri ân sâu sắc đối với các vị tiên phong phổ biến nền văn minh của chúng ta ? Các ngài đã làm cho các vua chúa và dân chúng các vương quốc xa xôi biết tới đất nước chúng ta. Nhờ tư cách cao cả, nhờ cá tính trỗi vượt lúc gian lao thử thách, nhờ tài khéo léo ngoại giao, các ngài đã bảo đảm uy tín cho thanh danh nước Pháp. Các ngài đã mở con đường sẽ sinh hoa sinh trái, trong tư cách là người dọn đường đích thực cho các kiều dân (colonisateurs) chúng ta thời thế kỷ XIX. Những con người ấy cốt yếu là tông đồ, và mọi ý tưởng xâm lăng chinh phục đều xa lạ với các ngài. Nhưng các ngài đã thoáng thấy sự trao đổi có kết quả trong lãnh vực trí thức cũng như trong lãnh vực thương mại, sự trao đổi đã có thể được thiết lập giữa nước Pháp và các tiểu quốc vùng nam Á châu. Tư tưởng của các ngài, tư tưởng hoàn toàn phù hợp với nhân quan của vua Louis XIV và của thủ tướng Colbert, là gốc gác phát sinh mọi cố gắng. Chính nhờ đó, nền văn minh Pháp dần dần đến được nơi các đất nước này, tạo chỗ đứng bên cạnh những nền văn minh phương Tây khác đang hồi suy tàn. Và bởi vì nền văn minh Pháp báo

trước sự xuất hiện của một cường quốc mới tại thế giới Á châu, cho nên hoạt động của các giám mục người Pháp đã bị chống đối bởi các đại diện xứ Bồ Đào Nha. Dựa trên quyền bính của Tòa Thánh luôn nâng đỡ các ngài và đồng thời dựa trên uy tín của vua nước Pháp mà vinh quang chiếu ngời lúc bấy giờ, các vị giám mục biết rằng chỉ tùy thuộc nơi năng lực các ngài, việc xây dựng cho các thế kỷ tương lai công trình mà các ngài vừa mới tạo ra. Các ngài đã không phí công thất bại, và thời gian đã tôn trọng công trình các ngài làm.

Pierre Lambert de la Motte là con người của một công trình như vậy. Ngài thuộc về dòng dõi lâu đời của người xứ Normandie vốn đã cung cấp bao nhiêu nhà du hành gan dạ đến các đất nước chưa hề ai khám phá. Tinh thần của ngài cởi mở, mềm ẻo thích nghi với các tinh tế của luật pháp, biến ngài thành một nhà ngoại giao khéo léo. Tính ngài dịu dàng trong tư cách cương quyết đã bảo đảm cho ngài có những chiến thắng tinh thần trên các đối thủ, bởi vì sự dịu dàng ấy làm họ sống sót ngạc nhiên và khiến cho các cuộc tấn công của họ ra vô hiệu. Nhưng nhất là ngài có một tâm hồn của người tông đồ, được nuôi dưỡng bằng một tình yêu Chúa tha thiết, được nắn đúc bởi sự quên mình, mong muốn chịu đau khổ. Ngài đã nói : « Một kitô hữu không đau khổ thì chỉ có cái vỏ của đạo đức ». Chính trong lòng đạo đức rất sốt mến này mà ta phải tìm ra cái bí quyết gây ảnh hưởng mà ngài đã gieo chung quanh ngài : ngài là một

lò lửa hoạt động, khơi dậy lòng hăng say, an ủi những ai đến gần ngài.

Và ngày nay, khi chiếu một tia sáng nhỏ bé lên cuộc đời rất cao thượng và rất thanh khiết này, dường như chúng ta không làm việc vô ích. Và, nhờ kể lại một cách đơn sơ các công trình của ngài, dường như chúng ta có thể làm sống lại một chút cái ảnh hưởng sống động trải qua bao thế kỷ, từ một tâm hồn nhiệt thành đã phục vụ lý tưởng cao cả nhất.

&

Chú thích :

- (1)- A. Launay, *Histoire générale...*, sách đã dẫn, trang 193.
- (2)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Siam : 1662-1811*, sách đã dẫn, trang 28.
- (3)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Cochinchine...*, sách đã dẫn, trang 181.
- (4)- A. Launay, *Histoire générale...*, sách đã dẫn, trang 231
- (5)- AMEP, tập 108, trang 95 và 96.
- (6)- AMEP, tập 108, trang 97.
- (7)- A. Launay, *Histoire générale...*, sách đã dẫn, trang 242.
- (8)- Từ nhiều năm nay ngài bị bệnh đá.
- (9)- Ngài được an táng ở Juthia, nhưng ngôi mộ bị xâm hại, khi có cuộc bách hại đạo, năm 1688. Chỉ có một vài mảnh xương được các người ki-tô hữu An Nam thu nhặt lại.

(10)- A. Launay, *Histoire générale...*, sách đã dẫn, trang 254.

(11)- A. Launay, *Histoire générale...*, sách đã dẫn, trang 253.

(12)- A. Launay, *Histoire de la Mission de Siam : 1662-1811*, sách đã dẫn, trang 36.



Mục Lục

Lời giới thiệu	<i>trang 3</i>
Chương Thứ Nhất	<i>trang 7</i>
Chương Thứ Hai	<i>trang 17</i>
Chương Thứ Ba	<i>trang 37</i>
Chương Thứ Tư	<i>trang 51</i>
Chương Thứ Năm	<i>trang 65</i>
Chương Thứ Sáu	<i>trang 87</i>
Chương Thứ Bảy	<i>trang 97</i>
Mục lục	<i>trang 124</i>